

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG
KHOÁN PHÚ HƯNG
PHU HUNG SECURITIES
CORPORATION**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness**

Số/No.: 92/2026/PHS-PL

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 04 năm 2026
Ho Chi Minh City, 17 April 2026

**CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ
PERIODIC INFORMATION DISCLOSURE**

- Kính gửi/ To:
- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước/ *State Securities Commission of Vietnam*;
 - Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam/ *Vietnam Exchange*;
 - Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội/ *Hanoi Stock Exchange*;
 - Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh/ *Ho Chi Minh Stock Exchange*.

1. Tên tổ chức: **CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHÚ HƯNG** (“PHS”)
Name of organization: PHU HUNG SECURITIES CORPORATION (“PHS”)

– Mã chứng khoán/Mã thành viên/Stock code/Broker code: PHS/022

– Địa chỉ mới: Tầng 21, Phú Mỹ Hưng Tower, 08 Hoàng Văn Thái, Phường Tân Mỹ, Thành phố Hồ Chí Minh (Địa chỉ cũ: Tầng 21, Phú Mỹ Hưng Tower, 08 Hoàng Văn Thái, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh)
New Address: 21st Floor, Phu My Hung Tower, 08 Hoang Van Thai, Tan My Ward, Ho Chi Minh City (Old Address: 21st Floor, Phu My Hung Tower, 08 Hoang Van Thai, Tan Phu Ward, District 7, Ho Chi Minh City).

– Điện thoại liên hệ/Tel.: (+84 28) 5413 5479

Fax: (+84 28) 5413 5472

– E-mail: cbtt_phs@phs.vn

2. Nội dung thông tin công bố/ *Contents of disclosure:*

Căn cứ quy định tại Thông tư 96/2020/TT-BTC hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, PHS trân trọng công bố Biên bản họp và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 (chi tiết tham khảo tài liệu đính kèm).

According to Circular 96/2020/TT-BTC on guidance for information disclosure in the stock market, PHS sincerely discloses Meeting Minutes and Resolution of Annual General Meeting of Shareholders in 2026 (further information, please find the attachment).

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của PHS vào ngày 17 tháng 04 năm 2026 tại đường dẫn: <https://www.phs.vn>, phần Về PHS, mục Quan hệ cổ đông.

This information was published on PHS's website on 17 April 2026 in the link at <https://www.phs.vn>, tab About PHS, and Investor relation.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

We hereby certify that the information provided is true and correct and we bear the full responsibility to the law.

Tài liệu đính kèm:

Attached Document:

1. Biên bản họp số 01/2026/BB-DHĐCĐ ngày 16/04/2026;

Meeting Minutes No. 01/2026/BB-DHĐCĐ dated 16/04/2026;

2. Nghị quyết số 01/2026/NQ-DHĐCĐ ngày 16/04/2025.

Resolution No. 01/2026/NQ-DHĐCĐ dated 16/04/2026.

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC
ORGANIZATION REPRESENTATIVE

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)
(Signature, full name, position, and seal)



Ông/ Mr. CHEN CHIA KEN

Tổng Giám đốc
General Director

BIÊN BẢN HỌP
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NGÀY 16/04/2026
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHÚ HƯNG

- Tên doanh nghiệp : Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS)
- Địa chỉ : Tầng 21, Phú Mỹ Hưng Tower, 08 Hoàng Văn Thái, phường Tân Mỹ, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
- Mã số doanh nghiệp : 0313642887
- Giấy phép thành lập và hoạt động : 122/GP-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 20/01/2016
- Thời gian họp : Bắt đầu lúc 14h00 ngày 16/04/2026
Kết thúc lúc 16h15 ngày 16/04/2026
- Địa điểm họp : Tầng 21, Phú Mỹ Hưng Tower, 08 Hoàng Văn Thái, phường Tân Mỹ, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
- Chương trình và nội dung Đại hội : Theo Chương trình nghị sự Đại hội đồng cổ đông ngày 16 tháng 04 năm 2026 đã được thông báo đến cổ đông
- Chủ tọa Đại hội : Ông Chen Chia Ken
- Ban thư ký Đại hội : Ông Nguyễn Ngọc Thanh
- Ban kiểm phiếu : Bà Lê Thị Ngọc Anh – Trưởng ban
Bà Nguyễn Thị Bích Diệu – Thành viên
Bà Nguyễn Thị Thi Thu – Thành viên
- Số đại biểu tham dự : Vào lúc 14 giờ ngày 16/04/2026, số lượng cổ đông trực tiếp tham dự và ủy quyền cho người khác tham dự là 20 cổ đông, đại diện cho 197.868.743 cổ phần, chiếm tỷ lệ 98,9298% số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty (*Phụ lục đính kèm*).
- Căn cứ Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng, Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 16/04/2026 ("**Đại hội**") đủ điều kiện để tiến hành.



THỦ TỤC KHAI MẠC ĐẠI HỘI

1. Các cổ đông tiến hành đăng ký tham dự đại hội để nhận tài liệu của cuộc họp, thẻ biểu quyết, phiếu biểu quyết.
2. Ông Nguyễn Ngọc Thanh đọc báo cáo việc kiểm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội.
3. Bà Chiêu Nhã Thy thay mặt Ban tổ chức giới thiệu đại biểu tham dự Đại hội:

◆ Chủ tọa đoàn:

Ông Chen Chia Ken – theo Giấy ủy quyền số 01/2026/CTHĐQT/UQ-PHS ngày 23/3/2026 của Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

◆ Ban thư ký Đại hội

Ông Nguyễn Ngọc Thanh – Trưởng ban thư ký Đại hội – theo yêu cầu của chủ tọa

◆ Ban kiểm phiếu:

Bà Lê Thị Ngọc Anh – Trưởng Ban kiểm phiếu

Bà Nguyễn Thị Bích Diệu – Thành viên

Bà Nguyễn Thị Thi Thu – Thành viên

Đại hội biểu quyết thông qua thành viên của Chủ tọa đoàn, Ban thư ký, Ban kiểm phiếu với tỷ lệ tán thành: 100%.

Chủ tọa, Ban thư ký và Ban kiểm phiếu bắt đầu tiến hành Đại hội.

4. Chủ tọa công bố chương trình nghị sự của Đại hội.
5. Bà Chiêu Nhã Thy thay mặt Ban tổ chức đọc và hướng dẫn cách thức biểu quyết tại Đại hội.
6. Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 16/04/2026 biểu quyết thông qua chương trình nghị sự của Đại hội, hướng dẫn biểu quyết và cách thức biểu quyết của Đại hội. Tỷ lệ tán thành: 100%.

I. NỘI DUNG THẢO LUẬN VÀ BIỂU QUYẾT

Vào lúc 15h00 giờ ngày 16/04/2026, số lượng cổ đông trực tiếp tham dự và ủy quyền cho người khác tham dự là 37 cổ đông, đại diện cho 197.870.875 cổ phần, chiếm tỷ lệ 98,9308% số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.

Nội dung 1. Thảo luận và biểu quyết thông qua Báo cáo Tài chính kiểm toán năm 2025

Hội Đồng Quản Trị trình Đại hội thông qua Báo cáo Tài chính kiểm toán năm 2025 theo nội dung tờ trình đính kèm.

Đại hội biểu quyết thông qua với tỷ lệ:

Ý kiến	Số phiếu biểu quyết	Đạt tỷ lệ
Phiếu hợp lệ	197.870.874	99,999999%
Phiếu không hợp lệ	1	0,000001%
Tán thành	197.870.874	100%
Không tán thành	0	0%
Không có ý kiến	0	0%

Nội dung 2. Thảo luận và biểu quyết thông qua Báo cáo của Hội đồng Quản trị về Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2025

Hội đồng Quản trị trình Đại hội thông qua Báo cáo của Hội đồng Quản trị về Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2025 theo nội dung tờ trình đính kèm.

Đại hội biểu quyết thông qua với tỷ lệ:

Ý kiến	Số phiếu biểu quyết	Đạt tỷ lệ
Phiếu hợp lệ	197.870.874	99,999999%
Phiếu không hợp lệ	1	0,000001%
Tán thành	197.870.874	100%
Không tán thành	0	0%
Không có ý kiến	0	0%

Nội dung 3. Thảo luận và biểu quyết thông qua Báo cáo của Ban Kiểm soát về Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2025

Ban Kiểm soát trình Đại hội thông qua Báo cáo của Ban Kiểm soát về Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2025 theo nội dung tờ trình đính kèm.

Đại hội biểu quyết thông qua với tỷ lệ:

Ý kiến	Số phiếu biểu quyết	Đạt tỷ lệ
Phiếu hợp lệ	197.870.874	99,999999%
Phiếu không hợp lệ	1	0,000001%
Tán thành	197.870.874	100%
Không tán thành	0	0%
Không có ý kiến	0	0%

Nội dung 4. Thảo luận và biểu quyết thông qua Báo cáo về tình hình quản trị Công ty năm 2025

Hội đồng Quản trị trình Đại hội thông qua Báo cáo về tình hình quản trị Công ty năm 2025 theo nội dung tờ trình đính kèm.

Đại hội biểu quyết thông qua với tỷ lệ:

Ý kiến	Số phiếu biểu quyết	Đạt tỷ lệ
Phiếu hợp lệ	197.870.874	99,999999%
Phiếu không hợp lệ	1	0,000001%
Tán thành	197.870.874	100%
Không tán thành	0	0%

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Không có ý kiến	0	0%
-----------------	---	----

Nội dung 5. Thảo luận và biểu quyết thông qua Phương án phân phối lợi nhuận năm 2025 và ủy quyền cho Hội đồng Quản trị lựa chọn thời điểm phù hợp và tiến hành thủ tục chi trả cổ tức cho cổ đông

Hội đồng Quản trị trình Đại hội thông qua Phương án phân phối lợi nhuận năm 2025 và ủy quyền cho Hội đồng Quản trị lựa chọn thời điểm phù hợp và tiến hành thủ tục chi trả cổ tức cho cổ đông theo nội dung tờ trình đính kèm.

Đại hội biểu quyết thông qua với tỷ lệ:

Ý kiến	Số phiếu biểu quyết	Đạt tỷ lệ
Phiếu hợp lệ	197.870.874	99,999999%
Phiếu không hợp lệ	1	0,000001%
Tán thành	197.870.874	100%
Không tán thành	0	0%
Không có ý kiến	0	0%

Nội dung 6. Thảo luận và biểu quyết thông qua Kế hoạch phát triển và kinh doanh của Công ty trong năm 2026

Hội đồng Quản trị trình Đại hội thông qua Kế hoạch phát triển và kinh doanh của Công ty trong năm 2026 theo nội dung tờ trình đính kèm.

Đại hội biểu quyết thông qua với tỷ lệ:

Ý kiến	Số phiếu biểu quyết	Đạt tỷ lệ
Phiếu hợp lệ	197.870.874	99,999999%
Phiếu không hợp lệ	1	0,000001%
Tán thành	197.870.874	100%
Không tán thành	0	0%
Không có ý kiến	0	0%

Nội dung 7. Thảo luận và biểu quyết thông qua Dự toán ngân sách trong năm 2026

Hội đồng Quản trị trình Đại hội thông qua Dự toán ngân sách trong năm 2026 theo nội dung tờ trình đính kèm.

Đại hội biểu quyết thông qua với tỷ lệ:

Ý kiến	Số phiếu biểu quyết	Đạt tỷ lệ
Phiếu hợp lệ	197.870.874	99,999999%
Phiếu không hợp lệ	1	0,000001%
Tán thành	197.870.874	100%
Không tán thành	0	0%
Không có ý kiến	0	0%

Nội dung 8. Thảo luận và biểu quyết thông qua việc Lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập năm 2026

Ban Kiểm soát trình Đại hội thông qua việc Lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập năm 2026 theo nội dung tờ trình đính kèm.

Đại hội biểu quyết thông qua với tỷ lệ:

Ý kiến	Số phiếu biểu quyết	Đạt tỷ lệ
Phiếu hợp lệ	197.870.874	99,999999%
Phiếu không hợp lệ	1	0,000001%
Tán thành	197.870.359	99,9997%
Không tán thành	0	0%
Không có ý kiến	515	0,0003%

Nội dung 9. Thảo luận và biểu quyết thông qua Phương án chào bán cổ phiếu riêng lẻ, phương án sử dụng vốn và ủy quyền cho Hội đồng quản trị thực hiện phương án chào bán cổ phiếu riêng lẻ

Hội đồng Quản trị trình Đại hội thông qua Phương án chào bán cổ phiếu riêng lẻ, phương án sử dụng vốn và ủy quyền cho Hội đồng Quản trị thực hiện phương án chào bán cổ phiếu riêng lẻ theo nội dung tờ trình đính kèm.

Đại hội biểu quyết thông qua với tỷ lệ:

Ý kiến	Số phiếu biểu quyết	Đạt tỷ lệ
Phiếu hợp lệ	197.870.874	99,999999%
Phiếu không hợp lệ	1	0,000001%
Tán thành	197.870.874	100%
Không tán thành	0	0%
Không có ý kiến	0	0%

Nội dung 10. Thảo luận và biểu quyết thông qua việc Sửa đổi Điều lệ Công ty

Hội đồng Quản trị trình Đại hội thông qua việc sửa đổi Điều lệ Công ty theo nội dung tờ trình đính kèm.

Đại hội biểu quyết thông qua với tỷ lệ:

Ý kiến	Số phiếu biểu quyết	Đạt tỷ lệ
Phiếu hợp lệ	197.870.874	99,999999%
Phiếu không hợp lệ	1	0,000001%
Tán thành	197.870.359	99,9997%
Không tán thành	0	0%
Không có ý kiến	515	0,0003%

II. KẾT QUẢ THÔNG QUA DANH SÁCH NHÀ ĐẦU TƯ MUA CỔ PHIẾU PHS TRONG ĐỢT PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU RIÊNG LẺ

- i. Tổng số phiếu phát ra: 34 phiếu, đại diện cho 151.766.797 cổ phần, chiếm tỷ lệ 100% số cổ phần có quyền biểu quyết.
- ii. Tổng số phiếu thu vào: 34 phiếu, đại diện cho 151.766.797 cổ phần, chiếm tỷ lệ 100% số cổ phần có quyền biểu quyết trong đó:
 - Số phiếu hợp lệ: 34 phiếu, đại diện cho 151.766.797 cổ phần, chiếm tỷ lệ 100 % số cổ phần có quyền biểu quyết.
 - Số phiếu không hợp lệ: 0 phiếu, đại diện cho 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0 % số cổ phần có quyền biểu quyết.
 - Số phiếu không đồng ý: 0 phiếu, đại diện cho 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% số cổ phần có quyền biểu quyết.
 - Số phiếu không có ý kiến: 3 phiếu, đại diện cho 1.202 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,0008% số cổ phần có quyền biểu quyết.
- iii. Kết quả thông qua Danh sách nhà đầu tư mua cổ phiếu PHS trong đợt phát hành cổ phiếu riêng lẻ.

STT	Tên nhà đầu tư	Tỷ lệ biểu quyết	
		Số phiếu biểu quyết đồng ý	Đạt tỷ lệ
1	Công ty cổ phần CX Technology (VN)	151.765.595	99,9992%
2	New Beam International Inc	151.765.595	99,9992%
3	Freshfields Capital Corporation	151.765.595	99,9992%
4	Công ty TNHH Một Thành viên Thương Mại Dịch vụ Cuộc sống mới	151.765.595	99,9992%

III. THỦ TỤC BẾ MẠC ĐẠI HỘI

Vào lúc 16h15 giờ ngày 16/04/2026, số lượng cổ đông tham dự là 26 cổ đông, trong đó có 12 cổ đông trực tiếp tham dự và 14 cổ đông ủy quyền hợp pháp tham dự, đại diện cho 197.869.352 cổ phần, chiếm tỷ lệ 98,9301% số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.

Ông Nguyễn Ngọc Thanh đọc Biên bản Đại hội và Nghị quyết Đại hội.

Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 16/04/2026 biểu quyết thông qua Biên bản Đại hội và Nghị quyết Đại hội. Tỷ lệ tán thành: 100%.

Biên bản Đại hội được lập thành hai bản Tiếng Anh và hai bản Tiếng Việt, được lưu trữ tại Trụ sở chính của Công ty.

BAN THƯ KÝ ĐẠI HỘI



NGUYỄN NGỌC THANH

CHỦ TỌA ĐẠI HỘI



CHEN CHIA KEN



Tài liệu đính kèm:

1	Tờ trình về Báo cáo Tài chính kiểm toán năm 2025 (Đính kèm: Báo cáo Tài chính kiểm toán năm 2025)
2	Tờ trình về Báo cáo của Hội đồng Quản trị về Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2025
3	Tờ trình về Báo cáo của Ban Kiểm soát về Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2025
4	Tờ trình về Báo cáo về tình hình quản trị Công ty năm 2025 (Đính kèm: Báo cáo về tình hình quản trị Công ty năm 2025)
5	Tờ trình về Phương án phân phối lợi nhuận năm 2025 và ủy quyền cho Hội đồng Quản trị lựa chọn thời điểm phù hợp và tiến hành thủ tục chi trả cổ tức cho cổ đông
6	Tờ trình về Kế hoạch phát triển và kinh doanh của Công ty trong năm 2026 (Đính kèm: Kế hoạch phát triển và kinh doanh của Công ty trong năm 2026)
7	Tờ trình về Dự toán ngân sách năm 2026
8	Tờ trình về việc Lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập năm 2026
9	Tờ trình về việc Phương án chào bán cổ phiếu riêng lẻ, phương án sử dụng vốn và ủy quyền cho Hội đồng quản trị thực hiện phương án chào bán cổ phiếu riêng lẻ; (Đính kèm: Phương án phát hành cổ phiếu riêng lẻ)
10	Tờ trình về việc Sửa đổi Điều lệ Công ty (Đính kèm: Điều lệ dự thảo, Bảng so sánh giữa Điều lệ hiện hành và Điều lệ sửa đổi)

**NGHỊ QUYẾT
HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHÚ HƯNG**

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14;
- Điều lệ hiện hành của Công ty cổ phần Chứng khoán Phú Hưng;
- Biên bản họp Đại hội Cổ đông số 01/2026/BB-ĐHĐCĐ ngày 16 tháng 04 năm 2026 của Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng;
- Biên bản kiểm tra tư cách cổ đông và biên bản kiểm phiếu biểu quyết tại Đại hội.

Cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông Thường Niên của Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng ("**Đại hội**") diễn ra lúc 14:00 ngày 16 tháng 04 năm 2026 tại Tầng 21, Phú Mỹ Hưng Tower, 08 Hoàng Văn Thái, phường Tân Mỹ, Thành phố Hồ Chí Minh diễn ra hợp pháp, hợp lệ.



Thành phần tham dự:

- Các cổ đông sở hữu chứng khoán của Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng ("**PHS**") theo danh sách chốt vào ngày 19 tháng 03 năm 2026.

QUYẾT NGHỊ

Đại Hội Đồng Cổ Đông Thường Niên của Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng nhất trí thông qua các Nghị quyết của Đại hội như sau:

NGHỊ QUYẾT 1. THÔNG QUA BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN NĂM 2025

Đại hội nhất trí thông qua Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2025 theo nội dung tờ trình đính kèm.

NGHỊ QUYẾT 2. THÔNG QUA BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2025

Đại hội nhất trí thông qua Báo cáo của Hội Đồng Quản Trị về Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2025 theo nội dung tờ trình đính kèm.

NGHỊ QUYẾT 3. THÔNG QUA BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT VỀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2025

Đại hội nhất trí thông qua Báo cáo của Ban Kiểm soát về Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2025 theo nội dung tờ trình đính kèm.

NGHỊ QUYẾT 4. THÔNG QUA BÁO CÁO VỀ TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ CÔNG TY NĂM 2025

Đại hội nhất trí thông qua Báo cáo về tình hình quản trị Công ty năm 2025 theo nội dung tờ trình đính kèm.

NGHỊ QUYẾT 5. THÔNG QUA PHƯƠNG ÁN PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN NĂM 2025 VÀ ỦY QUYỀN CHO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ LỰA CHỌN THỜI ĐIỂM PHÙ HỢP VÀ TIẾN HÀNH THỦ TỤC CHI TRẢ CỔ TỨC CHO CỔ ĐÔNG

Đại hội nhất trí thông qua Phương án phân phối lợi nhuận năm 2025 và ủy quyền cho Hội đồng Quản trị lựa chọn thời điểm phù hợp và tiến hành thủ tục chi trả cổ tức cho cổ đông theo nội dung tờ trình đính kèm.

NGHỊ QUYẾT 6. THÔNG QUA KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN VÀ KINH DOANH CỦA CÔNG TY TRONG NĂM 2026

Đại hội nhất trí thông qua Kế hoạch phát triển và kinh doanh của Công ty trong năm 2026 theo nội dung tờ trình đính kèm.

NGHỊ QUYẾT 7. THÔNG QUA DỰ TOÁN NGÂN SÁCH TRONG NĂM 2026

Đại hội nhất trí thông qua Dự toán ngân sách trong năm 2026 theo nội dung tờ trình đính kèm.

NGHỊ QUYẾT 8. THÔNG QUA VIỆC LỰA CHỌN ĐƠN VỊ KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP NĂM 2026

Đại hội nhất trí thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập năm 2026 theo nội dung tờ trình đính kèm.

NGHỊ QUYẾT 9. THÔNG QUA PHƯƠNG ÁN CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RIÊNG LẺ, PHƯƠNG ÁN SỬ DỤNG VỐN VÀ ỦY QUYỀN CHO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ THỰC HIỆN PHƯƠNG ÁN CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RIÊNG LẺ

Đại hội nhất trí thông qua Phương án chào bán cổ phiếu riêng lẻ, phương án sử dụng vốn và ủy quyền cho Hội đồng Quản trị thực hiện phương án chào bán cổ phiếu riêng lẻ theo nội dung tờ trình đính kèm.

Đại hội nhất trí thông qua Danh sách nhà đầu tư mua cổ phiếu PHS trong đợt phát hành cổ phiếu riêng lẻ cụ thể như sau:

STT	Tên Nhà đầu tư	Thẻ căn cước công dân/Hộ chiếu hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	Đối tượng		Số lượng cổ phiếu sở hữu trước đợt chào bán (cổ phiếu)	Số lượng cổ phiếu dự kiến được phân phối (cổ phiếu)	Tỷ lệ sở hữu dự kiến sau đợt phát hành (%)
			Nhà đầu tư chiến lược/ Nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp	Nhà đầu tư nước ngoài/ Tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ trên 50% vốn điều lệ/Nhà đầu tư trong nước			
1.	Công ty cổ phần CX Technology (VN)	0300737556	Nhà đầu tư chiến lược	Nhà đầu tư nước ngoài	0	25.000.000	10,00%
2.	New Beam International Inc	1909904	Nhà đầu tư chiến lược	Nhà đầu tư nước ngoài	41.676.745	10.419.000	20,84%
3.	Freshfields Capital Corporation	80690793	Nhà đầu tư chiến lược	Nhà đầu tư nước ngoài	1.290.486	13.796.000	6,03%
4.	Công ty TNHH Một Thành viên Thương Mại Dịch vụ Cuộc sống mới	0307382140	Nhà đầu tư chiến lược	Nhà đầu tư trong nước	3.136.847	785.000	1,57%
Tổng cộng					46.104.078	50.000.000	

NGHỊ QUYẾT 10. THÔNG QUA VIỆC SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ CÔNG TY

Đại hội nhất trí thông qua việc Sửa đổi Điều lệ Công ty theo nội dung tờ trình đính kèm.

NGHỊ QUYẾT 11. ĐIỀU KHOẢN THỰC HIỆN

Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày 16 tháng 04 năm 2026.

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng chịu trách nhiệm tổ chức, hướng dẫn công ty thi hành các điều khoản của Nghị quyết này.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN

CHỦ TỌA ĐẠI HỘI



CHEN CHIA KEN

No.: 01/2026/TTr-HĐQT

TP. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 04 năm 2026

TỜ TRÌNH

**Thông qua Báo cáo tài chính kiểm toán cho năm
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025**

**Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN
CTCP CHỨNG KHOÁN PHÚ HƯNG**

Hội Đồng Quản Trị Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng kính trình Đại hội đồng Cổ đông thường niên thông qua **Báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025** đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH KPMG Việt Nam.

Báo cáo tài chính đã được công bố thông tin theo quy định, đồng thời được đăng tải trên website của công ty (<https://www.phs.vn>), bao gồm:

- 1/ Báo cáo của Ban Giám Đốc
- 2/ Báo cáo Kiểm toán độc lập
- 3/ Báo cáo Tình hình tài chính tại ngày 31/12/2025
- 4/ Báo cáo Kết quả hoạt động cho năm kết thúc ngày 31/12/2025
- 5/ Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31/12/2025
- 6/ Báo cáo Tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm kết thúc ngày 31/12/2025
- 7/ Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31/12/2025

Trong đó, bao gồm một số chỉ tiêu cơ bản sau:

STT	Chỉ tiêu	Số tiền (đồng)
1	Tổng tài sản	5.584.214.877.788
2	Vốn Chủ sở hữu	2.140.417.230.247
3	Doanh thu	675.696.469.927
4	Lợi nhuận trước thuế	116.755.674.497
5	Lợi nhuận sau thuế	93.320.352.400

Kính trình Đại hội xem xét và thông qua.

T.M. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH
ALBERT KWANG-CHIN TING



Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng

Báo cáo tài chính cho năm
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025



Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng
Thông tin về Công ty

**Giấy phép Thành lập
và Hoạt động số**

122/GP-UBCK	ngày 20 tháng 1 năm 2016
18/GPĐC-UBCK	ngày 22 tháng 6 năm 2016
23/GPĐC-UBCK	ngày 25 tháng 7 năm 2016
03/GPĐC-UBCK	ngày 23 tháng 1 năm 2017
03/GPĐC-UBCK	ngày 11 tháng 1 năm 2018
100/GPĐC-UBCK	ngày 29 tháng 11 năm 2018
107/GPĐC-UBCK	ngày 26 tháng 12 năm 2018
47/GPĐC-UBCK	ngày 21 tháng 8 năm 2019
12/GPĐC-UBCK	ngày 4 tháng 3 năm 2020
03/GCN-UBCK	ngày 16 tháng 6 năm 2020
04/GCN-UBCK	ngày 16 tháng 6 năm 2020
48/GPĐC-UBCK	ngày 24 tháng 6 năm 2021
82/GPĐC-UBCK	ngày 28 tháng 9 năm 2021
57/GCN-UBCK	ngày 31 tháng 12 năm 2021
79/GPĐC-UBCK	ngày 29 tháng 8 năm 2022
110/GPĐC-UBCK	ngày 10 tháng 11 năm 2022
102/GPĐC-UBCK	ngày 24 tháng 12 năm 2024

Giấy phép Thành lập và Hoạt động và các giấy phép điều chỉnh do Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Giấy Chứng nhận

Đăng ký Doanh nghiệp số 0313642887

ngày 20 tháng 1 năm 2016

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần điều chỉnh gần nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0313642887 ngày 21 tháng 3 năm 2025 do Phòng Đăng ký Kinh doanh của Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Albert Kwang-Chin Ting	Chủ tịch
Ông Nguyễn Đoàn Hùng	Thành viên
Ông Wu, Jin-Jeng	Thành viên
Ông Chen Chia Ken	Thành viên
Bà Lin, Hsiu-Chu	Thành viên độc lập (từ ngày 17 tháng 4 năm 2025)
Bà Liu, Hsiu-Mei	Thành viên độc lập (đến ngày 17 tháng 4 năm 2025)

Ban Kiểm soát

Ông Liew Sep Siang	Trưởng ban
Ông Chiu, Hsien-Chih	Thành viên
Bà Wang, Gwan Fang	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Chen Chia Ken	Tổng Giám đốc
Bà Phạm Thị Thu Nhân	Phó Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng
Thông tin về Công ty (tiếp theo)

Trụ sở đăng ký

Trụ sở chính Tầng 21, Phú Mỹ Hưng Tower
8 Hoàng Văn Thái, Phường Tân Mỹ
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Chi nhánh Quận 1 Phòng 1003A, Tầng 10
81-83-83B-85 Hàm Nghi, Phường Bến Thành
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Chi nhánh Quận 3 Tầng 4
458 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Bàn Cờ
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Chi nhánh Tân Bình Tòa nhà Park Legend
251 Hoàng Văn Thụ, Phường Tân Sơn Hòa
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Chi nhánh Thanh Xuân Tầng 5, Tòa nhà Udic Complex
N04 Hoàng Đạo Thúy, Phường Yên Hòa
Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chi nhánh Hải Phòng Tầng 2, Tòa nhà Eliteco
18 Trần Hưng Đạo, Phường Hồng Bàng
Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

Công ty kiểm toán Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng
Báo cáo của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính đính kèm của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 210”) do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán, Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 (“Thông tư 334”) do Bộ Tài chính ban hành về sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và Phụ lục 04 của Thông tư 210 và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính được trình bày từ trang 6 đến trang 65 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả hoạt động và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư 210, Thông tư 334 và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính đính kèm.



Thay mặt Ban Giám đốc

Ông Chen Chia Ken
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 6 tháng 3 năm 2026





Chi nhánh Công ty TNHH KPMG
Số 115 Đường Nguyễn Huệ, Phường Sài Gòn,
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính đính kèm của Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (“Công ty”), bao gồm báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, báo cáo kết quả hoạt động, báo cáo lưu chuyển tiền tệ liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 6 tháng 3 năm 2026, được trình bày từ trang 6 đến trang 65.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 210”) do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán, Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 do Bộ Tài chính ban hành về sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và Phụ lục 04 của Thông tư 210 và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc Công ty cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả hoạt động và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 do Bộ Tài chính ban hành về sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và Phụ lục 04 của Thông tư 210 và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 25-01-00437-26-1



Nguyễn Thị Thu Hà
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 2236-2023-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Phạm Huy Cường
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 2675-2024-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 6 tháng 3 năm 2026

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng
Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Mẫu số B01 – CTCK
 (Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
 ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025 VND	31/12/2024 VND
TÀI SẢN				
A	TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110 + 130)		5.270.896.578.783	3.848.310.376.508
I	Tài sản tài chính		5.258.082.897.864	3.840.828.798.363
1	111	5	317.980.705.392	181.971.791.321
1.1	111.1		72.550.682.358	38.430.103.044
1.2	111.2		245.430.023.034	143.541.688.277
2	112	7(a)	195.121.674.698	73.857.466.068
3	113	7(b)	552.500.000.000	696.000.000.000
4	114	7(c)	4.119.776.448.820	2.874.796.226.533
6	116	11(a)	(47.534.983.549)	(47.534.983.549)
7	117	8	86.440.418.793	51.291.372.400
7.2	117.2		86.440.418.793	51.291.372.400
8	118		1.059.710.460	1.175.067.215
9	119	9	28.033.051.679	3.773.839.584
12	122	10	12.984.636.386	13.808.912.532
13	129	11(b)	(8.278.764.815)	(8.310.893.741)
II	Tài sản ngắn hạn khác		12.813.680.919	7.481.578.145
1	131		55.000.000	246.977.600
3	133	12(a)	3.758.779.919	5.174.553.497
6	136	22	-	2.060.047.048
7	137	13	8.999.901.000	-

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng
Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu số B01 – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025 VND	31/12/2024 VND
B	TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210 + 220 + 250)		313.318.299.005	83.054.992.749
I	Tài sản tài chính dài hạn		250.000.000.000	-
2	Các khoản đầu tư		250.000.000.000	-
2.1	Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		250.000.000.000	-
II	Tài sản cố định		18.388.546.565	28.747.496.335
1	Tài sản cố định hữu hình		6.440.334.654	11.974.883.600
	Nguyên giá		46.785.200.055	51.812.143.364
	Giá trị hao mòn lũy kế		(40.344.865.401)	(39.837.259.764)
3	Tài sản cố định vô hình		11.948.211.911	16.772.612.735
	Nguyên giá		37.144.216.400	36.879.716.400
	Giá trị hao mòn lũy kế		(25.196.004.489)	(20.107.103.665)
V	Tài sản dài hạn khác		44.929.752.440	54.307.496.414
1	Ký quỹ, ký cược dài hạn		4.622.592.556	5.470.397.057
2	Chi phí trả trước dài hạn		3.291.999.354	10.152.079.973
3	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		6.915.420.854	9.141.330.600
4	Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ Thanh toán		20.000.000.000	19.464.116.068
5	Tài sản dài hạn khác		10.099.739.676	10.079.572.716
	TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270	5.584.214.877.788	3.931.365.369.257

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng
Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu số B01 – CTCK
 (Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
 ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025 VND	31/12/2024 VND
C	NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 340)	300	3.443.797.647.541	1.864.267.558.510
I	Nợ phải trả ngắn hạn	310	3.441.493.060.874	1.862.166.673.210
1	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	311	2.871.519.000.000	1.433.388.000.000
1.1	Vay ngắn hạn	312	20	2.871.519.000.000
6	Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	318	21	514.054.779.270
8	Phải trả người bán	320		61.171.382
9	Người mua trả tiền trước	321		50.000.000
10	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	322	22	17.707.277.161
12	Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên	324		373.518.753
13	Chi phí phải trả	325	23	33.756.354.711
15	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	327		21.346.529
17	Các khoản phải trả khác	329	24	3.949.613.068
II	Nợ phải trả dài hạn	340	2.304.586.667	2.100.885.300
12	Dự phòng phải trả dài hạn	354		2.304.586.667
D	VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400	2.140.417.230.247	2.067.097.810.747
I	Vốn chủ sở hữu	410	2.140.417.230.247	2.067.097.810.747
1	Vốn cổ phần	411	25	2.000.097.005.000
1.1	Vốn cổ phần	411.1		2.000.098.190.000
1.5	Cổ phiếu quỹ	411.5		(1.185.000)
4	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	414		12.064.998.139
7	Lợi nhuận chưa phân phối	417		128.255.227.108
7.1	Lợi nhuận đã thực hiện	417.1		107.545.300.381
7.2	Lợi nhuận chưa thực hiện	417.2		20.709.926.727
	TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU (440 = 300 + 400)	440	5.584.214.877.788	3.931.365.369.257

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng
Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu số B01 – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

	Mã số	31/12/2025 VND	31/12/2024 VND	
A. TÀI SẢN VÀ NỢ PHẢI TRẢ CỦA CÔNG TY				
6	Cổ phiếu đang lưu hành (số lượng cổ phiếu)	006	200.009.329	200.009.329
7	Cổ phiếu quỹ (số lượng cổ phiếu)	007	490	490
8	TSTC niêm yết/đăng ký giao dịch tại Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam (“VSDC”) của Công ty	008	283.156.800.000	2.821.330.000
9	TSTC đã lưu ký tại VSDC và chưa giao dịch của Công ty	009	-	2.420.000
10	TSTC chờ về của Công ty	010	2.588.000.000	150.000.000
13	TSTC được hưởng quyền của Công ty	013	68.000.000	78.000.000
14	Chứng quyền có bảo đảm phát hành bởi Công ty (số lượng)	014	69.739.900	-
B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI NHÀ ĐẦU TƯ				
1	TSTC niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSDC của nhà đầu tư	021	10.092.973.790.600	8.289.906.820.000
a	<i>TSTC giao dịch tự do chuyển nhượng</i>	021.1	9.748.536.890.600	7.648.665.380.000
b	<i>TSTC hạn chế chuyển nhượng</i>	021.2	2.781.130.000	26.658.870.000
c	<i>TSTC giao dịch cầm cố</i>	021.3	112.492.040.000	157.099.480.000
d	<i>TSTC phong tỏa, tạm giữ</i>	021.4	144.308.600.000	312.000.690.000
e	<i>TSTC chờ thanh toán</i>	021.5	84.855.130.000	145.482.400.000
2	TSTC đã lưu ký tại VSDC và chưa giao dịch của nhà đầu tư	022	310.260.600.000	108.452.100.000
a	<i>TSTC đã lưu ký tại VSDC và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng</i>	022.1	39.670.600.000	77.330.120.000
b	<i>TSTC đã lưu ký tại VSDC và chưa giao dịch, hạn chế chuyển nhượng</i>	022.2	270.590.000.000	31.121.980.000
3	TSTC chờ về của nhà đầu tư	023	140.097.790.000	212.048.640.000
6	TSTC được hưởng quyền của nhà đầu tư	025	64.323.660.000	77.932.300.000
7	Tiền gửi của nhà đầu tư	026	698.800.681.634	710.651.908.994
7.1	Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức Công ty quản lý	027	341.263.173.146	296.077.799.776
7.2	Tiền gửi ký quỹ của nhà đầu tư tại VSDC	027.1	357.537.508.488	414.574.109.218

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng
Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu số B01 – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

	Mã số	31/12/2025 VND	31/12/2024 VND
8 Phải trả nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức Công ty quản lý	031	341.263.173.146	296.077.799.776
8.1 Phải trả nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức Công ty quản lý	031.1	337.175.798.186	291.266.423.224
8.2 Phải trả nhà đầu tư nước ngoài về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức Công ty quản lý	031.2	4.087.374.960	4.811.376.552

Ngày 6 tháng 3 năm 2026

Người lập:

Bà Nguyễn Phương Trinh
Kế toán viên

Người soát xét:

Bà Đỗ Thị Ái Vy
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Ông Chen Chia Ken
Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng

Báo cáo kết quả hoạt động cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Mẫu số B02 – CTCK

(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2025 VND	2024 VND	
I DOANH THU HOẠT ĐỘNG					
1.1		Lãi từ các tài sản tài chính (“TSTC”) ghi nhận thông qua lãi hoặc lỗ (“FVTPL”)	01	36.590.626.984	12.554.313.374
a	01.1	Lãi bán các TSTC ghi nhận theo FVTPL	27	22.012.955.356	5.634.885.838
b	01.2	Chênh lệch tăng đánh giá lại các TSTC ghi nhận theo FVTPL		10.944.643.057	6.346.806.416
c	01.3	Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ các TSTC ghi nhận theo FVTPL		956.957.000	572.621.120
d	01.4	Chênh lệch giảm do đánh giá lại phải trả chứng quyền đang lưu hành		2.676.071.571	-
1.2	02	Lãi từ các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	28	52.139.131.432	37.337.733.669
1.3	03	Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	29	337.226.473.032	278.533.424.347
1.6	06	Doanh thu môi giới chứng khoán		183.904.618.031	145.494.281.929
1.9	09	Doanh thu lưu ký chứng khoán		4.906.960.360	7.449.393.838
1.10	10	Doanh thu hoạt động tư vấn		236.363.637	32.727.273
1.11	11	Thu nhập hoạt động khác		4.243.533.082	1.766.199.337
	20	Tổng doanh thu hoạt động		619.247.706.558	483.168.073.767
II CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG					
2.1	21	Lỗ từ các TSTC ghi nhận theo FVTPL	27	23.760.036.054	2.162.643.449
a	21.1	Lỗ bán các TSTC ghi nhận theo FVTPL		21.925.405.996	2.562.252.216
b	21.2	Chênh lệch giảm đánh giá lại các TSTC ghi nhận theo FVTPL		1.377.314.948	(210.340.556)
d	21.4	Chênh lệch tăng do đánh giá lại phải trả chứng quyền đang lưu hành		457.315.110	(189.268.211)
2.4	24	Chi phí dự phòng các khoản cho vay và phải thu	11(a)	-	17.999.697.389
2.6	26	Chi phí hoạt động tự doanh		6.353.874.340	4.443.480.016
2.7	27	Chi phí môi giới chứng khoán	30	187.993.770.623	166.777.549.418
2.10	30	Chi phí lưu ký chứng khoán		5.531.834.453	7.907.728.846
2.11	31	Chi phí nghiệp vụ tư vấn		1.554.976.519	1.147.155.396
2.12	32	Chi phí khác	11(b)	(32.128.926)	1.417.202.422
	40	Tổng chi phí hoạt động		225.162.363.063	201.855.456.936

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng
Báo cáo kết quả hoạt động cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu số B02 – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2025 VND	2024 VND
III DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
3.1 Chênh lệch lãi tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện	41		54.715.971.660	21.654.954.153
3.2 Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi ngân hàng	42		1.732.791.709	1.826.686.076
Tổng doanh thu hoạt động tài chính	50		56.448.763.369	23.481.640.229
IV CHI PHÍ TÀI CHÍNH				
4.1 Chênh lệch lỗ tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện	51		72.777.991.367	69.136.122.795
4.2 Chi phí lãi vay	52	31	152.969.509.706	128.806.052.741
Tổng chi phí tài chính	60		225.747.501.073	197.942.175.536
VI CHI PHÍ QUẢN LÝ	62	32	108.039.766.320	106.679.984.276
VII KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG (70 = 20 + 50 - 40 - 60 - 62)	70		116.746.839.471	172.097.248
VIII THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC				
8.1 Thu nhập khác	71		336.415.408	308.753.709
8.2 Chi phí khác	72		327.580.382	139.938.375
Kết quả hoạt động khác (80 = 71 - 72)	80		8.835.026	168.815.334
IX TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ (90 = 70 + 80)	90		116.755.674.497	340.912.582
9.1 Lợi nhuận/(lỗ) đã thực hiện	91		103.361.589.927	(12.147.502.601)
9.2 Lợi nhuận chưa thực hiện	92		13.394.084.570	12.488.415.183

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng**Báo cáo kết quả hoạt động cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)****Mẫu số B02 – CTCK***(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

		Mã số	Thuyết minh	2025 VND	2024 VND
X	CHI PHÍ THUẾ TNDN	100		23.435.322.097	232.849.546
10.1	Chi phí thuế TNDN hiện hành	100.1	33	21.209.412.351	2.783.054.935
10.2	Chi phí/(lợi ích) thuế TNDN hoãn lại	100.2	33	2.225.909.746	(2.550.205.389)
XI	LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN (200 = 90 - 100)	200		93.320.352.400	108.063.036
XII	THU NHẬP TOÀN DIỆN KHÁC	300		-	-
XIII	THU NHẬP TRÊN CỔ PHIẾU	500			
13.1	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	501	34	467	0,7

Ngày 6 tháng 3 năm 2026

Người lập:

Bà Nguyễn Phương Trinh
Kế toán viên

Người soát xét:

Bà Đỗ Thị Ái Vy
Kế toán trưởng

Người duyệt:

Ông Chen Chia Ken
Tổng Giám đốc*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này*

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu số B03 – CTCK
*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	2025 VND	2024 VND
I LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1 Lợi nhuận trước thuế TNDN	01	116.755.674.497	340.912.582
2 Điều chỉnh cho các khoản	02	80.854.497.852	102.130.274.525
Khấu hao và phân bổ tài sản cố định	03	10.551.028.955	10.368.660.174
Các khoản dự phòng	04	171.572.441	18.370.501.769
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	05	(1.608.000.000)	(5.742.000.000)
Chi phí lãi	06	152.969.509.706	128.806.052.741
Lỗ từ hoạt động đầu tư	07	32.203.598	-
Dự thu tiền lãi	08	(81.261.816.848)	(49.672.940.159)
3 Thay đổi các chi phí phi tiền tệ	10	1.834.630.058	(399.608.767)
Lỗ đánh giá lại các TSTC ghi nhận theo FVTPL	11	1.834.630.058	(399.608.767)
4 Thay đổi các doanh thu phi tiền tệ	18	(13.620.714.628)	(6.346.806.416)
Lãi đánh giá lại các TSTC ghi nhận theo FVTPL	19	(13.620.714.628)	(6.346.806.416)
5 Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động			
(30 = 01 + 02 + 10 + 18)	30	185.824.087.779	95.724.771.924
(Tăng)/giảm TSTC ghi nhận theo FVTPL	31	(111.696.880.521)	23.334.163.577
Tăng các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	32	(106.500.000.000)	(41.786.761.644)
(Tăng)/giảm các khoản cho vay	33	(1.244.980.222.287)	77.123.048.711
Giảm lãi phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi từ các TSTC	36	46.112.770.455	73.169.648.808
(Tăng)/giảm các khoản phải thu các dịch vụ cung cấp	37	(24.259.212.095)	190.236.447
Giảm/(tăng) các khoản phải thu khác	39	824.276.146	(1.022.398.392)
Tăng các tài sản khác	40	(6.456.122.743)	(4.497.074.345)
Tăng/(giảm) chi phí phải trả	41	11.558.615.045	(3.361.266.594)
Giảm chi phí trả trước	42	8.275.854.197	7.458.459.359
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã trả	43	(14.119.382.483)	(8.719.340.658)
Tiền lãi đã trả	44	(148.336.849.840)	(131.191.502.451)
(Giảm)/tăng phải trả cho người bán	45	(537.393.245)	6.580.617.777
Tăng các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên	46	47.978	717.002
Tăng thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	47	2.460.707.859	2.110.526.195
Tăng các khoản phải trả khác	50	116.489.573.109	1.045.813.321
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	60	(1.285.340.130.646)	96.159.659.037

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu số B03 – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

	Mã số	2025 VND	2024 VND
II LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định	61	(301.883.000)	(15.370.842.000)
Tiền thu từ việc thanh lý tài sản cố định	62	77.600.217	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	70	(224.282.783)	(15.370.842.000)
III LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	71	-	500.000.000.000
Tiền thu từ đi vay ngắn hạn	73	19.729.575.000.000	7.890.447.000.000
Tiền chi trả nợ gốc vay	74	(18.289.836.000.000)	(8.441.357.000.000)
Cổ tức trả cho các cổ đông	76	(18.165.672.500)	(44.731.334.580)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	80	1.421.573.327.500	(95.641.334.580)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	90	136.008.914.071	(14.852.517.543)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	101	181.971.791.321	196.824.308.864
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (Thuyết minh 5)	103	317.980.705.392	181.971.791.321
▪ Tiền	103.1	72.550.682.358	38.430.103.044
▪ Các khoản tương đương tiền	103.2	245.430.023.034	143.541.688.277

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHÚ HƯNG



Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu số B03 – CTCK
 (Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
 ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

PHẦN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG

	Mã số	2025 VND	2024 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng			
Tiền thu từ bán chứng khoán môi giới cho khách hàng	01	49.741.671.512.665	38.621.844.527.649
Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng	02	(50.951.397.254.324)	(37.876.401.068.039)
Nhận tiền gửi để thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng	07	65.814.943.174.872	52.277.945.297.503
Nhận tiền ký quỹ của nhà đầu tư tại VSDC	07.1	(57.036.600.730)	76.158.857.302
Tiền chi thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng	08	(64.557.859.117.334)	(53.149.757.972.769)
Tiền chi thanh toán phí lưu ký chứng khoán của khách hàng	11	(2.172.942.509)	(2.709.260.341)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	20	(11.851.227.360)	(52.919.618.695)
Tiền và các khoản tương đương tiền của khách hàng đầu năm	30	710.651.908.994	763.571.527.689
Tiền gửi ngân hàng đầu năm	31	710.651.908.994	763.571.527.689
▪ Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức Công ty quản lý	32	710.651.908.994	763.571.527.689
Trong đó: Tiền gửi ký quỹ của nhà đầu tư tại VSDC		414.574.109.218	338.415.251.916
Tiền và các khoản tương đương tiền của khách hàng cuối năm (40 = 20 + 30)	40	698.800.681.634	710.651.908.994
Tiền gửi ngân hàng cuối năm	41	698.800.681.634	710.651.908.994
▪ Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức Công ty quản lý	42	698.800.681.634	710.651.908.994
Trong đó: Tiền gửi ký quỹ của nhà đầu tư tại VSDC		357.537.508.488	414.574.109.218

Ngày 6 tháng 3 năm 2026

Người lập:



Bà Nguyễn Phương Trinh
Kế toán viên

Người soát xét:



Bà Đỗ Thị Ái Vy
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Ông Chen Chia Ken
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng
Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Mẫu số B04 – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

	Số dư đầu năm tại ngày		Biến động trong năm kết thúc ngày				Số dư cuối năm tại ngày	
	1/1/2024	1/1/2025	31/12/2024		31/12/2025		31/12/2024	31/12/2025
	VND	VND	Tăng VND	(Giảm) VND	Tăng VND	(Giảm) VND	VND	VND
Vốn cổ phần	1.500.098.190.000	2.000.098.190.000	500.000.000.000	-	-	-	2.000.098.190.000	2.000.098.190.000
Cổ phiếu quỹ	(1.185.000)	(1.185.000)	-	-	-	-	(1.185.000)	(1.185.000)
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	12.064.998.139	12.064.998.139	-	-	-	-	12.064.998.139	12.064.998.139
Lợi nhuận chưa phân phối	99.830.543.272	54.935.807.608	12.488.415.183	(57.383.150.847)	93.320.352.400	(20.000.932.900)	54.935.807.608	128.255.227.108
<i>Trong đó:</i>								
<i>Lợi nhuận đã thực hiện</i>	105.003.116.298	47.619.965.451	-	(12.380.352.147)	79.926.267.830	-	92.622.764.151	127.546.233.281
<i>Chia cổ tức (Thuyết minh 26)</i>	-	-	-	(45.002.798.700)	-	(20.000.932.900)	(45.002.798.700)	(20.000.932.900)
<i>(Lỗ)/lợi nhuận chưa thực hiện</i>	(5.172.573.026)	7.315.842.157	12.488.415.183	-	13.394.084.570	-	7.315.842.157	20.709.926.727
Tổng cộng	1.611.992.546.411	2.067.097.810.747	512.488.415.183	(57.383.150.847)	93.320.352.400	(20.000.932.900)	2.067.097.810.747	2.140.417.230.247

Ngày 6 tháng 3 năm 2026

Người lập:



Bà Nguyễn Phương Trinh
Kế toán viên

Người soát xét:



Bà Đỗ Thị Ái Vy
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Ông Chen Chia Ken
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Mẫu số B09 – CTCK

*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Cơ sở thành lập

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 122/GP-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 20 tháng 1 năm 2016. Giấy phép Thành lập và Hoạt động của Công ty đã được sửa đổi nhiều lần, lần sửa đổi gần nhất là Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 102/GPĐC-UBCK ngày 24 tháng 12 năm 2024 được cấp bởi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Công ty được thành lập trên cơ sở hợp nhất Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (“PHS”) – được thành lập theo Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 23/UBCK-GPHĐKD ngày 1 tháng 12 năm 2006 và Công ty Cổ phần Chứng khoán An Thành (“ATS”). Theo đó, Công ty kế thừa toàn bộ tài sản, nợ phải trả, các quyền lợi và nghĩa vụ của PHS và ATS tại ngày 19 tháng 1 năm 2016 và PHS và ATS chấm dứt hoạt động từ ngày 20 tháng 1 năm 2016. Tài sản và nợ phải trả của PHS và ATS tại ngày 19 tháng 1 năm 2016 được chuyển sang cho Công ty theo giá trị ghi sổ và giá trị tài sản ròng (tổng tài sản – tổng nợ phải trả) của PHS và ATS tại ngày 30 tháng 9 năm 2015 cấu thành vốn điều lệ của Công ty.

Công ty đã đăng ký giao dịch trên hệ thống giao dịch của công ty đại chúng chưa niêm yết (“UPCOM”) với mã PHS theo Quyết định số 475/QĐ-SGDHN do Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội cấp ngày 19 tháng 7 năm 2019.

(b) Vốn điều lệ của Công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và ngày 31 tháng 12 năm 2024, vốn điều lệ của Công ty là 2.000.098.190.000 VND.

(c) Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là thực hiện các hoạt động môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, cho vay ký quỹ, tư vấn đầu tư chứng khoán, lưu ký chứng khoán và bảo lãnh phát hành chứng khoán.

(d) Chu kỳ kinh doanh thông thường

Chu kỳ kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(e) Số lượng nhân viên

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty có 274 nhân viên (31/12/2024: 329 nhân viên).

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu số B09 – CTCK

(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 210”) do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán, Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 (“Thông tư 334”) do Bộ Tài chính ban hành về sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và Phụ lục 04 của Thông tư 210 và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính này, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ và TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ được trình bày ở Thuyết minh 3(d), được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu số B09 – CTCK

(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của công ty chứng khoán về bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Công ty. Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán, bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán được hạch toán riêng biệt với số dư tài khoản của Công ty.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó.

(c) Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

(i) Ghi nhận

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được ghi nhận báo cáo tình hình tài chính khi Công ty trở thành một bên tham gia các điều khoản hợp đồng của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính này.

(ii) Phân loại và đo lường

- Các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ (“FVTPL”): xem Thuyết minh 3(d);
- Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn: xem Thuyết minh 3(e);
- Các khoản cho vay: xem Thuyết minh 3(f);

Ngoại trừ phải trả chứng quyền có bảo đảm được ghi nhận thông qua lãi/lỗ (“FVTPL”) như Thuyết minh 3(h), Công ty phân loại tất cả các khoản nợ phải trả tài chính là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

(iii) Chấm dứt ghi nhận

Công ty chấm dứt ghi nhận một TSTC khi quyền lợi theo hợp đồng của Công ty đối với các dòng tiền phát sinh từ TSTC này chấm dứt, hay khi Công ty chuyển giao toàn bộ TSTC này bằng một giao dịch mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu TSTC này được chuyển giao hoặc một giao dịch mà trong đó Công ty không chuyển giao toàn bộ và cũng không giữ lại phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu tài sản và cũng không nắm quyền kiểm soát tài sản.

Công ty chấm dứt ghi nhận một khoản nợ phải trả tài chính khi các nghĩa vụ theo hợp đồng đã được dỡ bỏ, hủy bỏ hoặc chấm dứt.

(iv) Cẩn trừ

Tài sản và nợ phải trả tài chính được cẩn trừ và số dư thuần được trình bày trên báo cáo tình hình tài chính khi và chỉ khi Công ty có quyền hợp pháp để cẩn trừ các khoản mục và Công ty có ý định thực hiện các giao dịch trên cơ sở thuần hoặc thực hiện đồng thời việc bán tài sản và thanh toán nợ.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu số B09 – CTCK

(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

(d) Các TSTC ghi nhận theo FVTPL

TSTC ghi nhận theo FVTPL là một TSTC thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- TSTC được Ban Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. TSTC được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - tài sản được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - là một công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp TSTC vào nhóm TSTC ghi nhận theo FVTPL.

Các TSTC ghi nhận theo FVTPL được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua. Sau khi ghi nhận ban đầu các TSTC này được xác định theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý (khi không có giá thị trường) và thay đổi trong giá thị trường hoặc giá trị hợp lý được ghi nhận vào phần lãi/lỗ trong báo cáo kết quả hoạt động.

Đối với các chứng khoán niêm yết, giá thị trường là giá đóng cửa tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội vào ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Đối với các loại chứng khoán đã đăng ký giao dịch trên UPCOM, giá thị trường là giá đóng cửa tại UPCOM vào ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Đối với các loại chứng khoán chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch, giá thị trường là giá trung bình của các mức giá giao dịch thực tế tại ngày gần nhất tính đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm nhưng không quá một tháng tính đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm được cung cấp bởi ba công ty chứng khoán không phải là bên có liên quan với Công ty. Trong trường hợp không có giá giao dịch trong khoảng thời gian này, Công ty không trích lập dự phòng.

Đối với các loại chứng khoán niêm yết bị hủy hoặc bị đình chỉ giao dịch hoặc bị ngừng giao dịch từ ngày thứ sáu trở đi, giá trị hợp lý là giá trị sổ sách tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được phản ánh theo giá gốc trong trường hợp không có giá niêm yết trên thị trường hoạt động và giá trị hợp lý không thể xác định một cách đáng tin cậy.

(e) Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn là các TSTC phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- các TSTC mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Công ty xếp vào nhóm ghi nhận theo FVTPL;
- các TSTC đã được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán; và
- các TSTC thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn bao gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu số B09 – CTCK

(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

(f) Các khoản phải thu về cho vay

Các khoản phải thu về cho vay là các TSTC phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Các khoản phải thu về cho vay bao gồm các khoản cho vay ký quỹ và tạm ứng cho khách hàng đối với tiền thu từ bán chứng khoán và được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi được xác định bằng chênh lệch giữa giá thị trường hoặc giá trị hợp lý của tài sản nhận thế chấp và giá trị ghi sổ của khoản cho vay tương ứng tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

(g) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu từ bán các TSTC và từ cung cấp dịch vụ và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập dựa trên tình trạng quá hạn của khoản nợ hoặc mức tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; hoặc người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập bằng cách tham khảo tình trạng quá hạn như sau:

<i>Tình trạng quá hạn</i>	<i>Tỷ lệ trích lập dự phòng</i>
Từ sáu (06) tháng đến dưới một (01) năm	30%
Từ một (01) năm đến dưới hai (02) năm	50%
Từ hai (02) năm đến dưới ba (03) năm	70%
Từ ba (03) năm trở lên	100%

Đối với các khoản nợ quá hạn, Ban Giám đốc Công ty cũng đánh giá thêm về khả năng thu hồi dự kiến của các khoản nợ này để xác định mức dự phòng.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho các tổn thất có thể xảy ra cho các khoản nợ chưa đến hạn thanh toán được xác định bởi Ban Giám đốc Công ty sau khi xem xét đến khả năng thu hồi của các khoản nợ này.

(h) Chứng quyền có bảo đảm

Chứng quyền có bảo đảm cho phép người sở hữu được quyền mua (chứng quyền mua) hoặc được quyền bán (chứng quyền bán) chứng khoán cơ sở cho tổ chức phát hành chứng quyền đó theo một mức giá đã được xác định trước, tại hoặc trước một thời điểm đã được ấn định, hoặc nhận khoản tiền chênh lệch giữa giá thực hiện và giá chứng khoán cơ sở tại thời điểm thực hiện.

Công ty hạch toán các giao dịch liên quan đến chứng quyền có bảo đảm theo hướng dẫn của Thông tư số 23/2018/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 12 tháng 3 năm 2018, cụ thể như sau:

- Khi phân phối chứng quyền cho nhà đầu tư, Công ty ghi nhận khoản phải trả chứng quyền theo giá gốc và đồng thời theo dõi ngoại bảng số lượng chứng quyền được phép phát hành.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu số B09 – CTCK

(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

- Chứng quyền bảo đảm được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và được ghi nhận theo giá thị trường sau ngày ghi nhận ban đầu.
- Chi phí phát hành chứng quyền được ghi nhận vào chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính khi phát sinh.

(i) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

Nâng cấp tài sản thuê	5 năm
Thiết bị văn phòng	3 – 7 năm
Phương tiện vận chuyển	3 – 4 năm
Đồ đạc và trang bị văn phòng	5 năm

(j) Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 3 đến 7 năm.

(k) Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm công cụ và dụng cụ và là các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Các khoản mục này được ghi nhận theo nguyên giá và phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu số B09 – CTCK

(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

(l) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(m) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho Công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì Công ty phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở số năm nhân viên làm việc cho Công ty và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Cho mục đích xác định số năm làm việc của nhân viên, thời gian nhân viên đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được PHS, ATS và Công ty chi trả trợ cấp thôi việc được loại trừ.

(n) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận là một khoản chi phí/thu nhập ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu số B09 – CTCK

(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

(o) **Vốn cổ phần**

(i) **Cổ phiếu phổ thông**

Cổ phiếu phổ thông được phản ánh theo mệnh giá. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(ii) **Mua lại và phát hành lại cổ phiếu phổ thông (cổ phiếu quỹ)**

Cổ phiếu quỹ chỉ được ghi nhận đối với việc mua lại các cổ phiếu lẻ phát sinh khi phát hành cổ phiếu để trả cổ tức hoặc phát hành cổ phiếu từ nguồn vốn chủ sở hữu theo phương án đã được thông qua, hoặc mua lại cổ phiếu lô lẻ theo yêu cầu của cổ đông. Trong tất cả các trường hợp khác, khi mua lại cổ phiếu mà trước đó đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu, mệnh giá của các cổ phiếu mua lại phải được ghi giảm trừ vào vốn cổ phần. Chênh lệch giữa mệnh giá của cổ phiếu mua lại và giá trị khoản thanh toán bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp, trừ đi thuế, được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần.

(p) **Các quỹ dự trữ bắt buộc**

Ngày 17 tháng 12 năm 2021, Bộ Tài Chính ban hành Thông tư số 114/2021/TT-BTC (“Thông tư 114”) thay thế Thông tư số 146/2014/TT-BTC ngày 6 tháng 10 năm 2014 (“Thông tư 146”) do Bộ Tài chính ban hành nhằm hướng dẫn về chế độ tài chính áp dụng đối với các công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ. Thông tư 114 có hiệu lực từ ngày 1 tháng 2 năm 2022. Theo đó, Công ty đã ngừng phân bổ lợi nhuận đã thực hiện vào quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ và quỹ dự phòng tài chính từ năm 2022. Theo Thông tư 114:

- Số dư quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ đã trích lập theo quy định tại Thông tư 146 được dùng để bổ sung vốn điều lệ theo quy định tại Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 và các quy định liên quan khác.
- Số dư quỹ dự phòng tài chính có thể dùng bổ sung vốn điều lệ hoặc sử dụng theo quyết định của Đại hội đồng Cổ đông theo quy định tại Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 và các quy định liên quan khác.

Vào ngày 20 tháng 4 năm 2023, Đại hội đồng Cổ đông của Công ty đã phê duyệt việc hoàn nhập số dư quỹ dự phòng tài chính vào lợi nhuận chưa phân phối. Tại ngày phát hành báo cáo tài chính này, Công ty chưa đưa ra các quyết định liên quan đến số dư của quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ.

(q) **Doanh thu**

(i) **Lãi từ bán các TSTC**

Lãi từ bán các TSTC được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động khi Công ty nhận được thông báo khớp lệnh cho các giao dịch kinh doanh chứng khoán từ Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam (“VSDC”) (đối với chứng khoán niêm yết) và thỏa thuận chuyển nhượng tài sản đã được hoàn tất (đối với chứng khoán chưa niêm yết).

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu số B09 – CTCK

(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

(ii) Cổ tức và tiền lãi phát sinh từ các TSTC

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động khi quyền nhận cổ tức của Công ty được xác lập. Công ty không ghi nhận cổ tức bằng cổ phiếu là một khoản thu nhập.

Thu nhập tiền lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng. Thu nhập tiền lãi cũng bao gồm số phân bổ các khoản chiết khấu, phụ trội, các khoản lãi nhận trước hoặc các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ ban đầu của công cụ nợ và mệnh giá của công cụ nợ khi đáo hạn.

(iii) Doanh thu môi giới chứng khoán

Doanh thu môi giới chứng khoán được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động khi giao dịch chứng khoán của khách hàng được thực hiện.

(iv) Doanh thu từ dịch vụ lưu ký chứng khoán

Doanh thu từ dịch vụ lưu ký chứng khoán được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động khi dịch vụ được cung cấp.

(v) Doanh thu tư vấn đầu tư chứng khoán và tư vấn tài chính

Doanh thu tư vấn đầu tư chứng khoán và tư vấn tài chính được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động theo tiến độ hoàn thành giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tiến độ hoàn thành được đánh giá trên cơ sở xem xét các công việc đã được thực hiện.

(r) Chi phí lãi vay

Chi phí lãi vay được ghi nhận là chi phí vào báo cáo kết quả hoạt động trên cơ sở dồn tích.

(s) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(t) Lãi trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân đang lưu hành có tính đến các ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông tiềm năng.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu số B09 – CTCK

*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

(u) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

(v) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các công ty liên quan đề cập tới các nhà đầu tư và công ty mẹ cấp cao nhất và các công ty con và công ty liên kết của các công ty này.

(w) Số dư bằng không

Các khoản mục hoặc số dư quy định trong Thông tư 334 do Bộ Tài Chính ban hành mà không được phản ánh trên báo cáo tài chính này thì được hiểu là có số dư bằng không.

(x) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của năm trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính năm hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của năm hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh bao gồm trong báo cáo tài chính này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính, kết quả hoạt động và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm trước.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu số B09 – CTCK

(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

4. Các công cụ tài chính

(a) Quản lý rủi ro tài chính

(i) Tổng quan

Các loại rủi ro mà Công ty phải đối mặt do việc sử dụng các công cụ tài chính của mình bao gồm:

- rủi ro tín dụng;
- rủi ro thanh khoản; và
- rủi ro thị trường.

Thuyết minh này cung cấp thông tin về từng loại rủi ro mà Công ty có thể gặp phải và mô tả các mục tiêu, chính sách và các quy trình Công ty sử dụng để đo lường và quản lý rủi ro.

Hội đồng Quản trị của Công ty chịu trách nhiệm kiểm tra xem Ban Giám đốc giám sát việc tuân thủ chính sách và thủ tục quản lý rủi ro của Công ty như thế nào, và soát xét tính thích hợp của khung quản lý rủi ro liên quan đến những rủi ro mà Công ty gặp phải.

(ii) Khung quản lý rủi ro

Ban Giám đốc có trách nhiệm chung trong việc thiết lập và giám sát khung quản lý rủi ro của Công ty. Ban Giám đốc đã thành lập Ban Quản lý Rủi ro có trách nhiệm xây dựng và giám sát các chính sách quản lý rủi ro của Công ty. Ban Quản lý Rủi ro báo cáo thường xuyên về các hoạt động của mình lên Ban Giám đốc.

Các chính sách quản lý rủi ro của Công ty được thiết lập để phát hiện và phân tích các rủi ro mà Công ty gặp phải, đưa ra các hạn mức và biện pháp kiểm soát rủi ro phù hợp, và theo dõi các rủi ro và tuân thủ theo các hạn mức. Các chính sách và hệ thống quản lý rủi ro được xem xét thường xuyên để phản ánh các thay đổi về điều kiện thị trường và các hoạt động của Công ty. Công ty, thông qua các chuẩn mực và quy trình đào tạo và quản lý, nhằm mục đích phát triển một môi trường kiểm soát có kỷ luật và có tính xây dựng trong đó tất cả các nhân viên hiểu được vai trò và trách nhiệm của họ.

Ban Kiểm soát của Công ty được bộ phận Kiểm toán Nội bộ hỗ trợ trong công việc giám sát. Bộ phận Kiểm toán Nội bộ thực hiện rà soát thường xuyên và đột xuất các biện pháp kiểm soát và thủ tục quản lý rủi ro và báo cáo kết quả lên Ban Kiểm soát.

(b) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro lỗ tài chính của Công ty nếu một khách hàng hoặc bên đối tác của công cụ tài chính không đáp ứng được các nghĩa vụ theo hợp đồng.

Để quản lý mức độ rủi ro tín dụng, Công ty ưu tiên giao dịch với các đối tác có mức tín nhiệm tín dụng tốt, và khi thích hợp thì yêu cầu tài sản đảm bảo. Ban Giám đốc đã thiết lập một chính sách tín dụng theo đó mỗi khách hàng mới được phân tích mức tín nhiệm tín dụng trước khi đưa ra các điều khoản và điều kiện chuẩn theo quy định.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu số B09 – CTCK

(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

Mức độ tập trung rủi ro tín dụng phát sinh từ các nhóm khách hàng có các đặc điểm kinh tế tương tự có khả năng không thể thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng khi có sự thay đổi trong điều kiện kinh tế hoặc các điều kiện khác. Mức độ tập trung chủ yếu của rủi ro tín dụng chính phát sinh theo loại khách hàng liên quan đến các khoản tạm ứng cho khách hàng đối với tiền thu từ bán chứng khoán và các khoản cho vay giao dịch ký quỹ của Công ty.

Tài sản đảm bảo

Giá trị và loại tài sản đảm bảo yêu cầu phụ thuộc vào việc đánh giá rủi ro tín dụng của bên đối tác. Công ty ban hành các hướng dẫn về việc chấp nhận loại tài sản đảm bảo và đánh giá tài sản đảm bảo. Các loại tài sản đảm bảo thu được chủ yếu là chứng khoán niêm yết và tiền gửi của khách hàng tại Công ty. Ban Giám đốc theo dõi giá thị trường của tài sản đảm bảo, yêu cầu cung cấp thêm tài sản đảm bảo theo điều khoản quy định trong hợp đồng khi cần thiết, và kiểm tra giá thị trường của tài sản đảm bảo thu được khi xem xét tính đầy đủ của dự phòng phải thu khó đòi.

Ảnh hưởng của rủi ro tín dụng

Không tính đến các tài sản đảm bảo, rủi ro tín dụng tối đa của Công ty tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm như sau:

	31/12/2025 VND	31/12/2024 VND
Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền (i)	317.976.669.137	181.967.755.066
Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn (i)	552.500.000.000	696.000.000.000
Các khoản phải thu về cho vay - gộp (ii)	4.119.776.448.820	2.874.796.226.533
Các khoản phải thu (ii)	86.440.418.793	51.291.372.400
Phải thu các dịch vụ cung cấp (ii)	28.033.051.679	3.773.839.584
Các khoản phải thu khác - gộp (ii)	12.984.636.386	13.808.912.532
Các tài sản ngắn hạn khác (iii)	8.999.901.000	-
Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn (i)	250.000.000.000	-
Ký quỹ, ký cược dài hạn	4.622.592.556	5.470.397.057
Tiền nộp Quỹ hỗ trợ Thanh toán	20.000.000.000	19.464.116.068
Tài sản dài hạn khác	10.099.739.676	10.079.572.716
	<hr/>	<hr/>
	5.411.433.458.047	3.856.652.191.956

(i) Tiền gửi ngân hàng, các khoản tương đương tiền và các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn

Tiền gửi ngân hàng, các khoản tương đương tiền và các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn của Công ty chủ yếu được gửi tại các tổ chức tài chính danh tiếng. Ban Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này và không cho rằng các tổ chức tài chính này có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho Công ty.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)**

Mẫu số B09 – CTCK

(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)**(ii) Các khoản phải thu về cho vay và các khoản phải thu khác**

Rủi ro tín dụng của Công ty chịu ảnh hưởng chủ yếu bởi đặc điểm của từng khách hàng. Đối phó với những rủi ro này, Ban Giám đốc của Công ty đã thiết lập một chính sách tín dụng mà theo đó mỗi khách hàng mới sẽ được phân tích riêng biệt về độ tin cậy của khả năng trả nợ trước khi Công ty đưa ra các điều khoản và điều kiện thanh toán chuẩn cho khách hàng đó. Hạn mức tín dụng được thiết lập cho mỗi khách hàng, thể hiện số dư phải thu tối đa. Hạn mức này được soát xét hàng năm. Khách hàng có số dư phải thu quá hạn được yêu cầu phải thanh toán số dư này trước khi được tiếp tục cấp tín dụng. Khách hàng có nghĩa vụ đảm bảo tỷ lệ ký quỹ của họ không thấp hơn tỷ lệ ký quỹ duy trì. Trường hợp tỷ lệ ký quỹ của khách hàng giảm xuống thấp hơn tỷ lệ ký quỹ duy trì, Công ty yêu cầu khách hàng bổ sung tài sản đảm bảo trong thời hạn quy định, nếu khách hàng không bổ sung tài sản đảm bảo, Công ty sẽ thực hiện các biện pháp xử lý theo quy định của hợp đồng. Loại tài sản đảm bảo thường nhận là tiền gửi và chứng khoán. Ban Giám đốc của Công ty theo dõi giá thị trường của các tài sản đảm bảo và sẽ yêu cầu thêm tài sản đảm bảo theo thỏa thuận, và theo dõi giá thị trường của tài sản đảm bảo khi xem xét tính đầy đủ của khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Các khoản phải thu về cho vay và phải thu khác mà chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá chủ yếu liên quan đến nhiều khách hàng không có lịch sử vi phạm về việc trả nợ trong thời gian gần đây. Ban Giám đốc tin rằng các khoản phải thu này có chất lượng tín dụng cao.

Bảng phân tích tuổi nợ của tài sản tài chính bị tổn thất như sau:

	31/12/2025 VND	31/12/2024 VND
Tạm ứng cho khách hàng đối với hoạt động kinh doanh chứng khoán quá hạn từ 3 năm trở lên	11.548.588.345	11.593.764.091
Các khoản cho vay giao dịch ký quỹ quá hạn trên 3 năm	52.377.478.549	3.316.267.434
Các khoản cho vay giao dịch ký quỹ quá hạn từ 2 đến 3 năm	-	49.061.211.115
	63.926.066.894	63.971.242.640

Giá trị hợp lý của các tài sản đảm bảo cho các tài sản tài chính bị tổn thất:

	31/12/2025 VND	31/12/2024 VND
Chứng khoán niêm yết hoặc đăng ký giao dịch tại	3.269.823.530	3.282.870.350
▪ Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh	7.160.030	5.620.250
▪ Sàn UPCOM	3.262.663.500	3.277.250.100
TSTC phong tỏa, tạm giữ	4.842.495.000	4.842.495.000
	8.112.318.530	8.125.365.350

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)**

Mẫu số B09 – CTCK

(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

Bảng phân tích tuổi nợ của tài sản tài chính đã quá hạn nhưng không bị tổn thất như sau:

	31/12/2025 VND	31/12/2024 VND
Các khoản tạm ứng cho khách hàng đối với hoạt động kinh doanh chứng khoán quá hạn từ 3 năm trở lên	400.979.417	420.484.606
Các khoản cho vay giao dịch ký quỹ quá hạn từ 1 đến 2 năm	5.694.219	-
Các khoản cho vay giao dịch ký quỹ quá hạn dưới 1 năm	-	5.694.219
	406.673.636	426.178.825

(iii) Tài sản ngắn hạn khác

Bao gồm trong tài sản ngắn hạn tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2025, là các khoản ký quỹ cho giao dịch chứng khoán phái sinh được đặt theo yêu cầu tại Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam (“VSDC”).

(c) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty không thể thanh toán cho các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Phương pháp quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty là đảm bảo đến mức cao nhất có thể Công ty luôn có đủ thanh khoản để thanh toán các khoản nợ tài chính khi đến hạn trong cả điều kiện bình thường và điều kiện khó khăn, mà không làm phát sinh các mức tổn thất không thể chấp nhận được hoặc có nguy cơ gây tổn hại đến danh tiếng của Công ty.

Các khoản nợ phải trả tài chính có khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được bao gồm cả khoản thanh toán tiền lãi ước tính có thời gian đáo hạn theo hợp đồng như sau:

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025	Giá trị ghi sổ VND	Dòng tiền theo hợp đồng VND	Trong vòng 1 năm VND
Vay ngắn hạn	2.871.519.000.000	2.924.363.118.920	2.924.363.118.920
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	514.054.779.270	514.054.779.270	514.054.779.270
Phải trả người bán	61.171.382	61.171.382	61.171.382
Chi phí phải trả	17.034.729.873	17.034.729.873	17.034.729.873
Các khoản phải trả khác	3.949.613.068	3.949.613.068	3.949.613.068
	3.406.619.293.593	3.459.463.412.513	3.459.463.412.513

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)**

Mẫu số B09 – CTCK

(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024	Giá trị ghi sổ VND	Dòng tiền theo hợp đồng VND	Trong vòng 1 năm VND
Vay ngắn hạn	1.433.388.000.000	1.459.823.545.331	1.459.823.545.331
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	399.765.881.440	399.765.881.440	399.765.881.440
Phải trả người bán	713.921.382	713.921.382	713.921.382
Chi phí phải trả	8.635.491.827	8.635.491.827	8.635.491.827
Các khoản phải trả khác	2.110.615.668	2.110.615.668	2.110.615.668
	1.844.613.910.317	1.871.049.455.648	1.871.049.455.648

Công ty quản lý khả năng thanh toán các khoản chi phí hoạt động dự kiến và thanh toán các khoản nợ bằng cách đầu tư các khoản tiền thặng dư vào các khoản tương đương tiền và tiền gửi ngắn hạn tại ngân hàng.

(d) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà những biến động về giá thị trường, như tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá cổ phiếu sẽ ảnh hưởng đến kết quả hoạt động của Công ty hoặc giá trị của các công cụ tài chính mà Công ty nắm giữ. Mục đích của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát các rủi ro thị trường trong giới hạn có thể chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận thu được.

(i) Rủi ro tỷ giá hối đoái

Rủi ro tỷ giá hối đoái là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do thay đổi tỷ giá hối đoái.

Công ty chịu rủi ro tỷ giá hối đoái từ các khoản vay bằng đơn vị tiền tệ không phải là đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty, tức là VND. Đơn vị tiền tệ của các giao dịch này chủ yếu là Đô la Mỹ (“USD”).

Ảnh hưởng của rủi ro tỷ giá hối đoái

Công ty có các khoản nợ phải trả tiền tệ thuần chịu ảnh hưởng của rủi ro tỷ giá hối đoái như sau:

	31/12/2025		31/12/2024	
	USD	Tương đương VND	USD	Tương đương VND
Vay ngắn hạn	(94.000.000)	(2.467.519.000.000)	(39.000.000)	(989.388.000.000)
Cam kết giao dịch hoán đổi tiền tệ	94.000.000	2.467.519.000.000	35.000.000	887.184.000.000
Vị thế tiền tệ thuần	-	-	(4.000.000)	(102.204.000.000)

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)**

Mẫu số B09 – CTCK

(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

Sau đây là tỷ giá hối đoái chính được Công ty áp dụng:

	Tỷ giá hối đoái tại ngày	
	31/12/2025	31/12/2024
USD/VND	26.377	25.551

Dưới đây là bảng phân tích các tác động có thể xảy ra đối với lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi xem xét mức hiện tại của tỷ giá hối đoái và sự biến động trong quá khứ cũng như kỳ vọng của thị trường tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Phân tích này dựa trên giả định là tất cả các biến số khác sẽ không thay đổi, đặc biệt là lãi suất.

	Ảnh hưởng đến lợi nhuận sau thuế VND
Ngày 31 tháng 12 năm 2025	
USD (mạnh hơn 3% so với VND) – giảm lợi nhuận sau thuế	-
Ngày 31 tháng 12 năm 2024	
USD (mạnh hơn 5% so với VND) – giảm lợi nhuận sau thuế	4.088.160.000

Biến động ngược lại của tỷ giá USD có thể có cùng mức độ tác động nhưng ngược chiều đối với lợi nhuận sau thuế của Công ty.

(ii) Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do sự thay đổi của lãi suất thị trường.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các công cụ tài chính chịu lãi của Công ty như sau:

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2025 VND	31/12/2024 VND
Các công cụ tài chính có lãi suất cố định		
Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền	317.976.669.137	181.967.755.066
Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn	552.500.000.000	696.000.000.000
Các khoản phải thu về cho vay – thuần	4.072.241.465.271	2.827.261.242.984
Tài sản ngắn hạn khác	8.999.901.000	-
Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn	250.000.000.000	-
Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ Thanh toán	20.000.000.000	19.464.116.068
Tài sản dài hạn khác	10.099.739.676	10.079.572.716
Vay ngắn hạn	(2.871.519.000.000)	(1.433.388.000.000)
	2.360.298.775.084	2.301.384.686.834

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)**

Mẫu số B09 – CTCK

(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)**(iii) Rủi ro thị trường khác**

Rủi ro về giá chứng khoán vốn là rủi ro mà giá thị trường của chứng khoán vốn giảm do việc thay đổi giá trị của các chứng khoán riêng lẻ. Rủi ro về giá chứng khoán vốn phát sinh từ TSTC ghi nhận theo FVTPL của Công ty.

TSTC ghi nhận theo FVTPL của Công ty bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường phát sinh từ sự không chắc chắn về những biến động của giá thị trường tương lai của các chứng khoán này. Ban Giám đốc quản lý rủi ro giá chứng khoán vốn bằng việc đa dạng hóa danh mục đầu tư và thận trọng trong việc lựa chọn các chứng khoán để đầu tư trong hạn mức được quy định.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các công cụ tài chính của Công ty chịu rủi ro biến động giá cổ phiếu như sau:

	Giá trị ghi sổ/Giá trị hợp lý	
	31/12/2025 VND	31/12/2024 VND
Các công cụ tài chính chịu rủi ro biến động giá cổ phiếu		
Tài sản tài chính ghi nhận theo FVTPL		
▪ Cổ phiếu niêm yết	120.679.032.998	13.877.519.998
▪ Cổ phiếu đăng ký giao dịch trên UPCOM	27.814.891	1.062.614.891
▪ Chứng chỉ quỹ	74.399.780.282	58.902.284.652
Nợ phải trả tài chính ghi nhận theo FVTPL		
▪ Phải trả chứng quyền có bảo đảm	(9.504.754.000)	-

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, nếu giá cổ phiếu tăng/giảm 14% trong khi các biến số khác không thay đổi, lợi nhuận sau thuế của Công ty sẽ lần lượt tăng/giảm 20.787 triệu đồng (31/12/2024: nếu giá cổ phiếu tăng/giảm 8% trong khi các biến số khác không thay đổi, lợi nhuận sau thuế của Công ty sẽ lần lượt tăng/giảm 4.726 triệu đồng).

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu số B09 – CTCK

(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

(e) Giá trị hợp lý

Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính, cùng với các giá trị ghi sổ được trình bày tại báo cáo tình hình tài chính như sau:

	31/12/2025		31/12/2024	
	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND
Tài sản tài chính				
<i>Được phân loại là TSTC ghi nhận theo FVTPL:</i>				
▪ TSTC ghi nhận theo FVTPL				
• Cổ phiếu niêm yết	120.679.032.998	120.679.032.998	13.877.519.998	13.877.519.998
• Chứng chỉ quỹ	74.399.780.282	74.399.780.282	58.902.284.652	58.902.284.652
• Cổ phiếu đăng ký giao dịch trên UPCOM	27.814.891	27.814.891	1.062.614.891	1.062.614.891
• Cổ phiếu chưa niêm yết	15.046.527	15.046.527	15.046.527	15.046.527
<i>Được phân loại là các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn:</i>				
▪ Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	552.500.000.000	552.500.000.000	696.000.000.000	696.000.000.000
▪ Trái phiếu do các tổ chức tín dụng phát hành	250.000.000.000	(*)	-	-
<i>Được phân loại là các khoản cho vay và phải thu:</i>				
▪ Tiền và các khoản tương đương tiền	317.980.705.392	317.980.705.392	181.971.791.321	181.971.791.321
▪ Các khoản cho vay - thuần	4.072.241.465.271	(*)	2.827.261.242.984	(*)
▪ Các khoản phải thu	86.440.418.793	(*)	51.291.372.400	(*)
▪ Phải thu các dịch vụ cung cấp	28.033.051.679	(*)	3.773.839.584	(*)
▪ Các khoản phải thu khác - thuần	4.705.871.571	(*)	5.498.018.791	(*)
▪ Tài sản ngắn hạn khác	8.999.901.000	(*)	-	-
▪ Ký quỹ, ký cược dài hạn	4.622.592.556	(*)	5.470.397.057	(*)
▪ Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	20.000.000.000	(*)	19.464.116.068	(*)
▪ Tài sản dài hạn khác	10.099.739.676	(*)	10.079.572.716	(*)

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu số B09a – CTCK

(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

	31/12/2025		31/12/2024	
	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND
Nợ phải trả tài chính				
<i>Được phân loại là nợ phải trả tài chính ghi nhận theo FVTPL:</i>				
▪ Phải trả chứng quyền có bảo đảm	(9.504.754.000)	(9.504.754.000)	-	-
<i>Được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ:</i>				
▪ Vay ngắn hạn	(2.871.519.000.000)	(*)	(1.433.388.000.000)	(*)
▪ Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	(514.054.779.270)	(*)	(399.765.881.440)	(*)
▪ Phải trả người bán	(61.171.382)	(*)	(713.921.382)	(*)
▪ Chi phí phải trả	(17.034.729.873)	(*)	(8.635.491.827)	(*)
▪ Phải trả khác	(3.949.613.068)	(*)	(2.110.615.668)	(*)

(*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán hiện chưa có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)****Mẫu số B09 – CTCK***(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)***5. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2025 VND	31/12/2024 VND
Tiền mặt	4.036.255	4.036.255
Tiền gửi ngân hàng	72.546.646.103	38.426.066.789
Các khoản tương đương tiền (i)	245.430.023.034	143.541.688.277
Tiền và các khoản tương đương tiền theo báo cáo lưu chuyển tiền tệ	317.980.705.392	181.971.791.321

- (i) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, tiền gửi có kỳ hạn có giá trị ghi sổ là 245.430.023.034 VND (31/12/2024: 53.541.688.277 VND) được cầm cố tại các ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh 20(i)).

6. Giá trị và khối lượng giao dịch thực hiện trong năm

	2025		2024	
	Khối lượng giao dịch thực hiện	Giá trị giao dịch thực hiện VND	Khối lượng giao dịch thực hiện	Giá trị giao dịch thực hiện VND
a) Của Công ty				
Cổ phiếu	27.605.737	1.012.245.852.200	3.879.030	144.096.024.910
Trái phiếu	8.980.000	957.831.620.000	-	-
Chứng khoán khác	79.808.500	123.381.590.000	2.513.700	8.726.454.000
b) Của nhà đầu tư/khách hàng				
Cổ phiếu	4.816.836.470	113.872.156.965.324	3.758.488.890	84.942.921.881.160
Trái phiếu	602.311	65.777.054.825	746.230	77.577.268.590
Chứng khoán khác	28.656.536	83.179.650.750	76.859.120	317.096.783.280
	4.962.489.554	116.114.572.733.099	3.842.486.970	85.490.418.411.940

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu số B09 – CTCK

*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

7. Tài sản tài chính

(a) TSTC ghi nhận theo FVTPL

	31/12/2025		31/12/2024	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Cổ phiếu niêm yết	117.804.220.211	120.679.032.998	13.758.762.493	13.877.519.998
Cổ phiếu đăng ký giao dịch trên UPCOM	27.814.891	27.814.891	1.159.814.891	1.062.614.891
Cổ phiếu chưa niêm yết	15.046.527	15.046.527	15.046.527	15.046.527
Chứng chỉ quỹ	58.783.422.803	74.399.780.282	50.000.000.000	58.902.284.652
	176.630.504.432	195.121.674.698	64.933.623.911	73.857.466.068

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu số B09 – CTCK

(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

Giá trị hợp lý của TSTC ghi nhận theo FVTPL tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm như sau:

	Số lượng	31/12/2025	Giá trị hợp lý VND (2)	Chênh lệch đánh giá lại tại ngày 31/12/2025		
		Giá gốc VND (1)		Chênh lệch tăng VND (3) = (2) – (1)	Chênh lệch giảm VND (4) = (1) – (2)	Giá trị đánh giá lại VND (5) = (1) + (3) – (4)
Cổ phiếu niêm yết						
HPG	712.700	19.304.831.748	18.815.280.000	1.106.000	490.657.748	18.815.280.000
MWG	134.700	10.571.008.801	11.907.480.000	1.336.471.199	-	11.907.480.000
TPB	584.210	10.041.480.332	9.989.991.000	-	51.489.332	9.989.991.000
FPT	91.800	8.769.535.725	8.794.440.000	37.794.639	12.890.364	8.794.440.000
VIC	47.400	7.552.038.984	8.039.040.000	487.001.016	-	8.039.040.000
Các cổ phiếu khác	1.714.095	61.565.324.621	63.132.801.998	2.858.051.592	1.290.574.215	63.132.801.998
	3.284.905	117.804.220.211	120.679.032.998	4.720.424.446	1.845.611.659	120.679.032.998
UPCOM						
Các cổ phiếu khác	735	27.814.891	27.814.891	-	-	27.814.891
Cổ phiếu chưa niêm yết						
Các cổ phiếu khác	1.086	15.046.527	15.046.527	-	-	15.046.527
Chứng chỉ quỹ						
E1VFN30	127.400	3.803.407.863	4.597.866.000	794.458.137	-	4.597.866.000
FUEVFN30	132.800	4.980.014.940	5.086.240.000	106.225.060	-	5.086.240.000
PHVSF	4.821.109	50.000.000.000	64.715.674.282	14.715.674.282	-	64.715.674.282
	5.081.309	58.783.422.803	74.399.780.282	15.616.357.479	-	74.399.780.282
	8.368.035	176.630.504.432	195.121.674.698	20.336.781.925	1.845.611.659	195.121.674.698

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu số B09 – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

	Số lượng	31/12/2024		Chênh lệch đánh giá lại tại ngày 31/12/2024		
		Giá gốc VND (1)	Giá trị hợp lý VND (2)	Chênh lệch tăng VND (3) = (2) – (1)	Chênh lệch giảm VND (4) = (1) – (2)	Giá trị đánh giá lại VND (5) = (1) + (3) – (4)
Cổ phiếu niêm yết						
VCB	28.000	2.541.924.444	2.553.600.000	11.675.556	-	2.553.600.000
CTG	43.000	1.317.263.568	1.625.400.000	308.136.432	-	1.625.400.000
BID	30.000	1.255.050.350	1.126.500.000	-	128.550.350	1.126.500.000
DHG	11.000	1.203.971.615	1.142.900.000	-	61.071.615	1.142.900.000
SAB	20.000	1.124.455.556	1.110.000.000	-	14.455.556	1.110.000.000
Các cổ phiếu khác	138.800	6.316.096.960	6.319.119.998	170.042.228	167.019.190	6.319.119.998
	270.800	13.758.762.493	13.877.519.998	489.854.216	371.096.711	13.877.519.998
UPCOM						
Các cổ phiếu khác	26.735	1.159.814.891	1.062.614.891	-	97.200.000	1.062.614.891
Cổ phiếu chưa niêm yết						
Các cổ phiếu khác	1.086	15.046.527	15.046.527	-	-	15.046.527
Chứng chỉ quỹ						
PHVSF	4.821.109	50.000.000.000	58.902.284.652	8.902.284.652	-	58.902.284.652
	5.119.730	64.933.623.911	73.857.466.068	9.392.138.868	468.296.711	73.857.466.068

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu số B09 – CTCK
 (Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
 ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

7. Tài sản tài chính (tiếp theo)

(b) Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2025		31/12/2024	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn (i)				
▪ Tiền gửi tại ngân hàng có kỳ hạn gốc từ trên 3 tháng đến 1 năm	446.500.000.000	(*)	626.000.000.000	(*)
▪ Tiền gửi tại ngân hàng có kỳ hạn gốc từ trên 1 năm và kỳ hạn còn lại dưới 1 năm	106.000.000.000	(*)	70.000.000.000	(*)
	552.500.000.000		696.000.000.000	
Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn				
▪ Trái phiếu do các tổ chức tín dụng phát hành có kỳ hạn gốc trên 5 năm (ii)	250.000.000.000	(*)	-	-

- (i) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty có các khoản tiền gửi có kỳ hạn là 522.500.000.000 VND được cầm cố tại các ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty (31/12/2024: 566.000.000.000 VND) (Thuyết minh 20(i)).
- (ii) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, trái phiếu có mệnh giá là 150.000.000.000 VND đã được cầm cố tại các ngân hàng làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay của Công ty (31/12/2024: không có) (Thuyết minh 20(ii)).

(c) Các khoản phải thu về cho vay

	31/12/2025		31/12/2024	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Cho vay giao dịch ký quỹ (iii)	3.991.452.169.554	(*)	2.739.085.479.371	(*)
Tạm ứng cho khách hàng đối với tiền thu từ bán chứng khoán (iv)	128.324.279.266	(*)	135.710.747.162	(*)
	4.119.776.448.820		2.874.796.226.533	

- (iii) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, các khoản cho vay giao dịch ký quỹ này có thời hạn gốc là 90 ngày và hưởng lãi suất năm từ 6,9% đến 15,2% (31/12/2024: từ 8,5% đến 14,8%). Tỷ lệ ký quỹ ban đầu dao động từ 50% đến 90% (31/12/2024: từ 50% đến 90%) và tỷ lệ ký quỹ duy trì dao động từ 30% đến 70% (31/12/2024: từ 30% đến 70%).
- (iv) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, các khoản tạm ứng cho khách hàng đối với tiền thu từ bán chứng khoán được hưởng lãi suất năm dao động từ 9,0% đến 13,5% (31/12/2024: từ 9,5% đến 13,5%).

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)**

Mẫu số B09 – CTCK

*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

- (*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

8. Các khoản phải thu

	31/12/2025 VND	31/12/2024 VND
Lãi dự thu từ các khoản cho vay giao dịch ký quỹ	65.140.513.143	36.007.631.811
Lãi dự thu từ tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	17.739.823.459	15.283.740.589
Lãi dự thu từ trái phiếu	3.560.082.191	-
	86.440.418.793	51.291.372.400

9. Phải thu các dịch vụ cung cấp

	31/12/2025 VND	31/12/2024 VND
Phải thu từ hoạt động thanh toán và bù trừ giao dịch chứng khoán	24.835.081.650	1.275.987.800
Phải thu từ hoạt động lưu ký chứng khoán	2.411.608.729	1.604.164.966
Phải thu từ hoạt động môi giới chứng khoán	776.523.091	472.364.410
Phải thu khác	9.838.209	421.322.408
	28.033.051.679	3.773.839.584

10. Các khoản phải thu khác

	31/12/2025 VND	31/12/2024 VND
Tạm ứng cho khách hàng đối với các hoạt động kinh doanh chứng khoán	11.949.567.762	12.014.248.697
Phải thu khác	1.035.068.624	1.794.663.835
	12.984.636.386	13.808.912.532

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)****Mẫu số B09 – CTCK***(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)***11. Dự phòng suy giảm giá trị tài sản tài chính và phải thu khó đòi****(a) Dự phòng suy giảm giá trị tài sản tài chính**

	Tại ngày 31/12/2025		
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND
Cho vay giao dịch ký quỹ và lãi dự thu	52.377.478.549	4.842.495.000	47.534.983.549

	Tại ngày 31/12/2024		
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND
Cho vay giao dịch ký quỹ và lãi dự thu	52.377.478.549	4.842.495.000	47.534.983.549

Biến động của dự phòng suy giảm giá trị tài sản tài chính trong năm như sau:

	2025 VND	2024 VND
Số dư đầu năm	47.534.983.549	30.551.507.140
Dự phòng trích lập trong năm	-	17.999.697.389
Dự phòng sử dụng trong năm	-	(1.016.220.980)
Số dư cuối năm	47.534.983.549	47.534.983.549

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)**

Mẫu số B09 – CTCK

(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC

ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

11. Dự phòng suy giảm giá trị tài sản tài chính và phải thu khó đòi (tiếp theo)**(b) Dự phòng phải thu khó đòi**

	Tại ngày 31/12/2025		
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND
Khoản tạm ứng cho khách hàng đối với hoạt động kinh doanh chứng khoán	11.548.588.345	3.269.823.530	8.278.764.815

	Tại ngày 31/12/2024		
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND
Khoản tạm ứng cho khách hàng đối với hoạt động kinh doanh chứng khoán	11.593.764.091	3.282.870.350	8.310.893.741

Biến động của dự phòng phải thu khó đòi trong năm như sau:

	2025 VND	2024 VND
Số dư đầu năm	8.310.893.741	6.893.691.319
Dự phòng (hoàn nhập)/trích lập trong năm	(32.128.926)	1.417.202.422
Số dư cuối năm	8.278.764.815	8.310.893.741

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)****Mẫu số B09 – CTCK***(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)***12. Chi phí trả trước****(a) Chi phí trả trước ngắn hạn**

	31/12/2025 VND	31/12/2024 VND
Chi phí bảo trì thiết bị và phần mềm	1.105.819.424	1.890.363.353
Chi phí thuê trả trước	38.115.591	373.678.763
Các chi phí khác	2.614.844.904	2.910.511.381
	<hr/> 3.758.779.919	<hr/> 5.174.553.497

(b) Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2025 VND	31/12/2024 VND
Công cụ và dụng cụ	670.421.793	2.617.840.688
Phần mềm	1.106.850.433	1.979.918.254
Nâng cấp văn phòng	875.766.213	4.705.960.583
Các chi phí khác	638.960.915	848.360.448
	<hr/> 3.291.999.354	<hr/> 10.152.079.973

Biến động của chi phí trả trước dài hạn trong năm như sau:

	2025 VND	2024 VND
Số dư đầu năm	10.152.079.973	18.287.789.360
Tăng trong năm	1.009.013.950	2.099.264.908
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	1.186.551.504
Phân bổ trong năm	(7.869.094.569)	(11.421.525.799)
	<hr/> 3.291.999.354	<hr/> 10.152.079.973

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)****Mẫu số B09 – CTCK***(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)***13. Các tài sản ngắn hạn khác**

	31/12/2025 VND	31/12/2024 VND
Tiền ký quỹ cho giao dịch chứng khoán phái sinh	8.999.901.000	-

Theo Quyết định số 96/QĐ-VSD ngày 23 tháng 3 năm 2017 do Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam (“VSDC”) ban hành, Công ty phải ký quỹ bằng tiền hoặc chứng khoán để thực hiện giao dịch chứng khoán phái sinh và đảm bảo tỷ lệ ký quỹ bằng tiền tại mọi thời điểm không thấp hơn tỷ lệ tối thiểu do VSDC quy định.

14. Tài sản cố định hữu hình**2025**

	Nâng cấp tài sản thuê VND	Thiết bị văn phòng VND	Phương tiện vận chuyển VND	Đồ đạc và trang bị văn phòng VND	Tổng VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	601.182.219	48.015.620.576	2.265.440.000	929.900.569	51.812.143.364
Tăng trong năm	-	37.383.000	-	-	37.383.000
Thanh lý	-	(4.637.326.309)	(223.940.000)	(203.060.000)	(5.064.326.309)
Số dư cuối năm	601.182.219	43.415.677.267	2.041.500.000	726.840.569	46.785.200.055
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	601.182.219	36.492.060.931	2.265.440.000	478.576.614	39.837.259.764
Khấu hao trong năm	-	5.298.489.099	-	163.639.032	5.462.128.131
Thanh lý	-	(4.637.326.309)	(223.940.000)	(93.256.185)	(4.954.522.494)
Số dư cuối năm	601.182.219	37.153.223.721	2.041.500.000	548.959.461	40.344.865.401
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	-	11.523.559.645	-	451.323.955	11.974.883.600
Số dư cuối năm	-	6.262.453.546	-	177.881.108	6.440.334.654

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)****Mẫu số B09 – CTCK***(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)***14. Tài sản cố định hữu hình (tiếp theo)****2024**

	Nâng cấp tài sản thuê VND	Thiết bị văn phòng VND	Phương tiện vận chuyển VND	Đồ đạc và trang bị văn phòng VND	Tổng VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	601.182.219	43.466.790.576	2.265.440.000	895.988.569	47.229.401.364
Tăng trong năm	-	4.548.830.000	-	-	4.548.830.000
Chuyển qua từ xây dựng cơ bản dở dang	-	-	-	33.912.000	33.912.000
Số dư cuối năm	601.182.219	48.015.620.576	2.265.440.000	929.900.569	51.812.143.364
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	601.182.219	30.264.610.613	2.265.440.000	293.143.467	33.424.376.299
Khấu hao trong năm	-	6.227.450.318	-	185.433.147	6.412.883.465
Số dư cuối năm	601.182.219	36.492.060.931	2.265.440.000	478.576.614	39.837.259.764
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	-	13.202.179.963	-	602.845.102	13.805.025.065
Số dư cuối năm	-	11.523.559.645	-	451.323.955	11.974.883.600

Bao gồm trong tài sản cố định hữu hình có các tài sản có nguyên giá là 28.111.038.616 VND đã được khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 nhưng vẫn còn đang được sử dụng (31/12/2024: 18.597.988.925 VND).

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)****Mẫu số B09 – CTCK***(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)***15. Tài sản cố định vô hình**

	2025 Phần mềm máy vi tính VND	2024 Phần mềm máy vi tính VND
Nguyên giá		
Số dư đầu năm	36.879.716.400	26.091.616.400
Tăng trong năm	264.500.000	4.844.000.000
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	-	5.944.100.000
Số dư cuối năm	37.144.216.400	36.879.716.400
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư đầu năm	20.107.103.665	16.151.326.956
Khấu hao trong năm	5.088.900.824	3.955.776.709
Số dư cuối năm	25.196.004.489	20.107.103.665
Giá trị còn lại		
Số dư đầu năm	16.772.612.735	9.940.289.444
Số dư cuối năm	11.948.211.911	16.772.612.735

Bao gồm trong tài sản cố định vô hình có các tài sản cố nguyên giá là 11.473.416.400 VND đã được khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 nhưng vẫn còn đang được sử dụng (31/12/2024: 8.596.466.400 VND).

16. Ký quỹ, ký cược dài hạn

	31/12/2025 VND	31/12/2024 VND
Tiền ký quỹ thuê văn phòng, nhà ở và xe hơi	4.622.592.556	5.470.397.057

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)****Mẫu số B09 – CTCK***(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)***17. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả****Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận**

	Thuế suất	31/12/2025 VND	31/12/2024 VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại:			
Dự phòng suy giảm giá trị tài sản tài chính	20%	10.499.496.186	10.505.921.972
Chi phí trích trước	20%	557.910.013	420.177.060
Chênh lệch giảm đánh giá lại TSTC ghi nhận theo FVTPL	20%	-	93.659.342
		11.057.406.199	11.019.758.374
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả:			
Chênh lệch tăng đánh giá lại TSTC ghi nhận theo FVTPL	20%	(3.698.234.053)	(1.878.427.774)
Chênh lệch giảm từ đánh giá lại khoản phải trả về chứng quyền	20%	(443.751.292)	-
		(4.141.985.345)	(1.878.427.774)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại – thuần		6.915.420.854	9.141.330.600

18. Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ Thanh toán

Theo Quyết định số 45/QĐ-VSD ngày 22 tháng 5 năm 2014 của Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam, Công ty phải ký quỹ một khoản tiền ban đầu là 120 triệu VND tại Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam và hàng năm phải đóng thêm 0,01% trên doanh số giao dịch môi giới chứng khoán niêm yết tại các Sở Giao dịch Chứng khoán của năm liền trước với số tiền đóng góp hàng năm vào Quỹ Hỗ trợ Thanh toán không quá 2,5 tỷ VND.

Biến động tiền nộp Quỹ Hỗ trợ Thanh toán trong năm như sau:

	2025 VND	2024 VND
Số dư đầu năm	19.464.116.068	16.964.116.068
Tiền nộp thêm trong năm	-	1.672.969.148
Thu nhập lãi phát sinh trong năm	1.156.167.909	827.030.852
Thu nhập lãi nhận được trong năm	(620.283.977)	-
Số dư cuối năm	20.000.000.000	19.464.116.068

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)****Mẫu số B09 – CTCK***(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)***19. Tài sản dài hạn khác**

	31/12/2025 VND	31/12/2024 VND
Quỹ bù trừ cho hoạt động kinh doanh chứng khoán phái sinh	10.099.739.676	10.079.572.716

Theo Quyết định số 97/QĐ-VSD ngày 23 tháng 3 năm 2017 do Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam ban hành về Quy chế quản lý và sử dụng Quỹ bù trừ hoạt động chứng khoán phái sinh, Công ty có trách nhiệm đóng góp vào Quỹ bù trừ hoạt động kinh doanh chứng khoán phái sinh (“Quỹ bù trừ”) bằng tiền hoặc chứng khoán. Mức đóng góp ban đầu tối thiểu là 10 tỷ VND đối với thành viên bù trừ trực tiếp, 15 tỷ VND đối với thành viên bù trừ chung.

Biến động tiền gửi tại Quỹ bù trừ trong năm như sau:

	2025 VND	2024 VND
Số dư đầu năm	10.079.572.716	10.059.454.943
Lãi phát sinh trong năm	20.166.960	20.117.773
Số dư cuối năm	10.099.739.676	10.079.572.716

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu số B09 – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

20. Vay ngắn hạn

Diễn giải	Nguyên tệ	Số dư đầu năm tại ngày 1/1/2025 VND	Số vay trong năm VND	Số trả trong năm VND	Đánh giá chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Số dư cuối năm tại ngày 31/12/2025 VND
Khoản vay ngắn hạn từ						
▪ Các ngân hàng trong nước	VND	444.000.000.000	8.808.099.000.000	(8.848.099.000.000)	-	404.000.000.000
▪ Các ngân hàng nước ngoài	USD	989.388.000.000	10.921.476.000.000	(9.441.737.000.000)	(1.608.000.000)	2.467.519.000.000
		1.433.388.000.000	19.729.575.000.000	(18.289.836.000.000)	(1.608.000.000)	2.871.519.000.000

- (i) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, các khoản vay này được đảm bảo bằng tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng là 245.430.023.034 VND (31/12/2024: 53.541.688.277 VND) (Thuyết minh 5) và 522.500.000.000 VND (31/12/2024: 566.000.000.000 VND) (Thuyết minh 7(b)(i)).
- (ii) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, các khoản vay này được đảm bảo bằng trái phiếu do các tổ chức tín dụng phát hành với số tiền là 150.000.000.000 VND (31/12/2024: không có) (Thuyết minh 7(b)(ii)).
- (iii) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, các khoản vay này chịu lãi suất năm dao động từ 4,2% đến 7,8% (31/12/2024: 4,0% đến 6,7%).

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu số B09 – CTCK

*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

21. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán

	31/12/2025	31/12/2024
	VND	VND
Phải trả liên quan đến hoạt động giao dịch chứng khoán	464.980.950.500	302.444.042.910
Phải trả liên quan đến bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	21.917.339.770	96.446.838.530
Phải trả chứng quyền có bảo đảm	9.504.754.000	-
Phải trả liên quan đến hoạt động đấu giá cổ phiếu	9.361.824.000	-
Phải trả liên quan đến thực hiện quyền mua	8.289.911.000	875.000.000
	514.054.779.270	399.765.881.440

22. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

2025

	Số dư đầu năm		Số phải nộp trong năm	Số khấu trừ/ số đã nộp trong năm	Số dư cuối năm
	Phải thu VND	Phải trả VND			
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.060.047.048	-	21.209.412.351	(14.119.382.483)	5.029.982.820
Thuế thu nhập cá nhân	-	7.376.295.161	112.739.533.606	(110.339.542.767)	9.776.286.000
Thuế giá trị gia tăng	-	345.475	157.009.786	(155.986.846)	1.368.415
Thuế nhà thầu nước ngoài	-	779.898.798	21.314.078.568	(19.194.337.440)	2.899.639.926
	2.060.047.048	8.156.539.434	155.420.034.311	(143.809.249.536)	17.707.277.161

2024

	Số dư đầu năm		Số phải nộp trong năm	Số khấu trừ/ số đã nộp trong năm	Số dư cuối năm	
	Phải trả VND	Phải thu VND			VND	Phải thu VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.876.238.675	2.783.054.935	(8.719.340.658)	2.060.047.048	-	-
Thuế thu nhập cá nhân	7.122.225.824	96.152.852.799	(95.898.783.462)	-	-	7.376.295.161
Thuế giá trị gia tăng	15.828.533	118.234.429	(133.717.487)	-	-	345.475
Thuế nhà thầu nước ngoài	968.005.930	11.925.617.606	(12.113.724.738)	-	-	779.898.798
	11.982.298.962	110.979.759.769	(116.865.566.345)	2.060.047.048	8.156.539.434	-

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu số B09 – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

23. Chi phí phải trả

	31/12/2025	31/12/2024
	VND	VND
Chi phí cho nhân viên	16.721.624.838	8.929.587.973
Chi phí giao dịch chứng khoán	4.361.331.554	2.670.256.292
Chi phí lãi	8.067.379.522	3.434.719.656
Các chi phí khác	4.606.018.797	2.530.515.879
	33.756.354.711	17.565.079.800

24. Các khoản phải trả khác

	31/12/2025	31/12/2024
	VND	VND
Phải trả cổ tức	3.930.652.913	2.095.392.513
Các khoản phải trả cho khách hàng	-	10.000.000
Các khoản phải trả khác	18.960.155	5.223.155
	3.949.613.068	2.110.615.668

25. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và phát hành của Công ty là:

	31/12/2025		31/12/2024	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	200.009.819	2.000.098.190.000	200.009.819	2.000.098.190.000
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	200.009.819	2.000.098.190.000	200.009.819	2.000.098.190.000
Cổ phiếu quỹ				
Cổ phiếu phổ thông	(490)	(1.185.000)	(490)	(1.185.000)
Số cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	200.009.329	2.000.097.005.000	200.009.329	2.000.097.005.000

26. Cổ tức

Vào ngày 17 tháng 4 năm 2025, Đại hội đồng Cổ đông của Công ty đã quyết định chia cổ tức với số tiền là 20.000.932.900 VND từ lợi nhuận chưa phân phối tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 (2024: 45.002.798.700 VND từ lợi nhuận chưa phân phối tại ngày 31 tháng 12 năm 2023).

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu số B09 – CTCK

*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

27. Lãi/(lỗ) từ bán tài sản tài chính ghi nhận theo FVTPL

2025	Số lượng	Giá bán trung bình VND	Tiền thu được VND	Giá vốn VND	Lãi/(lỗ) từ bán chứng khoán VND
Chứng quyền có bảo đảm	34.528.200	1.431	49.422.174.539	47.137.949.000	2.284.225.539
Trái phiếu	4.680.000	106.741	499.549.420.000	498.995.020.000	554.400.000
Chứng chỉ quỹ	115.900	26.988	3.127.875.000	3.186.658.197	(58.783.197)
Các TSTC ghi nhận theo FVTPL					
Cổ phiếu niêm yết và cổ phiếu đăng ký giao dịch trên UPCOM	12.352.511	36.803	454.610.203.300	454.696.056.282	(85.852.982)
Hợp đồng tương lai					(2.606.440.000)
	51.676.611	19.481	1.006.709.672.839	1.004.015.683.479	87.549.360
Trong đó:					
Lãi từ bán TSTC ghi nhận theo FVTPL					22.012.955.356
Lỗ từ bán TSTC ghi nhận theo FVTPL					(21.925.405.996)

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu số B09 – CTCK

*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

2024	Số lượng	Giá bán trung bình VND	Tiền thu được VND	Giá vốn VND	Lãi/(lỗ) từ bán chứng khoán VND
Các TSTC ghi nhận theo FVTPL					
Cổ phiếu niêm yết và cổ phiếu đăng ký giao dịch trên UPCOM	2.414.630	35.486	85.686.744.910	81.743.443.577	3.943.301.333
Chứng quyền có bảo đảm	2.424.100	3.244	7.862.635.789	8.733.303.500	(870.667.711)
	4.838.730	19.333	93.549.380.699	90.476.747.077	3.072.633.622
Trong đó:					
Lãi từ bán TSTC ghi nhận theo FVTPL					5.634.885.838
Lỗ từ bán TSTC ghi nhận theo FVTPL					(2.562.252.216)

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)****Mẫu số B09 – CTCK***(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)***28. Lãi từ các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn**

	2025 VND	2024 VND
Thu nhập lãi từ tiền gửi có kỳ hạn và chứng chỉ tiền gửi	45.706.200.241	37.337.733.669
Thu nhập lãi từ trái phiếu	6.432.931.191	-
	<hr/>	<hr/>
	52.139.131.432	37.337.733.669

29. Lãi từ các khoản cho vay và phải thu

	2025 VND	2024 VND
Thu nhập lãi từ các khoản cho vay giao dịch ký quỹ	326.956.282.716	268.041.189.527
Thu nhập lãi từ các khoản tạm ứng cho khách hàng đối với tiền thu từ bán chứng khoán	10.270.190.316	10.492.234.820
	<hr/>	<hr/>
	337.226.473.032	278.533.424.347

30. Chi phí môi giới chứng khoán

	2025 VND	2024 VND
Chi phí lương cho nhân viên và hoa hồng cho môi giới	119.387.882.340	103.616.981.844
Phí môi giới chứng khoán	41.805.978.244	30.886.469.119
Chi phí thuê	11.912.856.006	15.441.300.505
Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.368.139.456	11.343.689.482
Chi phí công cụ và dụng cụ	1.849.331.232	3.099.750.388
Khấu hao và phân bổ tài sản cố định	496.435.505	526.632.944
Chi phí khác	1.173.147.840	1.862.725.136
	<hr/>	<hr/>
	187.993.770.623	166.777.549.418

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)****Mẫu số B09 – CTCK***(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)***31. Chi phí lãi**

	2025 VND	2024 VND
Chi phí lãi vay	151.827.798.512	127.618.442.639
Chi phí lãi cho tiền gửi của khách hàng cho các giao dịch chứng khoán	1.141.711.194	1.187.610.102
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>
	152.969.509.706	128.806.052.741

32. Chi phí quản lý

	2025 VND	2024 VND
Chi phí lương cho nhân viên	50.672.807.127	45.734.078.921
Chi phí dịch vụ mua ngoài	29.411.789.276	30.555.188.185
Khấu hao và phân bổ tài sản cố định	10.054.593.450	9.842.027.230
Chi phí thuê	7.729.810.228	7.587.180.882
Chi phí công cụ và dụng cụ	7.369.953.079	9.082.983.587
Chi phí khác	2.800.813.160	3.878.525.471
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>
	108.039.766.320	106.679.984.276



Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)**

Mẫu số B09 – CTCK

*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)***33. Thuế thu nhập doanh nghiệp****(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động**

	2025	2024
	VND	VND
Chi phí thuế hiện hành		
Năm hiện hành	21.155.944.800	2.780.505.495
Dự phòng thiếu của những năm trước	53.467.551	2.549.440
	<hr/> 21.209.412.351	<hr/> 2.783.054.935
Chi phí/(lợi ích) thuế hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các khoản chênh lệch tạm thời	2.225.909.746	(2.550.205.389)
	<hr/> 23.435.322.097	<hr/> 232.849.546

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2025	2024
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	116.755.674.497	340.912.582
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	23.351.134.899	68.182.516
Chi phí không được khấu trừ thuế	188.975.047	276.641.814
Thu nhập không bị tính thuế	(158.255.400)	(114.524.224)
Dự phòng thiếu của những năm trước	53.467.551	2.549.440
	<hr/> 23.435.322.097	<hr/> 232.849.546

(c) Thuế suất áp dụng

Mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty là 20%. Việc tính thuế thu nhập doanh nghiệp còn phụ thuộc vào sự kiểm tra và chấp thuận của cơ quan quản lý thuế.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)****Mẫu số B09 – CTCK***(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)***34. Lãi cơ bản trên cổ phiếu****(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông**

	2025 VND	2024 VND
Lợi nhuận thuần trong năm	93.320.352.400	108.063.036

(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

	2025 VND	2024 VND
Số cổ phiếu phổ thông đã phát hành đầu năm	200.009.819	150.009.819
Ảnh hưởng của số cổ phiếu phổ thông đã phát hành trong năm	-	4.508.197
Ảnh hưởng của số cổ phiếu quỹ Công ty đang nắm giữ	(490)	(490)
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông trong năm	200.009.329	154.517.526

(iii) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	2025 VND	2024 VND
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	467	0,7

Công ty không có bất kỳ cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào trong năm. Theo đó, lãi suy giảm trên cổ phiếu không được trình bày.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)****Mẫu số B09 – CTCK***(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)***35. Các giao dịch và số dư chủ yếu với các bên liên quan**

Trong năm Công ty có các giao dịch và số dư chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Giá trị giao dịch	
	2025 VND	2024 VND
Cổ đông lớn		
Phu Hung Far East Holding Corporation		
Cổ tức bằng tiền đã trả	9.200.460.000	20.701.380.000
Góp vốn	-	230.000.000.000
New Beam International Inc		
Cổ tức bằng tiền đã trả	4.167.674.500	7.853.023.500
Góp vốn	-	155.000.000.000
Phí dịch vụ lưu ký chứng khoán	131.886.108	86.697.379
An Thịnh Development Limited		
Cổ tức bằng tiền đã trả	-	5.234.220.000
Các công ty liên quan khác		
Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư Vũ Thái (i)		
Cổ tức bằng tiền đã trả	747.341.500	2.242.024.500
Phí dịch vụ lưu ký chứng khoán	24.550.170	24.751.951
Công ty Cổ phần Bảo hiểm Phú Hưng (ii)		
Cổ tức bằng tiền đã trả	313.684.700	941.054.100
Phí bảo hiểm	66.197.834	85.972.476
Phí quản lý số cổ đông	27.272.727	27.272.725
Phí dịch vụ lưu ký chứng khoán	7.485.529	10.445.625
Phí giao dịch	49.870.843	-
Freshfields Capital Corporation (iii)		
Cổ tức bằng tiền đã trả	129.048.600	387.145.800
Phí dịch vụ lưu ký chứng khoán	4.239.248	4.274.089
Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Phú Hưng (iv)		
Phí dịch vụ	20.069	1.228.290.323
Phí giao dịch	94.960.850	42.748.621
Công ty Cổ phần Bảo hiểm Nhân thọ Phú Hưng (v)		
Phí dịch vụ lưu ký chứng khoán	4.594.827	4.515.245
Phí quản lý số cổ đông	45.454.548	45.328.285

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)**

Mẫu số B09 – CTCK

(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)**35. Các giao dịch và số dư chủ yếu với các bên liên quan (tiếp theo)**

	Số dư tại ngày	
	31/12/2025 VND	31/12/2024 VND
Cổ đông lớn		
An Thịnh Development Limited		
Cổ tức phải trả	1.744.740.000	-
Phải thu phí dịch vụ lưu ký chứng khoán	3.087.017	3.087.017
New Beam International Inc		
Phải thu phí dịch vụ lưu ký chứng khoán	12.377.993	7.538.903
Các công ty liên quan khác		
Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư Vũ Thái (i)		
Phải trả tiền gửi giao dịch chứng khoán	43.448.503	70.446.185
Công ty Cổ phần Bảo hiểm Phú Hưng (ii)		
Phải thu phí dịch vụ lưu ký chứng khoán	-	908.563
Doanh thu chưa thực hiện	9.604.107	9.604.107
Freshfields Capital Corporation (iii)		
Phải thu phí dịch vụ lưu ký chứng khoán	383.274	371.660
Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Phú Hưng (iv)		
Phải thu hoạt động môi giới chứng khoán	729.590	-
Công ty Cổ phần Bảo hiểm Nhân thọ Phú Hưng (v)		
Phải thu phí dịch vụ lưu ký chứng khoán	156.800	-
Phải trả tiền gửi giao dịch chứng khoán	8.694.217	1.085.121.900
Doanh thu chưa thực hiện	11.742.422	11.742.422



Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)**

Mẫu số B09 – CTCK

*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)***35. Các giao dịch và số dư chủ yếu với các bên liên quan (tiếp theo)**

	2025 VND	2024 VND
Thù lao nhân sự quản lý chủ chốt		
Tổng Giám đốc		
Lương, thưởng và phúc lợi khác	2.326.837.540	1.999.683.502
Người quản lý khác của Ban Quản lý		
Lương, thưởng và phúc lợi khác	2.096.191.304	1.865.111.265
Thành viên Ban kiểm soát		
Lương, thưởng và phúc lợi khác	720.000.000	720.000.000
Thù lao Thành viên Hội đồng Quản trị		
Ông Nguyễn Đoàn Hùng – Thành viên	240.000.000	240.000.000
Ông Wu, Jin-Jeng – Thành viên	240.000.000	240.000.000
Ông Chen Chia Ken – Thành viên	240.000.000	240.000.000
Bà Liu, Hsiu-Mei – Thành viên	-	240.000.000
Bà Lin, Hsiu-Chu – Thành viên	240.000.000	-

- (i) Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư Vũ Thái – Người đại diện pháp luật của Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư Vũ Thái là Thành viên Hội đồng Quản trị của Công ty.
- (ii) Công ty Cổ phần Bảo hiểm Phú Hưng – Phó Tổng Giám Đốc của Công ty Cổ phần Bảo hiểm Phú Hưng là Trưởng Ban Kiểm Soát của Công ty.
- (iii) Freshfields Capital Corporation – Chủ tịch Hội đồng Quản trị của Freshfields Capital Corporation là Chủ tịch Hội đồng Quản trị của Công ty.
- (iv) Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Phú Hưng – Chủ tịch Hội đồng Quản trị của Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Phú Hưng là Chủ tịch Hội đồng Quản trị của Công ty.
- (v) Công ty Cổ phần Bảo hiểm Nhân thọ Phú Hưng
- Một thành viên Hội đồng Quản trị của Công ty Cổ phần Bảo hiểm Nhân Thọ Phú Hưng là Chủ tịch Hội đồng Quản trị của Công ty.
 - Một thành viên Hội đồng Quản trị của Công ty Cổ phần Bảo hiểm Nhân Thọ Phú Hưng là Tổng Giám Đốc của Công ty.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu số B09 – CTCK

*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

36. Báo cáo bộ phận

(i) Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các bộ phận kinh doanh chính: môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, kinh doanh nguồn vốn và các bộ phận khác.

	Mã số	Môi giới chứng khoán VND	Tự doanh chứng khoán VND	Kinh doanh nguồn vốn VND	Các bộ phận khác VND	Tổng VND
2025						
1. Doanh thu từ hoạt động kinh doanh	01	185.023.390.113	36.590.626.984	446.133.174.529	7.949.278.301	675.696.469.927
2. Chi phí trực tiếp	02	187.497.335.118	28.279.280.336	323.732.673.943	7.086.810.972	546.596.100.369
3. Chi phí khấu hao và phân bổ	03	496.435.505	-	10.054.593.450	-	10.551.028.955
4. Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	04	-	1.834.630.058	-	-	1.834.630.058
5. Dự phòng phải thu khó đòi	05	-	-	(32.128.926)	-	(32.128.926)
6. Thu nhập khác	06	-	-	-	336.415.408	336.415.408
7. Chi phí khác	07	-	-	-	327.580.382	327.580.382
(Lỗ)/lợi nhuận trước thuế (08 = 01 + 06 – 02 – 03 – 04 – 05 – 07)	08	(2.970.380.510)	6.476.716.590	112.378.036.062	871.302.355	116.755.674.497
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025						
Tài sản bộ phận		66.470.019.638	195.458.865.384	5.319.085.535.588	3.200.457.178	5.584.214.877.788
Nợ phải trả bộ phận		502.162.175.292	540.499.977	2.930.646.240.915	10.448.731.357	3.443.797.647.541

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu số B09 – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

36. Báo cáo bộ phận (tiếp theo)

(i) Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

	Mã số	Môi giới chứng khoán VND	Tự doanh chứng khoán VND	Kinh doanh nguồn vốn VND	Các bộ phận khác VND	Tổng VND
2024						
1. Doanh thu từ hoạt động kinh doanh	01	146.796.428.959	12.554.313.374	339.470.805.587	7.828.166.076	506.649.713.996
2. Chi phí trực tiếp	02	166.250.916.474	7.005.432.232	294.780.132.582	9.055.184.242	477.091.665.530
3. Chi phí khấu hao và phân bổ	03	526.632.944	-	9.842.027.230	-	10.368.660.174
4. Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	04	-	(399.608.767)	-	-	(399.608.767)
5. Dự phòng phải thu khó đòi	05	-	-	19.416.899.811	-	19.416.899.811
6. Thu nhập khác	06	-	-	-	308.753.709	308.753.709
7. Chi phí khác	07	-	-	-	139.938.375	139.938.375
(Lỗ)/lợi nhuận trước thuế (08 = 01 + 06 - 02 - 03 - 04 - 05 - 07)	08	(19.981.120.459)	5.948.489.909	15.431.745.964	(1.058.202.832)	340.912.582
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024						
Tài sản bộ phận		52.338.768.395	73.919.649.233	3.803.027.149.955	2.079.801.674	3.931.365.369.257
Nợ phải trả bộ phận		407.347.110.448	262.089.707	1.456.135.987.352	522.371.003	1.864.267.558.510

(ii) Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Tất cả hoạt động kinh doanh của Công ty được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam (tức là một bộ phận đơn lẻ).

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu số B09 – CTCK

(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

37. Cam kết thuê

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/12/2025	31/12/2024
	VND	VND
Trong vòng một năm	16.663.402.904	22.938.870.704
Từ hai đến năm năm	15.050.718.502	17.344.063.347
	<hr/>	<hr/>
	31.714.121.406	40.282.934.051

Ngày 6 tháng 3 năm 2026

Người lập:



Bà Nguyễn Phương Trinh
Kế toán viên

Người soát xét:



Bà Đỗ Thị Ái Vy
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Ông Chen Chia Ken
Tổng Giám đốc



TỜ TRÌNH

**Báo Cáo của Hội Đồng Quản Trị
kết quả hoạt động kinh doanh năm 2025**

**Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN
CTCP CHỨNG KHOÁN PHÚ HƯNG**

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động hiện hành của CTCP Chứng khoán Phú Hưng;

Hội đồng Quản trị (“HĐQT”) Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (“PHS”) kính trình Đại hội đồng Cổ đông thường niên (“ĐHĐCĐ”) thông qua Báo cáo kết quả hoạt động của HĐQT năm 2025 như sau:

I. THÔNG TIN CHUNG

Năm 2025, HĐQT có 5 (năm) thành viên, bao gồm 1 (một) thành viên độc lập là bà Lin, Hsiu-Chu. Cơ cấu HĐQT được duy trì phù hợp với quy định pháp luật và các nguyên tắc quản trị công ty, bảo đảm sự cân đối về chuyên môn, kinh nghiệm và tính độc lập trong hoạt động giám sát, định hướng và ra quyết định. Các thành viên HĐQT có năng lực và kinh nghiệm trong các lĩnh vực quản trị, pháp lý, tài chính và chứng khoán. Đồng thời, đội ngũ cán bộ quản lý của Công ty tiếp tục được nâng cao năng lực thông qua việc tham gia các chương trình đào tạo về quản trị công ty.

Năm 2025, PHS ghi nhận lợi nhuận trước thuế đạt hơn 116 tỷ đồng. Tại ngày 31/12/2025, tổng tài sản của Công ty đạt 5.584 tỷ đồng, trong đó vốn chủ sở hữu đạt 2.140 tỷ đồng, phản ánh nền tảng tài chính được duy trì ổn định và an toàn.

Trong bối cảnh thị trường chứng khoán có diễn biến thuận lợi với thanh khoản cải thiện và tâm lý nhà đầu tư tích cực, đồng thời cạnh tranh trong ngành ngày càng gia tăng, HĐQT đã thực hiện vai trò định hướng và giám sát theo nguyên tắc thận trọng, minh bạch và trách nhiệm. Công ty chủ động triển khai các giải pháp kinh doanh đồng bộ, tăng cường năng lực quản trị rủi ro và nâng cao hiệu quả hoạt động, qua đó tiếp

tục củng cố vị thế trên thị trường và đạt được kết quả kinh doanh tích cực trong năm. Các nhóm hoạt động trọng tâm triển khai bao gồm:

- Tái cấu trúc một số đơn vị kinh doanh và vận hành nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động và hỗ trợ việc thực hiện các mục tiêu chiến lược dài hạn của Công ty;
- Đẩy mạnh hoạt động giao dịch số, bao gồm cung cấp thông tin thị trường, mở tài khoản trực tuyến, chuyển tiền điện tử và dịch vụ tư vấn đầu tư;
- Phát triển đa dạng các sản phẩm, dịch vụ nhằm phục vụ các phân khúc khách hàng khác nhau, phù hợp với nhu cầu nhà đầu tư và xu hướng gia tăng giao dịch số;
- Tăng cường quản lý hoạt động cho vay ký quỹ theo nguyên tắc thận trọng, bảo đảm kiểm soát rủi ro và duy trì chất lượng danh mục.

II. TỔNG KẾT CÁC CUỘC HỌP, NGHỊ QUYẾT VÀ CÔNG TÁC ĐIỀU HÀNH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2025

Năm 2025, HĐQT đã tổ chức 10 cuộc họp nhằm xem xét, quyết định các hoạt động kinh doanh theo từng giai đoạn, phù hợp với mục tiêu phát triển chung của Công ty. Tất cả các thành viên HĐQT đều tham dự, thảo luận, đưa ra ý kiến và thống nhất thông qua 100% các nội dung trình tại các cuộc họp.

HĐQT đã ban hành các nghị quyết để triển khai các quyết định của Đại hội đồng Cổ đông (ĐHĐCĐ) và xử lý các vấn đề thuộc thẩm quyền, bao gồm:

- Phê duyệt điều kiện cung cấp chứng quyền có bảo đảm phát hành năm 2025;
- Phê duyệt đăng ký thay đổi vốn điều lệ tại Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- Phê duyệt ngày đăng ký cuối cùng, ngày tổ chức ĐHĐCĐ thường niên;
- Phê duyệt chương trình nghị sự và các tài liệu dùng ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 ngày 17/04/2025;
- Bầu Chủ tịch HĐQT nhiệm kỳ 2025 – 2028;
- Tái bổ nhiệm Phó Tổng Giám đốc nhiệm kỳ 2025 – 2028;
- Phê duyệt việc đóng cửa phòng giao dịch Phú Mỹ Hưng;
- Phê duyệt mức thù lao dành cho từng thành viên của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2025;
- Phê duyệt ngày chốt danh sách cổ đông để chi trả cổ tức bằng tiền năm 2024;
- Phê duyệt việc chấm dứt hợp đồng lao động và các thủ tục liên quan với Trưởng Ban kiểm toán nội bộ;

- Phê duyệt bổ nhiệm Trưởng Ban kiểm toán nội bộ;
- Phê duyệt điều kiện chào bán chứng quyền có bảo đảm phát hành trong năm 2026.

Bên cạnh đó, HĐQT đã thường xuyên theo dõi tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty thông qua các báo cáo định kỳ hằng tháng và kịp thời đưa ra các định hướng, chỉ đạo cần thiết theo từng giai đoạn.

Trong năm 2025, Công ty phát sinh giao dịch của người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ đối với cổ phiếu của Công ty. Các giao dịch đã được thực hiện, công bố thông tin và chấp thuận đầy đủ theo quy định pháp luật hiện hành và Điều lệ Công ty, đồng thời đã được tổng hợp trong Báo cáo tình hình quản trị công ty năm 2025 ngày 20/01/2026.

III. HOẠT ĐỘNG CỦA THÀNH VIÊN ĐỘC LẬP HỘI ĐỒNG QUẢN VÀ ĐÁNH GIÁ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Năm 2025, thành viên độc lập HĐQT đã tham dự đầy đủ các cuộc họp HĐQT, thực hiện việc xem xét và đưa ra ý kiến độc lập đối với các định hướng chiến lược, kế hoạch kinh doanh và các vấn đề được trình; đồng thời đưa ra các nhận xét, khuyến nghị nhằm hỗ trợ và nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty.

HĐQT đã triển khai hoạt động hiệu quả, tuân thủ các quy định pháp luật, Điều lệ Công ty và các quy định về quản trị công ty. Tần suất họp và mức độ tham gia của các thành viên được bảo đảm theo đúng yêu cầu pháp lý và yêu cầu về hiệu quả hoạt động. Đồng thời, HĐQT đã phân định rõ vai trò, trách nhiệm của từng thành viên, đặc biệt chú trọng sự tách bạch giữa thành viên độc lập và thành viên điều hành.

Các nghị quyết của HĐQT được ban hành phù hợp với chiến lược kinh doanh của Công ty theo từng giai đoạn, đồng thời HĐQT thực hiện giám sát việc triển khai các nghị quyết của ĐHĐCĐ và của chính HĐQT. Bên cạnh đó, HĐQT định kỳ rà soát, điều chỉnh các chính sách và quy định nội bộ nhằm bảo đảm khả năng thích ứng của Công ty trước các biến động của môi trường kinh tế và thị trường.

Ngoài ra, HĐQT đã thực hiện vai trò định hướng chiến lược và giám sát thường xuyên đối với Ban Giám đốc (BGĐ), bảo đảm hoạt động quản lý, điều hành tuân thủ quy định pháp luật và quy định nội bộ, qua đó duy trì các thông lệ quản trị công ty tốt và hiệu quả hoạt động của Công ty.

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG CỦA BAN GIÁM ĐỐC CÔNG TY

Căn cứ Điều lệ Công ty và các quy chế, quy trình nội bộ, HĐQT thực hiện việc phân cấp, ủy quyền cho BGD trong việc tổ chức quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh hằng ngày và triển khai các quyết định chiến lược phù hợp với kế hoạch kinh doanh và định hướng do HĐQT và ĐHĐCĐ đề ra.

BGD thực hiện chế độ báo cáo định kỳ và trao đổi với HĐQT về các vấn đề phát sinh, đồng thời triển khai kịp thời, hiệu quả các nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT. Thông qua các báo cáo định kỳ về kết quả kinh doanh theo quý, báo cáo hoạt động hằng ngày và các báo cáo đột xuất, HĐQT thực hiện giám sát, đánh giá việc Tổng Giám đốc và BGD thực hiện nhiệm vụ theo đúng quy định pháp luật, Điều lệ Công ty và các nghị quyết của ĐHĐCĐ.

Trong năm, PHS đã hoàn thành việc triển khai phương án phân phối lợi nhuận năm 2024 và chi trả cổ tức cho cổ đông theo Nghị quyết số 01/95_0525/NQ-HĐQT ngày 30/05/2025.

Bên cạnh đó, HĐQT đã thực hiện đầy đủ quyền hạn và trách nhiệm một cách thận trọng, chuyên nghiệp và liêm chính, bảo đảm tối đa lợi ích hợp pháp của Công ty và cổ đông.

V. THÙ LAO, CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG VÀ CÁC LỢI ÍCH KHÁC CỦA HĐQT VÀ TỪNG THÀNH VIÊN HĐQT

Năm 2025, ĐHĐCĐ đã thông qua thù lao cho HĐQT và Ban Kiểm soát là 1,920,000,000 đồng, thực chi là 1,680,000,000 đồng như đề cập trong tờ trình về dự toán ngân sách tài chính năm 2025. Thù lao của từng thành viên HĐQT được công bố tại báo cáo tài chính năm 2025 đã kiểm toán.

Ông Chen Chia Ken là thành viên HĐQT kiêm TGD, do đó, ngoài thù lao, ông Chen Chia Ken được nhận tiền lương theo vị trí.

VI. CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

HĐQT đặt mục tiêu tăng trưởng trong năm 2026 và xác định một số định hướng cho hoạt động của Công ty như sau:

- Giải pháp lấy khách hàng làm trọng tâm: Nâng cao trải nghiệm khách hàng thông qua việc chuẩn hóa và tinh giản quy trình mở tài khoản, triển khai các

công cụ quản lý danh mục đầu tư tiên tiến và cung cấp dịch vụ tư vấn được cá nhân hóa, bảo đảm phù hợp với từng phân khúc khách hàng;

- Nâng cao hiệu quả vận hành thông qua tự động hóa: Triển khai tự động hóa quy trình nhằm giảm thiểu xử lý thủ công, tăng cường cơ chế kiểm soát và xây dựng nền tảng vận hành có khả năng mở rộng;
- Tăng cường năng lực phân tích và gắn kết khách hàng: Ứng dụng phân tích dữ liệu nhằm nâng cao mức độ hiểu biết về hành vi khách hàng, qua đó cung cấp dịch vụ đầu tư kịp thời, chính xác và chủ động;
- Đổi mới sản phẩm theo hướng phù hợp thị trường: Phát triển các sản phẩm dựa trên dữ liệu, bảo đảm phù hợp với nhu cầu của nhà đầu tư và diễn biến thị trường.
- củng cố hạ tầng công nghệ: Nâng cấp hệ thống lõi và xây dựng nền tảng số và dữ liệu có tính ổn định, an toàn và khả năng mở rộng, đáp ứng yêu cầu tăng trưởng dài hạn của PHS.

Kính trình Đại hội xem xét và thông qua.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



ALBERT KWANG-CHIN TING



TỜ TRÌNH

**Báo cáo của Ban Kiểm Soát
về tình hình hoạt động Công ty năm 2025**

**Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN
CTCP CHỨNG KHOÁN PHÚ HƯNG**

- Căn cứ vào quyền hạn và nhiệm vụ của Ban Kiểm soát;
- Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2025 được kiểm toán bởi Công ty Kiểm toán KPMG;
- Căn cứ vào tình hình hoạt động của CTCP Chứng khoán Phú Hưng năm 2025;

Ban Kiểm soát ("BKS") Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng ("PHS") kính trình Đại hội đồng Cổ đông thường niên ("ĐHĐCĐ") thông qua **Báo cáo kết quả hoạt động của BKS năm 2025** như sau:



I. THÔNG TIN CHUNG

Công ty áp dụng mô hình quản trị có BKS theo quy định tại Điều 137 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14. BKS thực hiện chức năng giám sát Hội đồng quản trị ("HĐQT") và Tổng Giám đốc ("TGD") trong công tác quản lý, điều hành Công ty; kiểm tra tính hợp pháp, trung thực và mức độ thận trọng trong hoạt động quản trị, điều hành; đồng thời giám sát việc tuân thủ pháp luật, Điều lệ Công ty và các quy định nội bộ.

BKS thực hiện thẩm định báo cáo tài chính định kỳ; đánh giá hiệu quả hệ thống kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro và tuân thủ; giám sát việc thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin và các nghĩa vụ của công ty đại chúng theo quy định của pháp luật về chứng khoán.

Ban Kiểm soát gồm 03 (ba) thành viên như sau:

- Ông. Liew Sep Siang – Trưởng Ban Kiểm soát
- Ông. Chiu, Hsien-Chih – Thành viên Ban Kiểm soát
- Bà. Wang, Gwan-Fang – Thành viên Ban Kiểm soát

BKS đã được ĐHĐCĐ thường niên 2025 thông qua việc tái bổ nhiệm; ông Liew Sep Siang tiếp tục giữ chức vụ Trưởng Ban Kiểm soát kể từ ngày 23/4/2025.

II. THÙ LAO, CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG VÀ CÁC LỢI ÍCH KHÁC CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2025

Thù lao của các thành viên Ban Kiểm soát đã được công bố đầy đủ trong Báo cáo tài chính đã kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc năm 2025.

III. TỔNG KẾT CÁC CUỘC HỌP, KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ CỦA BAN KIỂM SOÁT

Trong năm 2025, Ban Kiểm soát đã tổ chức 03 cuộc họp vào các ngày 24/03/2025, 23/04/2025 và 31/12/2025 với các nội dung chính như sau:

- Xem xét báo cáo tài chính năm 2025 của Công ty, cùng với báo cáo tài chính quý và bán niên năm 2025;
- Xem xét các báo cáo về hệ thống kiểm soát nội bộ và công tác quản trị rủi ro;
- Kiến nghị lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2025 của Công ty;
- Thực hiện kiểm tra, giám sát toàn diện đối với hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính và việc tuân thủ pháp luật của Công ty trong năm 2025.

IV. KẾT QUẢ GIÁM SÁT ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH, TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG VÀ TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH CỦA CÔNG TY

1. Giám sát báo cáo tài chính và tình hình tài chính

Công ty đã lập và công bố các Báo cáo tài chính định kỳ theo đúng quy định pháp luật. Các Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính và Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH KPMG Việt Nam theo quy định hiện hành.

Năm 2025, lợi nhuận trước thuế của Công ty đạt 116 tỷ đồng, phản ánh kết quả kinh doanh tích cực trong bối cảnh thị trường còn nhiều thách thức và đạt 89,6% kế hoạch năm. Tổng doanh thu đạt 675 tỷ đồng, tương đương 90,8% kế hoạch doanh thu được Đại hội đồng cổ đông (“ĐHĐCĐ”) thông qua. Về cơ cấu doanh thu, hoạt động môi giới và cho vay ký quỹ tiếp tục là nguồn đóng góp chủ yếu, chiếm tỷ trọng lớn nhất trong tổng doanh thu.

2. Giám sát tình hình hoạt động

Hoạt động của Công ty trong năm 2025 được thực hiện phù hợp với quy định pháp luật và Điều lệ Công ty. Công ty đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định áp dụng đối với công ty chứng khoán và công ty đăng ký giao dịch trên thị trường UpCom.

Trong năm 2025, người nội bộ và người có liên quan đã thực hiện các giao dịch đối với cổ phiếu của Công ty. Các giao dịch này được thực hiện, công bố thông tin và phê duyệt theo đúng quy định pháp luật và Điều lệ Công ty, đồng thời đã được tổng hợp đầy đủ tại Báo cáo tình hình quản trị công ty năm 2025 ngày 20/01/2026.

Ban Kiểm soát kiến nghị Công ty tiếp tục rà soát, cập nhật các quy định nội bộ phù hợp với quy định pháp luật hiện hành, đồng thời tăng cường công tác đào tạo và truyền thông nhằm nâng cao nhận thức và hiệu quả tuân thủ.

V. KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ HỆ THỐNG KIỂM SOÁT NỘI BỘ VÀ QUẢN TRỊ RỦI RO CỦA CÔNG TY

Kiểm soát nội bộ và Quản trị rủi ro đã ban hành đầy đủ các quy định, quy trình nghiệp vụ và thực hiện công tác kiểm tra, kiểm soát, giám sát thường xuyên, toàn diện đối với mọi mặt hoạt động của Công ty.

Kiểm soát nội bộ đã thực hiện rà soát báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính định kỳ hàng tháng; Kiểm toán nội bộ đã thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính quý, bán niên và năm nhằm bảo đảm tính chính xác, đầy đủ và tuân thủ các quy định về tỷ lệ an toàn vốn, chuẩn mực kế toán và pháp luật có liên quan. Kết quả giám sát cho thấy các báo cáo tài chính được lập và công bố phù hợp với quy định hiện hành; số liệu tài chính không thay đổi trước và sau kiểm toán độc lập, bảo đảm tính minh bạch và độ tin cậy của thông tin tài chính, kế toán.

Công tác quản trị rủi ro được triển khai đầy đủ trong toàn bộ hoạt động của Công ty, trong đó đặc biệt chú trọng đối với hoạt động cho vay ký quỹ. Hoạt động cho vay ký quỹ được thực hiện theo đúng quy định nội bộ và pháp luật; rủi ro được kiểm soát theo từng mã chứng khoán; đồng thời tình hình hoạt động và năng lực tài chính của các công ty niêm yết được đánh giá đầy đủ trước khi cấp hạn mức cho vay.

VI. KẾT QUẢ GIÁM SÁT ĐỐI VỚI HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC CỦA CÔNG TY

Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý cấp cao đã điều hành hoạt động của Công ty phù hợp với các mục tiêu do ĐHĐCĐ thông qua. Ban Kiểm soát không ghi nhận trường hợp nào vi phạm quy định về trách nhiệm và nghĩa vụ của người quản lý Công ty.

HĐQT và TGDĐ đã tổ chức triển khai đầy đủ các Nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT. Kết quả thực hiện các nội dung đã được ĐHĐCĐ thông qua được HĐQT báo cáo đầy đủ.

BKS kiến nghị HĐQT tiếp tục theo dõi sát diễn biến thị trường, xây dựng kế hoạch chi tiết, các kịch bản điều hành và giải pháp tổng thể nhằm bảo đảm việc thực hiện kế hoạch kinh doanh an toàn và hiệu quả.

VII. KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ SỰ PHỐI HỢP GIỮA BAN KIỂM SOÁT VỚI HĐQT, TGD VÀ CÁC CỔ ĐÔNG

Trong năm 2025, BKS đã nhận được sự phối hợp chặt chẽ và tạo điều kiện thuận lợi từ HĐQT, TGD và các cán bộ quản lý của Công ty trong quá trình thực hiện nhiệm vụ. BKS được cung cấp đầy đủ, kịp thời và chính xác các thông tin, báo cáo, tài liệu liên quan đến công tác quản trị công ty, hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính, qua đó bảo đảm việc thực hiện hiệu quả chức năng giám sát theo quy định.

Kính trình Đại hội xem xét và thông qua.



TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT



LIEW SEP SIANG

Số.: 02/2026/TTr-HĐQT

TP. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 04 năm 2026

TỜ TRÌNH

V/v: Thông qua Báo cáo tình hình quản trị Công ty năm 2025

**Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHÚ HƯNG**

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020;
- Căn cứ Điều lệ hiện hành của Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng.

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng kính trình Đại Hội đồng Cổ đông thường niên thông qua Báo cáo tình hình Quản trị Công ty năm 2025.

Kính trình Đại hội xem xét và thông qua.

Trân trọng

Đính kèm:

Báo cáo tình hình Quản trị Công ty năm 2025.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



ALBERT KWANG-CHIN TING

**CÔNG TY CỔ PHẦN
CHỨNG KHOÁN PHÚ HƯNG**

Số: 03/2025/BC-PHS

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 01 năm 2026

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ CÔNG TY
NĂM 2025**

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

- Tên công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHÚ HƯNG (PHS)**
- Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 21, Phú Mỹ Hưng Tower, 08 Hoàng Văn Thái, Phường Tân Mỹ, Thành phố Hồ Chí Minh.
Địa chỉ cũ: Tầng 21, Phú Mỹ Hưng Tower, 08 Hoàng Văn Thái, phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Điện thoại: (84-28) 54135479 Fax: (84-28) 54135472
- Vốn điều lệ: 2.000.098.190.000 VNĐ
- Mã chứng khoán: PHS
- Mô hình quản trị công ty: Đại hội đồng Cổ đông, Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc.
- Về việc thực hiện chức năng kiểm toán nội bộ (Đã thực hiện/ Chưa thực hiện): Đã thực hiện.

I. Hoạt động của Đại hội đồng Cổ đông.



Thông tin về các cuộc họp và Nghị quyết của Đại Hội đồng Cổ đông (bao gồm cả các Nghị quyết của Đại Hội đồng Cổ đông được thông qua dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản):

STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung
1.	01/2025/NQ-ĐHĐCĐ	17/4/2025	<ol style="list-style-type: none"> 1. Thông qua Báo cáo Tài chính kiểm toán năm 2024; 2. Thông qua Báo cáo của Hội đồng Quản trị về Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2024; 3. Thông qua Báo cáo của Ban Kiểm soát về Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2024; 4. Thông qua Báo cáo về tình hình quản trị Công ty năm 2024; 5. Thông qua Báo cáo tình hình sử dụng vốn cho nguồn vốn thu được từ đợt phát hành cổ phiếu riêng lẻ ngày 29/11/2024; 6. Thông qua Báo cáo về việc cập nhật Điều lệ ghi nhận điều chỉnh vốn điều lệ mới; 7. Thông qua Phương án phân phối lợi nhuận năm 2024 và ủy quyền cho Hội đồng Quản trị lựa chọn thời điểm phù hợp và tiến hành thủ tục chi trả cổ tức cho cổ đông; 8. Thông qua Kế hoạch phát triển và kinh doanh của Công ty trong năm 2025; 9. Thông qua Dự toán ngân sách trong năm 2025; 10. Thông qua việc Lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập năm 2025; 11. Thông qua việc Bầu cử thành viên Hội đồng Quản trị nhiệm kỳ 2025 – 2028; 12. Thông qua việc Bầu cử thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2025 – 2028; 13. Thông qua Báo cáo Hội đồng Quản trị về việc tái bổ nhiệm ông Chen Chia Ken làm Tổng Giám đốc Công ty nhiệm kỳ 2025 – 2028; 14. Thông qua Quy trình kiểm tra, kiểm soát của Ban Kiểm soát;

II. Hội đồng Quản trị (năm 2025):

1. Thông tin về thành viên Hội đồng Quản trị (HĐQT):

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ (thành viên HĐQT độc lập, TV HĐQT không điều hành)	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HĐQT/ HĐQT độc lập	
			Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
1.	Ông Albert Kwang-Chin Ting	Chủ tịch Hội đồng Quản trị	06/4/2016	-
2.	Ông Nguyễn Đoan Hùng	Thành viên	06/4/2016	-
3.	Ông Wu, Jin-Jeng	Thành viên	06/4/2016	-
4.	Ông Chen Chia Ken	Thành viên	06/4/2016	-
5.	Bà Liu, Hsiu-Mei	Thành viên độc lập	17/4/2019	17/4/2025
6.	Bà Lin, Hsiu Chu	Thành viên độc lập	17/4/2025	-

2. Các cuộc họp HĐQT:

STT	Thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1.	Ông Albert Kwang-Chin Ting	10	100%	-
2.	Ông Nguyễn Đoan Hùng	10	100%	-
3.	Ông Wu, Jin-Jeng	10	100%	-
4.	Ông Chen Chia Ken	10	100%	-
5.	Bà Liu, Hsiu-Mei	03	100%	Ngày không còn là thành viên độc lập HĐQT: 17/4/2025
6.	Bà Lin, Hsiu Chu	07	100%	Ngày bắt đầu là thành viên độc lập HĐQT: 17/4/2025

3. Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Tổng Giám đốc:

Trong năm 2025, Hội đồng Quản trị đã thực hiện đúng những nhiệm vụ được Đại hội đồng Cổ đông giao trên tinh thần tuân thủ pháp luật và những quy định nội bộ của PHS. Những hoạt động giám sát của Hội đồng Quản trị đối với Ban Tổng Giám đốc được thể hiện thông qua các báo cáo hàng tháng của Ban Tổng Giám đốc và được thể hiện trong các Biên bản họp của Hội đồng Quản trị.

4. Hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng Quản trị (nếu có):

PHS không thành lập các tiểu ban thuộc Hội đồng Quản trị nên không có hoạt động nào để báo cáo.

5. Các Nghị quyết của Hội đồng Quản trị (năm 2025):

STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1.	01/91_0125/NQ-HĐQT	23/01/2025	<ol style="list-style-type: none">1. Thông qua dự phòng nợ phải thu (ký quỹ) tại ngày 31/12/20242. Thông qua dự phòng tạm ứng cho khách hàng đối với hoạt động kinh doanh chứng khoán tại ngày 31/12/20243. Thông qua điều kiện cung cấp Chứng quyền có bảo đảm phát hành năm 20254. Thông qua việc gia hạn và tăng hạn mức tín dụng với Ngân hàng Thương mại Yuanta – chi nhánh Offshore5. Thông qua việc đăng ký thay đổi vốn điều lệ tại Sở Kế hoạch và Đầu tư	100%
2.	01/92_0225/NQ-HĐQT	27/02/2025	<ol style="list-style-type: none">1. Thông qua ngày đăng ký cuối cùng, ngày tổ chức Đại hội đồng Cổ đông thường niên2. Thông qua việc gia hạn hạn mức tín dụng với Ngân hàng Quốc tế Taishin	100%
3.	01/93_0325/NQ-HĐQT	24/03/2025	<ol style="list-style-type: none">1. Thông qua chương trình nghị sự và các tài liệu dùng trong Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên năm 2025 (đại hội) Ngày 17/04/20252. Thông qua báo cáo tài chính kiểm toán năm 2024	100%

			<ol style="list-style-type: none"> 3. Thông qua báo cáo của Hội đồng Quản trị về kết quả hoạt động kinh doanh năm 2024 4. Thông qua báo cáo quản trị công ty năm 2024 5. Thông qua báo cáo tình hình sử dụng vốn cho nguồn vốn thu được từ đợt phát hành cổ phiếu riêng lẻ ngày 29/11/2024 6. Thông qua báo cáo về việc cập nhật Điều lệ ghi nhận điều chỉnh vốn điều lệ mới 7. Thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2024 và ủy quyền cho Hội đồng Quản trị để xác định thời điểm và tiến hành thủ tục trả cổ tức cho cổ đông 8. Thông qua kế hoạch phát triển và kinh doanh của công ty trong năm 2025 9. Thông qua dự toán ngân sách trong năm 2025 10. Thông qua việc giới thiệu ứng cử viên thành viên Hội đồng Quản trị và thành viên Ban Kiểm soát của công ty (nhiệm kỳ 2025 – 2028) 11. Thông qua việc tái bổ nhiệm ông Chen Chia Ken làm Tổng Giám đốc công ty nhiệm kỳ 2025 – 2028 12. Thông qua giấy ủy quyền cho ông Chen Chia Ken – thành viên Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc làm Chủ tọa đại hội và ký những văn bản liên quan đến đại hội ngày 17/04/2025 13. Thông qua báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính kiểm toán ngày 31/12/2024 14. Thông qua giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ với khách hàng 	
4.	01/94_0425/NQ-HĐQT	22/04/2025	<ol style="list-style-type: none"> 1. Thông qua việc bầu ông Albert Kwang – Chin Ting trở thành Chủ tịch HĐQT của công ty (nhiệm kỳ 2025 – 2028) 2. Thông qua việc tái bổ nhiệm bà Phạm Thị Thu Nhân trở thành Phó Tổng Giám Đốc của công ty (nhiệm kỳ 2025 – 2028) 	100%

			<ul style="list-style-type: none"> 3. Thông qua điều kiện cung cấp Chứng quyền có bảo đảm lần đầu 4. Thông qua việc gia hạn và tăng hạn mức tín dụng với ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa 5. Thông qua hạn mức rủi ro trước thanh toán với ngân hàng First Commercial Bank, chi nhánh Hồ Chí Minh 6. Thông qua việc gia hạn hạn mức tín dụng và cấp mới hạn mức rủi ro thanh toán/ rủi ro trước thanh toán với ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng 7. Thông qua việc đóng cửa phòng giao dịch Phú Mỹ Hưng 	
5.	01/95_0525/NQ-HĐQT	30/05/2025	<ul style="list-style-type: none"> 1. Thông qua thù lao dành cho từng thành viên của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2025 2. Thông qua ngày chốt danh sách cổ đông để chi trả cổ tức bằng tiền năm 2024 3. Thông qua việc gia hạn hạn mức tín dụng và hạn mức rủi ro trước thanh toán với ngân hàng Cathay United – chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh 4. Thông qua việc gia hạn hạn mức tín dụng với ngân hàng Cathay United – OBU 5. Thông qua việc gia hạn hạn mức tín dụng với ngân hàng Chang Hwa – chi nhánh HSI-Sung 6. Thông qua việc gia hạn hạn mức tín dụng và hạn mức rủi ro trước thanh toán với ngân hàng Thương Mại TNHH E.Sun – chi nhánh Đồng Nai 7. Thông qua việc gia hạn hạn mức tín dụng với ngân hàng Thương Mại TNHH E.Sun – chi nhánh Offshore 8. Thông qua việc gia hạn hạn mức tín dụng và hạn mức rủi ro trước thanh toán với ngân hàng Thương Mại Taipei Fubon – chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh 9. Thông qua việc gia hạn hạn mức tín dụng với ngân hàng Thương Mại Taipei Fubon – chi nhánh Offshore 	100%

			10. Thông qua việc gia hạn hạn mức tín dụng với ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – chi nhánh 4 Thành phố Hồ Chí Minh	
6.	01/96_0625/NQ-HĐQT	26/06/2025	<ol style="list-style-type: none"> 1. Thông qua việc gia hạn hạn mức tín dụng và hạn mức rủi ro trước thanh toán với Ngân hàng TNHH CTBC – chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh 2. Thông qua việc gia hạn hạn mức tín dụng với Ngân hàng TNHH CTBC 3. Thông qua việc gia hạn hạn mức tín dụng với Ngân hàng First Commercial Bank – chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh 4. Thông qua việc gia hạn hạn mức tín dụng với Ngân hàng First Commercial Bank 5. Thông qua việc gia hạn hạn mức tín dụng với Ngân hàng Thương mại Hua Nan – chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh 6. Thông qua việc tăng và gia hạn hạn mức tín dụng với Ngân hàng KGI 7. Thông qua việc gia hạn hạn mức tín dụng với Ngân hàng Thương mại Quốc tế Mega – chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh 8. Thông qua việc gia hạn hạn mức tín dụng với Ngân hàng Thương mại Quốc tế Mega 9. Thông qua việc gia hạn hạn mức tín dụng với Ngân hàng Shanghai Commercial & Savings Bank, Ltd. – chi nhánh Đồng Nai 10. Thông qua việc gia hạn hạn mức tín dụng với Ngân hàng Shanghai Commercial and Savings Bank, Ltd. – chi nhánh Hong Kong 11. Thông qua hạn mức tín dụng với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong 	100%
7.	01/97_0725/NQ-HĐQT	18/9/2025	1. Thông qua quy trình quản lý rủi ro	100%

			<ol style="list-style-type: none"> 2. Thông qua việc gia hạn hạn mức tín dụng với Ngân hàng Thương mại Entie – Chi nhánh Offshore 3. Thông qua việc gia hạn hạn mức tín dụng và hạn mức thấu chi với Ngân hàng TMCP Phương Đông 4. Thông qua việc gia hạn hạn mức tín dụng với Ngân hàng Union Bank of Taiwan 	
8.	01/98_0825/NQ-HĐQT	07/10/2025	<ol style="list-style-type: none"> 1. Thông qua quyết định chấm dứt hợp đồng lao động và các thủ tục liên quan với bà Bạch Thị Phương Thảo - Trưởng Ban kiểm toán nội bộ 2. Thông qua việc bổ nhiệm Trưởng Ban kiểm toán nội bộ 	100%
9.	01/99_0925/NQ-HĐQT	17/11/2025	<ol style="list-style-type: none"> 1. Thông qua việc gia hạn hạn mức tín dụng với Ngân hàng Hợp tác Đài Loan – Chi nhánh Offshore 2. Thông qua việc tăng hạn mức tín dụng với Ngân hàng Cathay United – OBU 	100%
10.	01/100_1025/NQ-HĐQT	23/12/2025	<ol style="list-style-type: none"> 1. Thông qua kế hoạch kinh doanh năm 2026 2. Thông qua ngân sách của công ty năm 2026 3. Thông qua chính sách quản lý rủi ro năm 2026 4. Thông qua điều chỉnh và bổ sung quy định nội bộ về Phòng Chống Rửa Tiền 5. Thông qua kế hoạch kiểm toán nội bộ năm 2026 6. Thông qua việc gia hạn hạn mức tín dụng với Ngân hàng SinoPac – OBU 7. Thông qua điều kiện hủy niêm yết một phần đối với chứng quyền có bảo đảm trong năm 2026 8. Thông qua điều kiện chào bán chứng quyền có bảo đảm phát hành trong năm 2026 	100%

III. Ban Kiểm soát (năm 2025):

1. Thông tin về thành viên Ban Kiểm soát (BKS):

STT	Thành viên BKS	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên BKS	Trình độ chuyên môn
1.	Ông Liew Sep Siang	Trưởng Ban Kiểm soát	Ngày bắt đầu là thành viên Ban Kiểm soát: 17/04/2019	Thạc sĩ Quản trị kinh doanh
2.	Ông Chiu Hsien Chih	Thành viên	Ngày bắt đầu là thành viên Ban Kiểm soát: 06/04/2016	Thạc sĩ Quản trị kinh doanh
4.	Bà Wang, Gwan-Fang	Thành viên	Ngày bắt đầu là thành viên Ban Kiểm soát: 17/04/2024	Cử nhân Quản trị kinh doanh

2. Cuộc họp của BKS:

STT	Thành viên BKS	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Tỷ lệ biểu quyết	Lý do không tham dự họp
1.	Ông Liew Sep Siang	03	100%	100%	-
2.	Ông Chiu Hsien Chih	03	100%	100%	-
3.	Bà Wang, Gwan-Fang	03	100%	100%	-

3. Hoạt động giám sát của BKS đối với HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và cổ đông:

Trong năm 2025, Ban Kiểm soát đã thực hiện các công việc trên tinh thần khách quan, độc lập, tuân thủ quy định pháp luật và quy định nội bộ của PHS. Hoạt động của Ban Kiểm soát bao gồm việc kiểm tra, giám sát và đánh giá việc điều hành, quản trị công ty của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc cũng như hoạt động của các phòng ban của PHS.

4. Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác:

Trong quá trình hoạt động, Ban Kiểm soát đã phối hợp với Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các khối, phòng ban để quá trình quản lý và các hoạt động kinh doanh diễn ra thuận lợi, có hiệu quả đồng thời tuân thủ pháp luật và những quy định nội bộ của PHS.

5. Hoạt động khác của BKS (nếu có):

Không còn hoạt động nào khác của Ban Kiểm soát để báo cáo.

IV. Ban Tổng Giám đốc

STT	Thành viên Ban Tổng Giám đốc	Ngày tháng năm sinh	Trình độ chuyên môn	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm thành viên Ban Tổng Giám đốc
1.	Ông Chen Chia Ken	14/10/1971	Thạc sĩ Quản trị kinh doanh	Ngày bổ nhiệm: 06/4/2016
2.	Bà Phạm Thị Thu Nhân	13/06/1984	Thạc sĩ Quản trị kinh doanh	Ngày bổ nhiệm: 06/4/2016

V. Kế toán trưởng

Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Trình độ chuyên môn nghiệp vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Bà Đỗ Thị Ái Vy	16/9/1986	Cử nhân	Ngày bổ nhiệm: 07/12/2018

VI. Đào tạo về quản trị công ty

Thành viên HĐQT, thành viên BKS, Ban Tổng Giám đốc, các cán bộ quản lý khác và Thư ký Công ty kiêm Người phụ trách quản trị công ty luôn cập nhật đầy đủ các vấn đề đào tạo về quản trị Công ty.

VII. Danh sách về người có liên quan của công ty đại chúng (năm 2025) và giao dịch của người có liên quan của công ty với chính Công ty

1. Danh sách về người có liên quan của công ty

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan	Thời điểm không còn là người có liên quan	Lý do	Mối quan hệ liên quan với công ty
1.	Ông Albert Kwang-Chin Ting		Chủ tịch Hội đồng Quản trị			06/04/2016	-	-	Người nội bộ

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan	Thời điểm không còn là người có liên quan	Lý do	Mối quan hệ liên quan với công ty
2.	Ông Nguyễn Đoàn Hùng	-	Thành viên Hội đồng Quản trị			06/04/2016	-	-	Người nội bộ
3.	Ông Wu, Jin-Jeng		Thành viên Hội đồng Quản trị			06/04/2016	-	-	Người nội bộ
4.	Ông Chen Chia Ken		Thành viên Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc kiêm Người đại diện theo pháp luật thứ hai			06/04/2016	-	-	Người nội bộ
5.	Bà Liu, Hsiu-Mei	-	Thành viên độc lập Hội			17/04/2019	17/4/2025	-	Người nội bộ

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan	Thời điểm không còn là người có liên quan	Lý do	Mối quan hệ liên quan với công ty
			đồng Quản trị						
6.	Bà Lin, Hsiu Chu	-	Thành viên độc lập Hội đồng Quản trị			17/4/2025	-	-	Người nội bộ
7.	Ông Liew Sep Siang		Trưởng Ban Kiểm soát			17/04/2019	-	-	Người nội bộ
8.	Ông Chiu Hsien Chih		Thành viên Ban Kiểm soát			06/04/2016	-	-	Người nội bộ
9.	Bà Wang, Gwan-Fang		Thành viên Ban Kiểm soát			17/04/2024	-	-	Người nội bộ
10.	Bà Phạm Thị Thu Nhân		Phó Tổng Giám Đốc			06/04/2016	-	-	Người nội bộ

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan	Thời điểm không còn là người có liên quan	Lý do	Mối quan hệ liên quan với công ty
11.	Bà Đỗ Thị Ái Vy		Kế toán trưởng			07/12/2018	-	-	Người nội bộ
12.	Bà Chiêu Nhã Thy		Người phụ trách quản trị công ty kiêm Thư ký công ty			07/05/2021	-	-	Người nội bộ
13.	Bà Nguyễn Thị Thu Anh		Phó phòng khối Quản lý rủi ro			21/05/2022	-	-	Người nội bộ
14.	Bà Bạch Thị Phương Thảo		Trưởng Ban Kiểm toán nội bộ			15/07/2022	07/10/2025	-	Người nội bộ

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan	Thời điểm không còn là người có liên quan	Lý do	Mối quan hệ liên quan với công ty
15.	Nguyễn Giắc Ly		Trưởng Ban Kiểm toán nội bộ			07/10/2025	-	-	Người nội bộ
16.	Ông Huang Kai Sheng		Phó Giám đốc Khối Tài chính			15/07/2022	-	-	Người nội bộ
17.	Phu Hung Far East Holding Corporation		-	1705717 - 04/04/2012 - British Virgin Islands	Portcullis Trustnet (BVI) Limited, Portcullis TrustNet Chambers P.O.Box 3444, Road Town, Tortola, British Virgin Islands	-	-	-	Cổ đông lớn
18.	An Thinh Development Limited		-	1873621 - 12/05/2015 - British Virgin Islands	Coastal Building, Wickhams Cay II, Road Town, Tortola, British Virgin Islands	-	-	-	Cổ đông lớn

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan	Thời điểm không còn là người có liên quan	Lý do	Mối quan hệ liên quan với công ty
19.	New Beam International INC		-	1909904 – 24/03/2016 – British Virgin Islands	Ground Floor, Coastal Building Wickhams Cay II, P O Box 3169, Road Town, Tortola, British Virgin Islands	-	-	-	Cổ đồng lớn

Ghi chú: số Giấy NSH*: số CMND/Hộ chiếu (đối với cá nhân) hoặc Số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức).

2. Giao dịch giữa công ty với người có liên quan của công ty; hoặc giữa công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ.

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Số NQ của ĐHĐCĐ/ HĐQT thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành)	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch	Ghi chú
-	-	-	-	-	-	-	-	-

Ghi chú: số Giấy NSH*: số CMND/ Hộ chiếu (đối với cá nhân) hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức).

3. Giao dịch giữa người nội bộ công ty, người có liên quan của người nội bộ với công ty con, công ty do công ty nắm quyền kiểm soát.

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Chức vụ tại CTNY	Số CMND/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ	Tên công ty con, công ty do CTNY nắm quyền kiểm soát	Thời điểm giao dịch	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch	Ghi chú
-	-	-	-	-	-	-	-	-	-

4. Giao dịch giữa công ty với các đối tượng khác

4.1. Giao dịch giữa công ty với công ty mà thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và người quản lý khác đã và đang là thành viên sáng lập hoặc thành viên HĐQT, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành trong thời gian ba (03) năm trở lại đây (tính tại thời điểm lập báo cáo): Không có.

4.2. Giao dịch giữa công ty với công ty mà người có liên quan của thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và người quản lý khác là thành viên HĐQT, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành: Không có.

4.3. Các giao dịch khác của công ty (nếu có) có thể mang lại lợi ích vật chất hoặc phi vật chất đối với thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và người quản lý khác: Không có.

VIII. Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và người liên quan của người nội bộ (năm 2025)

1. Danh sách người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ của công ty.

STT	Họ tên	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Số CMND/ Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ liên hệ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Ghi chú
1.	Ông Albert Kwang-Chin Ting		Chủ tịch Hội đồng Quản trị			-	-	-
1.1	Cha: Lawrence S. Ting	-	Đã mất	-	-	-	-	-

STT	Họ tên	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Số CMND/ Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ liên hệ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Ghi chú
1.2	Mẹ: Ting Fei Tsong-Ching	-	-			-	-	-
1.3	Vợ: Wong, I-Ting	-	-			-	-	-
1.4	Chị gái: Ting, Kwang I	-	-			-	-	-
1.5	Chị gái: Ting, Kwang-Yu	-	-			-	-	-
1.6	Em trai: Ting, Kwang Hung		-			-	-	-
1.7	Phu Hung Far East		Ông Albert Kwang-Chin Ting	1705717 - 04/04/2012 -	Portcullis Trustnet (BVI) Limited, Portcullis TrustNet	92.004.600	46,00%	-

STT	Họ tên	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Số CMND/ Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ liên hệ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Ghi chú
	Holding Corporation		là thành viên HĐQT	British Virgin Islands	Chambers P.O.Box 3444, Road Town, Tortola, British Virgin Islands			
1.8	New Beam International Inc	-	Ông Albert Kwang-Chin Ting là thành viên HĐQT	1909904 – 24/3/2016 – British Virgin Islands	Craigmuir Chambers, Road Town, Tortola, VG 1110, British Virgin Islands	41.676.745	20,84%	
1.9	Freshfields Capital Corporation		Ông Albert Kwang-Chin Ting là chủ tịch HĐQT	80690793 – 31/03/2004 – Đài Loan	18F., No.4, Sec. 1, Zhongxiao W. Rd., Zhongzheng Dist., Taipei City 100, Taiwan (R.O.C.)	1.290.486	0,65%	-
1.10	Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Phú Hưng		Ông Albert Kwang-Chin Ting là chủ tịch HĐQT	24/UBCK-GP – 28/12/2007 – Ủy ban Chứng khoán Nhà nước	Phòng số 4, Tầng 21, Tòa nhà Phú Mỹ Hưng, Số 8 Đường Hoàng Văn Thái, Phường Tân Phú, Quận 7, Tp.Hồ Chí Minh	-	-	-
2.	Ông Nguyễn Đoàn Hùng	-	Thành viên Hội đồng Quản trị			-	-	-

STT	Họ tên	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Số CMND/ Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ liên hệ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Ghi chú
2.1	Cha: Nguyễn Văn Trân	-	Đã mất	-	-	-	-	-
2.2	Mẹ: Phạm Thị Bắc	-	Nghỉ hưu			-	-	
2.3	Con gái: Nguyễn Phương Anh	-	-			-	-	-
2.4	Con trai: Nguyễn Hưng Nam	-	-			-	-	-
2.5	Con gái: Nguyễn Huyền Linh	-	-	-		-	-	Còn nhỏ
2.6	Chị gái: Nguyễn Nhị Hà	-	-			-	-	-
2.7	Chị gái: Nguyễn Thái Bình	-	-			-	-	-
2.8	Chị gái: Nguyễn Hồng Nga	-	-			-	-	-
2.9	Chị gái: Nguyễn Hồng Việt	-	-			-	-	-



STT	Họ tên	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Số CMND/ Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ liên hệ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Ghi chú
2.10	Em trai: Nguyễn Hùng Mạnh		-			258.177	0,13%	-
2.11	Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan	-	Ông Nguyễn Đoàn Hùng là thành viên HĐQT	0303576603 - 18/11/2004 - Sở kế hoạch và đầu tư	23 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, Quận 1, TP. HCM	-	-	
3.	Ông Wu, Jin-Jeng		Thành viên Hội đồng Quản trị			-	-	-
3.1	Công Ty TNHH Tư Vấn Đầu Tư Vũ Thái		Ông Wu, Jin-Jeng là Thành viên HĐQT	0102340904 - 13/09/2017 - Sở Kế hoạch và Đầu tư	Tầng 14, Tòa nhà Cornerstone, Số 16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội	7.473.415	3,74%	-
3.2	Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Phú Hưng		Ông Wu, Jin-Jeng là Thành viên HĐQT	24/UBCK-GP - 28/12/2007 - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước	Phòng số 4, Tầng 21, Tòa nhà Phú Mỹ Hưng, số 08 đường Hoàng Văn Thái, phường Tân Phú, Quận 7, TP.HCM	-	-	

STT	Họ tên	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Số CMND/ Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ liên hệ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Ghi chú
4.	Ông Chen Chia Ken		Thành viên Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc kiêm Người đại diện theo pháp luật thứ hai			-	-	-
4.1	Cha: Chen Yi Fan	-	Đã mất	-	-	-	-	-
4.2	Mẹ: Tsai Pi Chin	-	-			-	-	-
4.3	Vợ: Wang Tzu	-	-			-	-	-
4.4	Con trai: Chen Hsiu Te	-	-			-	-	-

STT	Họ tên	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Số CMND/ Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ liên hệ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Ghi chú
4.5	Con gái: Chen Hsiu Yi	-	-			-	-	-
5.	Bà Lin, Hsiu-Chu	-	Thành viên độc lập Hội đồng Quản trị			-	-	Ngày bắt đầu là thành viên độc lập HĐQT: 17/04/2025
5.1	Mẹ: Lin Guo Laifu	-				-	-	-
5.2	Ba: Lin Min Gjie	-				-	-	-
5.3	Con trai: Chen Yu Fu	-				-	-	-
6.	Bà Liu, Hsiu-Mei	-	Thành viên độc lập Hội đồng Quản trị			-		Ngày không còn là thành viên độc lập HĐQT: 17/04/2025
6.1	Cha: Liu, Guo-Cheng	-	-			-		
6.2	Mẹ: Chen, Yue-E	-	-			-		

STT	Họ tên	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Số CMND/ Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ liên hệ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Ghi chú
6.3	Chồng: Chiu, Yi-Hung	-	-			-		
6.4	Con gái: Chiu, Chen-Yu	-	-	-		-		Còn nhỏ
6.5	Con trai: Chiu, Chen-Kai	-	-	-		-		Còn nhỏ
6.6	Con trai: Chiu, Chen En	-	-	-		-		Còn nhỏ
7.	Ông Liew Sep Siang		Trưởng Ban Kiểm Soát			-	-	-
7.1	Cha: Liew Ee Khong	-	-	-	-	-	-	Đã mất
7.2	Mẹ: Lee Yeak Leak	-	-			-	-	-
7.3	Anh: Liew Sep Leng	-	-			-	-	-
7.4	Chị: Liew Chin Hui	-	-			-	-	-

STT	Họ tên	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Số CMND/ Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ liên hệ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Ghi chú
7.5	Anh: Liew Sep Yong	-	-			-	-	-
7.6	Vợ: Chu Zi Yan	-	-			-	-	-
7.7	Công ty Cổ phần Bảo hiểm Phú Hưng		Phó Tổng Giám đốc	41/GP-KDBH – 12/12/2006 – Bộ Tài chính	Tầng 22, Tòa nhà Phú Mỹ Hưng, 08 Hoàng Văn Thái, Phường Tân Phú, Quận 7, TP.Hồ Chí Minh	-	-	-
7.8	Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Phú Hưng		Trưởng Ban kiểm soát	24/UBCK-GP – 28/12/2007 – Ủy ban Chứng khoán Nhà nước	Phòng số 4, Tầng 21, Tòa nhà Phú Mỹ Hưng, số 08 đường Hoàng Văn Thái, phường Tân Phú, Quận 7, TP.HCM	-	-	-
8.	Ông Chiu Hsien Chih		Thành viên Ban kiểm soát			-	-	-
8.1	Cha: Chiu Chuei Chun	-	Đã mất	-	-	-	-	-
8.2	Mẹ: Syu Yue Ye	-	Đã mất	-	-	-	-	-

STT	Họ tên	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Số CMND/ Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ liên hệ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Ghi chú
8.3	Vợ: Lin Ching Yi	-	-			-	-	-
8.4	Chị gái: Chiu Li Chiu	-	-			-	-	-
8.5	Chị gái: Chiu Li Ying	-	-			-	-	-
8.6	Chị gái: Chiu, Hsueh-O	-	-			-	-	-
9.	Bà Wang, Gwan-Fang		Thành viên Ban Kiểm soát			-	-	-
9.1	Ba: Wang, Pai-Fu	-	-			-	-	-
9.2	Mẹ: Yeh, Mei-Yu	-	-			-	-	-

STT	Họ tên	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Số CMND/ Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ liên hệ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Ghi chú
9.3	Công Ty TNHH Truyền Thông Thế Sáng		Giám đốc	0311068000 – 15/08/2011 – Sở KH và ĐT TP HCM	Tầng 22, Tòa nhà Phú Mỹ Hưng, Số 08 Đường Hoàng Văn Thái, Phường Tân Phú, Quận 7, TP Hồ Chí Minh	-	-	-
9.4	Công ty Cổ phần Đầu tư Nhân hiệu Việt	-	Thành viên độc lập HĐQT	0312080709 – 10/12/2012 – Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Tài chính TP. Hồ Chí Minh	Tầng 4, Tòa nhà Crescent Residence 3, số 109 Tôn Dật Tiên, Phường Tân Mỹ, TP. Hồ Chí Minh.	-	-	-
10.	Bà Phạm Thị Thu Nhân		Phó Tổng Giám đốc			-	-	-
10.1	Cha: Phạm Ngọc Hồ	-	-			-	-	-
10.2	Mẹ: Phạm Thị Hơ	-	-			-	-	-
10.3	Con gái: Nguyễn	-	-			-	-	-

STT	Họ tên	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Số CMND/ Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ liên hệ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Ghi chú
	Phạm An Nhiên							
10.4	Em trai: Phạm Ngọc Tĩnh		-			-	-	-
10.5	Em gái: Phạm Thị Cẩm Xuyên		-			-	-	-
11.	Bà Đỗ Thị Ái Vy		Kế toán trưởng			-	-	-
11.1	Cha: Đỗ Gia Văn	-	-			-	-	-
11.2	Mẹ: Nguyễn Thị Tuyết	-	-			-	-	-
11.3	Chồng: Phạm Đức Vũ	-	-			-	-	-

STT	Họ tên	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Số CMND/ Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ liên hệ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Ghi chú
11.4	Con trai: Phạm Gia Khiêm	-	-	-	-	-	-	Còn nhỏ
11.5	Con gái: Phạm Bảo Châu	-	-	-	-	-	-	Còn nhỏ
11.6	Chị gái: Đỗ Thị Ly Ly	-	-	-	-	-	-	-
11.7	Em gái: Đỗ Thị Uyên My	-	-	-	-	-	-	-
11.8	Em trai: Đỗ Gia Bảo	-	-	-	-	-	-	-
12.	Bà Chiêu Nhã Thy	-	Người phụ trách quản trị công ty	-	-	-	-	-

STT	Họ tên	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Số CMND/ Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ liên hệ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Ghi chú
			kiêm Thư ký Công ty					
12.1	Cha: Chiêu Đức Nghĩa	-	-			-	-	-
12.2	Mẹ: Lương Ngọc Mai	-	-			-	-	-
12.3	Em trai: Chiêu Đức Tâm	-	-			-	-	-
12.4	Em gái: Chiêu Bội Thy	-	-			-	-	-
13.	Bà Nguyễn Thị Thu Anh		Phó phòng Quản lý rủi ro			107	0,000053%	

STT	Họ tên	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Số CMND/ Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ liên hệ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Ghi chú
13.1	Cha: Nguyễn Ngọc Dũng		-			-	-	-
13.2	Mẹ: Hồ Thị Thu Vân		-			-	-	-
13.3	Anh trai: Nguyễn Ngọc Anh		-			-	-	-
13.4	Em trai: Nguyễn Tuấn Anh		-			-	-	-
14.	Bà Bạch Thị Phương Thảo		Trưởng Ban Kiểm toán nội bộ			-	-	Ngày không còn là Trưởng Ban kiểm toán nội

STT	Họ tên	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Số CMND/ Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ liên hệ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Ghi chú
								bộ: 07/10/2025
14.1	Cha: Bạch Quang Vinh	-	-			-	-	-
14.2	Mẹ: Đình Thị Ngọc Hạnh	-	-			-	-	-
14.3	Em trai: Bạch Chí Cường	-	-			-	-	-
14.4	Con trai: Nguyễn Phúc Hoàng	-	-	-		-	-	Còn nhỏ
15.	Nguyễn Giác Ly		Trưởng Ban kiểm toán nội bộ			-	-	Ngày bắt đầu là Trưởng Ban kiểm toán nội bộ: 07/10/2025

STT	Họ tên	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Số CMND/ Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ liên hệ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Ghi chú
15.1	Cha: Nguyễn Xuân Phong	-	Đã mất	-	-	-	-	-
15.2	Mẹ: Thái Thị Thu Dung		-			-	-	-
15.3	Chồng: Vũ Trần Đức Hải		-					
15.4	Em gái: Nguyễn Thảo Thanh	-	-					
15.5	Con trai: Vũ Trần Khả Minh	-	-					
15.6	Con trai: Vũ Thái Lâm Khang	-	-					

STT	Họ tên	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Số CMND/ Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ liên hệ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Ghi chú
16.	Ông Huang Kai Sheng		Phó Giám đốc Khối Tài chính			-	-	-
16.1	Cha: Huang, Jeng-Her	-	-			-	-	-
16.2	Mẹ: Wu, Chen-Chen	-	-			-	-	-
16.3	Vợ: Chiang, Chu-Yun	-	-			-	-	-
16.4	Con trai: Huang, Ping-Chieh	-	-			-	-	-



2. Giao dịch của người nội bộ và người có liên quan đối với cổ phiếu của công ty

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
01	Công ty Cổ phần Bảo hiểm Phú Hưng	Tổ chức liên quan của người nội bộ - ông Liew Sep Siang	3.136.847	1,57%	0	0	Bán

IX. Các vấn đề cần lưu ý khác: Không.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: BTKCT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Albert Kwang-Chin Ting

TỜ TRÌNH

Thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2025

**Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN
CTCP CHỨNG KHOÁN PHÚ HƯNG**

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 06 năm 2020;
- Căn cứ Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động hiện hành của CTCP Chứng khoán Phú Hưng;
- Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH KPMG.

Hội đồng Quản trị ("HĐQT") Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng ("PHS") kính trình Đại hội đồng Cổ đông thường niên ("ĐHĐCĐ") thông qua **Phương án phân phối lợi nhuận năm 2025** như sau:

Lợi nhuận sau thuế năm 2025	93.320.352.400 VND
Lợi nhuận chưa phân phối tại 31/12/2025	128.255.227.108 VND
Trả cổ tức năm 2025 bằng tiền: 3% mệnh giá (Không bao gồm cổ phiếu quỹ)	60.002.798.700 VND

Trình ĐHĐCĐ thường niên thông qua ủy quyền cho HĐQT để xác định thời điểm và tiến hành thủ tục trả cổ tức theo quy định.

Kính trình Đại hội xem xét và thông qua.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Ông ALBERT KWANG-CHIN TING

TỜ TRÌNH

V/v: Định hướng phát triển Công ty trong năm 2026

**Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHÚ HƯNG**

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động hiện hành của CTCP Chứng khoán Phú Hưng;

Hội đồng Quản trị kính trình Đại hội **Kế hoạch phát triển Công ty năm 2026** như sau:

Kế hoạch phát triển của Công ty năm 2026 sẽ ưu tiên phát triển theo hướng bền vững với việc cân bằng hợp lý giữa lợi nhuận và rủi ro.

1. Môi giới

Năm 2025 là một năm với nhiều cột mốc đáng nhớ của thị trường chứng khoán Việt Nam. Vào ngày 05/05/2025, hệ thống giao dịch chứng khoán KRX đã được đưa vào vận hành chính thức để phục vụ tốt hơn cho các nhà đầu tư, các doanh nghiệp niêm yết và hướng tới mục tiêu nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam. Hệ thống KRX đã vận hành ổn định và giúp cho thanh khoản của thị trường đạt mức kỷ lục với HSX hơn 78 nghìn tỷ đồng và toàn thị trường đạt gần 86 nghìn tỷ vào ngày 05/08/2025. Đến tháng 10/2025, FTSE Russell thông báo nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam từ nhóm cận biên lên thị trường mới nổi thứ cấp và có hiệu lực từ tháng 09/2026. Đây là cơ sở để thu hút dòng vốn ngoại quy mô lớn đổ vào Việt Nam. Nổi tiếp những câu chuyện tích cực trên thị trường, chỉ số VN-Index đã tạo đỉnh mới khi đóng cửa tại mức 1.766,85 điểm, tăng hơn 39% so với cuối năm 2024. Đồng thời, đến hết tháng 12/2025, giá trị giao dịch của toàn thị trường chứng khoán Việt Nam đã tăng hơn 41% so với cả năm 2024. Đặc biệt trong quý 3/2025, giá trị giao dịch đã bùng nổ khi tăng đến hơn 140% so với cùng kỳ năm trước.

Cùng với bối cảnh thuận lợi của thị trường chung và sự nỗ lực của tập thể nhân viên PHS, thành tích kinh doanh của Công ty trong năm 2025 đã có nhiều chuyển biến tích cực. Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán đạt gần 184 tỷ đồng, doanh thu nghiệp vụ cho vay đạt hơn 337 tỷ đồng, lần lượt cao hơn 26% và 21% so với năm trước. Tổng doanh thu hoạt động của PHS đạt 619 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế đạt 116,7 tỷ đồng, cao hơn 28% và 341 lần so với năm 2024.

Suốt năm 2025, PHS đã liên tục triển khai chính sách ưu đãi toàn diện cho cả khách hàng hiện hữu lẫn khách hàng mới, ví dụ như: giảm phí giao dịch cổ phiếu, phái sinh, ưu đãi lãi suất margin hấp dẫn, v.v. Những chương trình này không chỉ góp phần gia tăng khối lượng giao dịch mà còn tạo hiệu ứng truyền thông tích cực, giúp mở rộng tệp khách hàng. Với định hướng tập trung vào phân khúc nhà đầu tư chuyên nghiệp và đòi hỏi cao về công nghệ, PHS đã chính thức đưa vào vận hành nền tảng PHS Elite XPro từ đầu tháng 8/2025, với các điểm nổi bật: giao diện thân thiện, hiện đại, tốc độ xử lý và đặt lệnh mượt mà, hệ



thống bảo mật nhiều lớp, đảm bảo an toàn tài khoản, tích hợp công cụ phân tích nâng cao. Đến tháng 10/2025, PHS đã hoàn tất triển khai tính năng phân phối chứng chỉ quỹ mở trực tiếp trên mobile app, giúp nhà đầu tư dễ dàng mua bán và so sánh giữa nhiều quỹ mà không cần đến từng công ty quản lý quỹ. Đây là một bước đi chiến lược trong việc xây dựng hệ sinh thái đầu tư số hóa toàn diện. Với những nền tảng tích cực đã đạt được trong năm 2025 và hướng tới 2026, PHS đang từng bước xây dựng và mở rộng hệ sinh thái sản phẩm đầu tư hiện đại, hướng tới: tích hợp thêm các sản phẩm quỹ mở, chứng quyền, đầu tư định kỳ (DCA), phát triển các công cụ giao dịch AI, đa dạng hóa trải nghiệm đầu tư trên cùng một nền tảng mobile app.

2. Tư vấn và Bảo lãnh phát hành

Giai đoạn 2026 – 2030 được dự báo sẽ chứng kiến quá trình hội nhập sâu rộng hơn, khung pháp lý tiệm cận chuẩn mực quốc tế, cùng dòng vốn tổ chức gia tăng mạnh mẽ. Thị trường dự kiến tiếp tục ưu tiên các doanh nghiệp có nền tảng vững chắc và quản trị minh bạch, trong khi hoạt động M&A và tài chính doanh nghiệp sẽ tăng tốc nhờ tái cấu trúc, mở rộng ra nước ngoài và các chu kỳ thoái vốn các Quỹ Đầu tư tư nhân (PE) thông qua IPO. Để đón đầu chu kỳ này, khối Tư vấn sẽ đẩy mạnh hợp tác liên phòng ban và củng cố năng lực triển khai nội bộ, tập trung vào ba trụ cột chiến lược:

- ECM: phát hành riêng lẻ/ra công chúng, chuẩn bị tiền IPO và xây dựng lộ trình IPO phù hợp cho từng doanh nghiệp.
- M&A: kết nối doanh nghiệp Việt Nam với nhà đầu tư chiến lược, đặc biệt từ Đài Loan, Nhật Bản và các thị trường trong khu vực.
- Quản trị doanh nghiệp: nâng cao hệ thống quản trị, quản lý cổ đông và kiểm soát rủi ro phù hợp với kỳ vọng của nhà đầu tư.

Các sáng kiến hành động trọng tâm gồm: theo dõi nhóm doanh nghiệp có khả năng IPO trong 1 – 3 năm, hỗ trợ chuẩn bị hồ sơ và kế hoạch huy động vốn; mở rộng phát triển khách hàng mới trong các ngành thu hút sự quan tâm mạnh mẽ của nhà đầu tư; tăng cường tiếp cận các doanh nghiệp niêm yết nhằm khai thác nhu cầu phát hành bổ sung và giao dịch thỏa thuận; mở rộng mạng lưới nhà đầu tư chiến lược trong và ngoài nước; theo dõi nhu cầu M&A của các tập đoàn lớn và danh mục thoái vốn của các quỹ PE để tận dụng cơ hội tư vấn.

3. Tự doanh

Cùng với đà hồi phục của VN-Index, khối Tự doanh tập trung tìm kiếm cơ hội đầu tư vào những ngành dẫn đầu có nền tảng tăng trưởng vững chắc, triển vọng lợi nhuận tích cực và câu chuyện tăng trưởng dài hạn. Trong năm 2025, danh mục của chúng tôi ghi nhận mức lợi nhuận 8,5%, phản ánh chiến lược đầu tư luôn tuân thủ quản trị rủi ro và liên tục cải thiện hiệu quả đầu tư.

Thị trường chứng khoán Việt Nam tiếp tục nổi bật như một kênh đầu tư hấp dẫn, được hỗ trợ bởi các chính sách thúc đẩy tăng trưởng và những cải cách đang được triển khai nhằm hướng đến phát triển bền vững. Đồng thời, Việt Nam đang tích cực theo đuổi mục tiêu nâng hạng thị trường từ cận biên lên mới nổi, một cột mốc quan trọng có thể giúp thu hút mạnh mẽ dòng vốn đầu tư quốc tế. Việc từng bước tháo gỡ các vướng mắc hiện hữu, kết hợp với sức hút ngày càng lớn từ các tổ chức nước ngoài, củng cố niềm tin của chúng tôi rằng chứng khoán Việt Nam vẫn còn nhiều dư địa tăng trưởng mạnh trong năm 2026.

Nhằm nắm bắt những cơ hội này, chúng tôi chuẩn bị tăng cường hoạt động đầu tư, sẵn sàng cho giai đoạn bứt phá tiếp theo của thị trường. Chiến lược đầu tư của chúng tôi kết hợp giữa tái cơ cấu danh mục chủ động trước các nhịp tăng kỳ vọng và đa dạng hóa hợp lý giữa các nhóm tài sản, nhằm giảm biến động ngắn hạn và củng cố mức lợi nhuận bền vững của danh mục.

Thông qua việc phối hợp chặt chẽ với đội ngũ phân tích và theo dõi liên tục các yếu tố cơ bản cũng như kỹ thuật, khối Tự doanh sẽ nắm bắt kịp thời cơ hội trên thị trường thông qua phân tích cơ bản, kỹ thuật, cũng như quản trị rủi ro thận trọng. Chúng tôi tin rằng chiến lược đầu tư cân bằng, chủ động và định hướng tương lai sẽ giúp duy trì danh mục đa dạng với hiệu quả đầu tư tốt hơn, bền vững hơn trong năm 2026.

4. Chứng quyền

Trong giai đoạn 2024 – 2025, thị trường chứng quyền có bảo đảm ghi nhận đà tăng trưởng mạnh mẽ, với số lượng chứng quyền niêm yết tăng đến 416 mã (tăng 372% so với cùng kỳ), giá trị giao dịch lên đến 130,86 tỷ đồng (tăng 201,26% so với cùng kỳ). Đặc biệt, khối lượng chứng quyền đang lưu hành đạt mức cao kỷ lục trong lịch sử, được hỗ trợ bởi môi trường pháp lý ngày càng thông thoáng và hiệu quả hơn. Trong bối cảnh thuận lợi này, PHS đã tận dụng hiệu quả cơ hội thị trường; việc phát hành 19 mã chứng quyền trong tháng 8 đã và đang đóng góp tích cực vào kết quả lợi nhuận của khối, qua đó khẳng định tính đúng đắn của chiến lược hiện tại cũng như mức độ sẵn sàng về năng lực vận hành.

Trên cơ sở đà tăng trưởng đó, mục tiêu trọng tâm của PHS trong năm 2026 là mở rộng mạnh mẽ hiện diện trên thị trường. Công ty định hướng gia tăng một cách có hệ thống quy mô chứng quyền lưu hành theo từng quý, hướng tới danh mục dài hạn gồm 100 mã chứng quyền đang hoạt động trên thị trường. Chiến lược mở rộng này nhằm chiếm lĩnh thị phần đáng kể, đáp ứng nhu cầu ngày càng gia tăng của nhà đầu tư, đồng thời bảo đảm tăng trưởng doanh thu bền vững cho khối.

Để hỗ trợ quá trình mở rộng quy mô và kiểm soát rủi ro hiệu quả, PHS sẽ khai thác các mô-đun giao dịch vừa hoàn tất (hệ thống tạo lập thị trường chứng quyền và hệ thống phòng ngừa rủi ro tự động). Trọng tâm kỹ thuật của năm tới là nâng cao nghiêm ngặt hiệu suất giao dịch thông qua việc giảm độ trễ hệ thống và tối ưu hóa hiệu quả của các hệ thống phòng ngừa rủi ro tự động. Các cải tiến này sẽ cho phép PHS vận hành hoạt động giao dịch tốc độ cao, đa dạng hóa trên các thị trường ETF và phái sinh, qua đó bảo đảm các mục tiêu tăng trưởng mạnh mẽ được thực hiện trong khuôn khổ rủi ro có thể đo lường và kiểm soát.

5. Marketing

Năm 2026 là cột mốc đặc biệt quan trọng với PHS, đánh dấu 20 năm hành trình xây dựng và phát triển. Trên nền tảng tăng trưởng của năm 2025 và định hướng chiến lược chung của Công ty, bộ phận Marketing xác định năm 2026 là giai đoạn củng cố thương hiệu, mở rộng tệp khách hàng, và tối ưu hóa vận hành bằng công nghệ. Toàn bộ kế hoạch được xây dựng theo hướng tập trung, linh hoạt và ứng dụng mạnh mẽ đổi mới sáng tạo.

- Về hoạt động quảng bá thương hiệu: 2026 được định vị là năm bản lề để củng cố hình ảnh PHS trong cộng đồng nhà đầu tư. Hoạt động thúc đẩy thương hiệu không chỉ tập trung vào việc ghi nhận các cột mốc trong quá trình xây dựng và phát triển, mà còn là cơ hội để xây dựng, quảng bá một Chứng khoán Phú Hưng năng động, tươi mới, luôn luôn vận động và bắt kịp với dòng chảy của thị trường.
- Mở rộng tệp khách hàng: bên cạnh việc thúc đẩy thương hiệu, PHS tiếp tục xem khách hàng là trung tâm, duy trì trọng tâm kép: mở rộng khách hàng mới và gia tăng giá trị từ khách hàng hiện tại. Việc tạo động lực thu hút khách hàng mới được thông qua các chương trình ưu đãi cạnh tranh, được chuẩn hóa theo từng phân khúc nhà đầu tư. Bên cạnh đó, PHS sẽ tăng cường hoạt động chăm sóc và tri ân khách hàng, đặc biệt trong năm kỷ niệm 20 năm nhằm nâng cao sự gắn kết và tri ân với các khách hàng lâu năm đã đồng hành.
- Chiến lược công nghệ & AI: công nghệ và AI sẽ đóng vai trò trung tâm trong việc chuyển đổi cách thức Marketing vận hành. Mục tiêu là hướng tới mô hình Marketing

tập trung vào dữ liệu và tự động hóa, từ đó sẽ giúp tối ưu chi phí vận hành và nguồn lực con người. Việc ứng dụng công nghệ vào các sản phẩm mới còn giúp tối ưu hóa hành trình người dùng, cải thiện trải nghiệm trong quá trình mở tài khoản, giao dịch và tương tác dịch vụ.

Hòa chung không khí sôi động của thị trường khi vừa được nâng hạng, năm 2026 hứa hẹn là sẽ một năm bùng nổ với nhiều ý tưởng và chiến dịch mới tại PHS, đón chào một tuổi 20 thật năng động và đầy ý nghĩa.

6. Quản lý rủi ro

Năm 2025, thị trường chứng khoán Việt Nam ghi nhận sự phục hồi mạnh mẽ, mặc dù vẫn xuất hiện một số nhịp điều chỉnh ngắn hạn. Động lực tăng trưởng đến từ chính sách điều hành linh hoạt của Chính phủ, các gói hỗ trợ kinh tế, môi trường kinh doanh tiếp tục được cải thiện, cùng với kỳ vọng về việc nâng hạng thị trường. Tuy vậy, thị trường vẫn đối mặt với nhiều rủi ro tiềm ẩn, bao gồm biến động tỷ giá, tác động từ chính sách tiền tệ toàn cầu và áp lực bán rông của nhà đầu tư nước ngoài.

Trước bối cảnh đó, PHS đã chủ động triển khai các biện pháp quản trị rủi ro linh hoạt, bao gồm điều chỉnh tỷ lệ force-sell, kiểm soát giá và tỷ lệ cho vay ký quỹ, đồng thời tái cơ cấu danh mục ký quỹ theo hướng ưu tiên các cổ phiếu có vốn hóa lớn, nền tảng tài chính vững chắc và nhóm khách hàng có độ tín nhiệm cao. Nhờ các biện pháp này, trong nhiều năm gần đây, PHS không phát sinh nợ xấu mới. Đồng thời, sự phối hợp chặt chẽ giữa Khối Quản lý Rủi ro và Khối Phân tích đã góp phần nâng cao hiệu quả thẩm định danh mục ký quỹ.

Hiệu quả công tác quản trị rủi ro tiếp tục được tăng cường thông qua việc ứng dụng các công cụ phân tích dữ liệu, mô hình định giá và các giải pháp AI, qua đó tự động hóa quy trình thu thập, xử lý dữ liệu, đồng thời nâng cao chất lượng báo cáo phục vụ Hội đồng Quản lý Rủi ro.

Bước sang năm 2026, thị trường được kỳ vọng tiếp tục tăng trưởng dựa trên nền tảng kinh tế vĩ mô ổn định, tiến trình cải cách cấu trúc thị trường và đặc biệt là việc FTSE chính thức nâng hạng Việt Nam lên thị trường mới nổi. Trên cơ sở đó, Khối Quản lý Rủi ro sẽ tiếp tục hoàn thiện chính sách theo hướng gia tăng tỷ trọng các cổ phiếu có nền tảng cơ bản mạnh trong danh mục ký quỹ, cải thiện quy trình thẩm định chứng khoán ký quỹ và siết chặt công tác đánh giá tín nhiệm khách hàng.

Đối với mảng phái sinh, sau hơn 5 năm vận hành với quy mô khách hàng tăng trưởng ổn định, PHS vẫn còn nhiều dư địa để mở rộng trong năm 2026. Việc phát triển thêm các sản phẩm mới, như hợp đồng tương lai VN100, đặt ra yêu cầu ngày càng cao đối với công tác quản trị rủi ro thị trường, rủi ro đòn bẩy, ký quỹ, pháp lý, thanh khoản và hệ thống; đồng thời đòi hỏi xây dựng bộ tiêu chí kiểm soát rủi ro theo thời gian thực.

Trong năm 2026, Khối Quản lý Rủi ro sẽ tiếp tục tăng cường phối hợp chặt chẽ với Khối Phân tích và Khối Công nghệ Thông tin, đẩy mạnh ứng dụng các công cụ phân tích dữ liệu, đồng thời xây dựng danh mục ký quỹ đa dạng hơn với tỷ lệ cho vay phù hợp, nhằm hỗ trợ hoạt động kinh doanh an toàn và nâng cao năng lực cạnh tranh.

Tổng thể, chính sách quản trị rủi ro của PHS phải bảo đảm tính độc lập, linh hoạt, đồng bộ và hiệu quả, đồng thời đóng vai trò là trụ cột hỗ trợ cho mục tiêu tăng trưởng bền vững, qua đó từng bước củng cố và nâng cao vị thế của PHS trên thị trường.

7. Công nghệ Thông tin

Năm 2025, PHS đã tập trung nâng cấp, chuyển đổi hệ thống giao dịch công ty đảm bảo kết nối thông suốt, hoạt động ổn định và an toàn tuyệt đối với hệ thống KRX ngay từ thời điểm vận hành. Công ty tiếp tục đẩy mạnh chiến lược chuyển đổi số, tập trung đầu tư mở rộng hệ sinh thái và tối ưu hóa trải nghiệm người dùng (UI/UX) trên các nền tảng trực

tuyến. Đồng thời, PHS đang nghiên cứu tích hợp sâu rộng công nghệ AI và Big Data vào quy trình vận hành.

PHS đã triển khai thành công nền tảng Web-trading Xpro với tốc độ xử lý vượt trội, tích hợp các công cụ biểu đồ mạnh mẽ hỗ trợ nhà đầu tư phân tích xu hướng thị trường ngay trong phiên giao dịch. Ứng dụng PHS Elite Mobile App liên tục được cải tiến UI/UX, hướng tới mô hình "Super App". PHS đã tích hợp hàng loạt tiện ích trực tuyến như mở Margin, đăng ký quyền mua, xác nhận lệnh online và nạp tiền định danh nhanh chóng qua liên kết ngân hàng. Đặc biệt, tính năng mua/bán chứng chỉ quỹ trực tiếp trên ứng dụng giúp hoàn thiện trải nghiệm quản lý tài chính toàn diện cho khách hàng. Công ty cũng tập trung phát triển mạnh các công cụ đặt lệnh tự động và giao dịch theo thuật toán (Algorithmic Trading).

PHS tiên phong ứng dụng công nghệ AI và tích hợp nền tảng tự động hóa quy trình vào các hoạt động nghiệp vụ của khối văn phòng. Điều này giúp nâng cao hiệu suất làm việc, giảm thiểu sai sót con người và tiết kiệm chi phí vận hành đáng kể.

Năm 2026, PHS xác định chiến lược đầu tư trọng điểm vào hạ tầng công nghệ core chứng khoán, xây dựng hệ thống bảo mật đa lớp và triển khai hệ thống quản lý lệnh (OMS) mới sử dụng công nghệ Oracle tiên tiến, nhằm nâng cao tốc độ xử lý giao dịch trực tuyến, sẵn sàng cho cơ chế Giao dịch trong ngày (T+0) và các sản phẩm phái sinh phức tạp của hệ thống KRX.

Công ty đẩy mạnh ứng dụng AI sâu rộng, phát triển các "AI Agent" để tạo ra các trải nghiệm đầu tư thông minh, cá nhân hóa cho khách hàng, hỗ trợ nhân viên nội bộ tăng năng suất lao động. Đồng thời, PHS sẽ tiếp tục mở rộng hệ sinh thái, tập trung phát triển các nền tảng giao dịch Web-trading Xpro và PHS Elite mobile app không chỉ là ứng dụng giao dịch chứng khoán mà còn là nền tảng quản lý tài chính tổng hợp, hỗ trợ khách hàng quản lý toàn bộ gia sản của mình một cách hiệu quả nhất.

8. Quản lý Nhân sự

Năm 2026, thị trường tài chính chứng khoán tiếp tục trải qua những biến đổi sâu rộng dưới tác động của việc nâng cấp hạ tầng, tăng cường giám sát pháp lý, yêu cầu ngày càng cao về chất lượng dịch vụ, cũng như áp lực cạnh tranh gia tăng từ các công ty chứng khoán có vốn đầu tư nước ngoài. Sự phát triển nhanh chóng của công nghệ, các yêu cầu tuân thủ ngày càng nghiêm ngặt và quá trình chuyển đổi số được đẩy mạnh trong toàn ngành tài chính đặt ra yêu cầu cấp thiết đối với PHS trong việc xây dựng đội ngũ nhân sự có năng lực cao, khả năng thích ứng linh hoạt và sẵn sàng cho tương lai.

Khối Nhân sự đặt mục tiêu bảo đảm đủ nguồn nhân lực về số lượng và chất lượng nhằm phục vụ cho chiến lược mở rộng hoạt động kinh doanh, đồng thời hoàn thiện hệ thống quản trị nhân sự theo hướng minh bạch, chuẩn hóa, tuân thủ, linh hoạt và tích hợp toàn diện với công nghệ và AI.

Để hiện thực hóa các mục tiêu này, khối Nhân sự tập trung vào bảy nhóm định hướng chiến lược trọng tâm, bao quát toàn diện các khía cạnh phát triển nguồn nhân lực và hiện đại hóa công tác quản trị nhân sự, cụ thể như sau:

- Tăng cường phát triển năng lực thông qua việc chuẩn hóa khung năng lực áp dụng trên toàn công ty và nâng cao mức độ sẵn sàng của lực lượng lao động đối với các dự án fintech và chuyển đổi số.
- Nâng cấp hệ thống quản trị hiệu quả công việc thông qua việc triển khai mô hình tích hợp KPI – OKR và tự động hóa quy trình đánh giá, nhằm gia tăng tính minh bạch và nhấn mạnh hiệu quả thực chất gắn với chế độ đãi ngộ và lộ trình phát triển nghề nghiệp.
- Thành lập Học viện Phát triển PHS (PHS Development Academy) nhằm tập trung hóa hoạt động đào tạo và phát triển nhân tài, đồng thời mở rộng các chương trình e-learning và micro-learning để nâng cao khả năng tiếp cận.

- Củng cố công tác quản lý nhân tài và phát triển đội ngũ kế thừa thông qua việc hoàn thiện chiến lược tuyển dụng cho các vị trí then chốt, xây dựng lộ trình kế nhiệm bài bản, và ứng dụng AI trong sàng lọc hồ sơ, đánh giá năng lực cũng như dự báo rủi ro biến động nhân sự.
- Tăng cường chính sách tiền lương và phúc lợi thông qua việc đối sánh thị trường, hoàn thiện cơ chế thưởng biến động gắn với kết quả kinh doanh, và tối ưu hóa hệ thống phúc lợi nhằm giữ chân nhân sự trọng yếu.
- Lồng ghép các nguyên tắc ESG trong hoạt động tuyển dụng, đào tạo và đánh giá nhân sự; đồng thời xây dựng văn hóa doanh nghiệp dựa trên các giá trị Minh bạch – Chuyên nghiệp – Công nghệ – Lấy khách hàng làm trung tâm, hướng tới môi trường làm việc hấp dẫn đối với lực lượng lao động trẻ.
- Thúc đẩy mạnh mẽ quá trình chuyển đổi số trong lĩnh vực nhân sự thông qua việc triển khai hợp đồng điện tử, hồ sơ điện tử, tự động hóa các quy trình tuyển dụng, hội nhập và đánh giá hiệu quả công việc, đồng thời ứng dụng phân tích dữ liệu và bảng điều khiển thời gian thực dựa trên AI để hỗ trợ công tác ra quyết định của cấp quản lý.

9. Tóm tắt Dự toán ngân sách năm 2026

Chỉ tiêu	Dự toán ngân sách năm 2026 (VNĐ)
Tổng Doanh thu	790.568.748.955
Tổng Chi phí	614.392.580.559
Lãi (lỗ) trước thuế	176.176.168.396
Lãi (lỗ) sau thuế	140.311.509.048
Thị phần	0,81%

Kính trình Đại hội xem xét thông qua.

Trân trọng.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



Ông ALBERT KWANG-CHIN TING

No.: 06./2026/TTr-HĐQT

TP. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 04 năm 2026

TỜ TRÌNH

V/v: Dự toán ngân sách tài chính năm 2026

**Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN
CTCP CHỨNG KHOÁN PHÚ HƯNG**

Trên cơ sở đánh giá tình hình thực tế của nền kinh tế và vị thế của Công ty trên thị trường chứng khoán, Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua **Dự toán ngân sách tài chính năm 2026** như sau:

Đơn vị tính: VNĐ

Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2026
Tổng doanh thu	790.568.748.955
Tổng chi phí	614.392.580.559
Lợi nhuận kế toán trước thuế	176.176.168.396
Lợi nhuận kế toán sau thuế	140.311.509.048
Thù lao Hội đồng Quản Trị và Ban Kiểm Soát	1.920.000.000

Trong năm 2025 thù lao của các thành viên quản lý chủ chốt đã chi 6.103.028.844 đồng.

Kính trình Đại hội xem xét và thông qua.



ALBERT KWANG-CHIN TING

No.: 02/2026/TTr-BKS

TP. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 04 năm 2026

TỜ TRÌNH

V/v: Chọn đơn vị kiểm toán độc lập năm 2026

**Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN
CTCP CHỨNG KHOÁN PHÚ HƯNG**

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14;
- Căn cứ Điều lệ hiện hành của CTCP Chứng khoán Phú Hưng;

1. Ban Kiểm Soát Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua việc **chọn đơn vị kiểm toán độc lập năm 2026** như sau:

Tên đơn vị kiểm toán: **Công ty TNHH KPMG Việt Nam**

Địa chỉ: Tầng 10, Tòa nhà Sun Wah, 115 Nguyễn Huệ, Phường Sài Gòn,
TP. HCM

Điện thoại: 028 3821 9266

Fax: 028 3821 9267

Trường hợp Công ty TNHH KPMG Việt Nam không thể cung cấp dịch vụ kiểm toán cho Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng, thì đơn vị kiểm toán độc lập năm 2026 được thay thế là Công ty TNHH Kiểm toán Deloitte Việt Nam.

2. Ủy quyền cho Tổng Giám đốc thực hiện các công việc liên quan với Công ty Kiểm toán độc lập được chọn.

Kính trình Đại hội xem xét và thông qua.

Trân trọng.

TM. BAN KIỂM SOÁT

TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT



LIEW SEP SIANG

No.: 07./2026/TT- HĐQT

TP. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 04 năm 2026

TỜ TRÌNH

Phương án chào bán cổ phiếu riêng lẻ để tăng Vốn điều lệ năm 2026

**Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHÚ HƯNG**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17/06/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành, văn bản sửa đổi, bổ sung;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành, văn bản sửa đổi, bổ sung;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính Phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và văn bản sửa đổi, bổ sung;
- Căn cứ Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11/09/2025 sửa đổi bổ sung Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020;
- Căn cứ Thông tư số 118/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài Chính Hướng dẫn một số nội dung về chào bán, phát hành chứng khoán, chào mua công khai, mua lại cổ phiếu, đăng ký công ty đại chúng và hủy tư cách công ty đại chúng và các sửa đổi, bổ sung;
- Căn cứ Thông tư số 121/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài Chính Quy định về hoạt động của công ty chứng khoán và các sửa đổi, bổ sung;
- Căn cứ Thông tư số 51/2021/TT-BTC ngày 30/06/2021 của Bộ Tài Chính Hướng dẫn nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân trong hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam và các sửa đổi, bổ sung;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần chứng khoán Phú Hưng.

Hội đồng quản trị (“HĐQT”) Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (“PHS”) kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên (“ĐHĐCĐ”) thông qua **Phương án chào bán cổ phiếu riêng lẻ để tăng vốn điều lệ năm 2026** như sau:

I. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

- Tên công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHÚ HƯNG
- Tên tiếng Anh: PHU HUNG SECURITIES CORPORATION
- Mã chứng khoán: PHS
- Trụ sở chính: Tầng 21, Phú Mỹ Hưng Tower, 08 Hoàng Văn Thái, Phường Tân Mỹ, Thành phố Hồ Chí Minh (Địa chỉ cũ: Tầng 21, Phú Mỹ Hưng Tower, 08 Hoàng Văn Thái, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh)
- Điện thoại: (84-28) 5413 5479; Fax: (84-28) 5413 5472; Website: www.phs.vn



- Vốn điều lệ: 2.000.098.190.000 đồng (Hai nghìn tỷ, không trăm chín mươi tám triệu, một trăm chín mươi nghìn đồng)
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0313642887, đăng ký lần đầu ngày 20/01/2016 do Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh cấp và thay đổi lần thứ 15 ngày 21/03/2025
- Giấy phép thành lập và hoạt động số 122/GP-UBCK ngày 20/01/2016 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ("UBCKNN") cấp, bổ sung mới nhất bởi Giấy phép điều chỉnh số 102/GPĐC-UBCK ngày 24/12/2024
- Mã số thuế: 0313642887
- Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty:
 - + Môi giới chứng khoán;
 - + Tự doanh chứng khoán;
 - + Tư vấn đầu tư chứng khoán;
 - + Bảo lãnh phát hành chứng khoán;

Ngoài các nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán nêu trên, công ty được cung cấp dịch vụ lưu ký chứng khoán, tư vấn tài chính, nhận ủy thác quản lý tài khoản giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư và các dịch vụ tài chính khác (Kinh doanh chứng khoán phái sinh bao gồm tự doanh, môi giới và tư vấn chứng khoán, cung cấp dịch vụ bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán phái sinh) theo quy định của Bộ Tài chính.

II. PHƯƠNG ÁN CHÀO BÁN RIÊNG LẺ CỔ PHIẾU

1. Tên cổ phiếu : Cổ phiếu Công ty cổ phần Chứng khoán Phú Hưng.
2. Loại cổ phiếu : Cổ phiếu phổ thông.
3. Mã cổ phiếu : PHS.
4. Mệnh giá cổ phiếu : 10.000 đồng (mười nghìn đồng)/cổ phiếu.
5. Số lượng cổ phiếu : 50.000.000 (Năm mươi triệu) cổ phiếu.
chào bán
6. Giá chào bán dự kiến : 10.000 đồng/cổ phiếu.
7. Số lượng nhà đầu tư : Tối đa 100 nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp và/hoặc nhà đầu tư chiến lược đáp ứng quy định pháp luật chứng khoán.
8. Tổng giá trị cổ phiếu dự : 500.000.000.000 (Năm trăm tỷ) đồng.
kiến chào bán
9. Phương thức chào bán : Chào bán riêng lẻ cho các nhà đầu tư.
10. Mục đích chào bán : Bổ sung vốn cho hoạt động cho vay ứng trước tiền bán và cho vay ký quỹ; Bổ sung vốn cho hoạt động tự doanh; và Thực hiện cung cấp các dịch vụ tài chính – chứng khoán khác theo đúng quy định pháp luật.
11. Thời gian thực hiện : Dự kiến trong trong nửa cuối năm 2026, sau khi nhận được văn bản chấp thuận của UBCKNN.

(Đính kèm chi tiết Phương án chào bán cổ phiếu riêng lẻ).

III. PHƯƠNG ÁN SỬ DỤNG VỐN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN

Tổng số tiền thu được từ đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ sẽ được sử dụng cho mục đích như sau:

- Bổ sung vốn cho hoạt động cho vay ứng trước tiền bán và cho vay giao dịch ký quỹ;
- Bổ sung vốn cho hoạt động tự doanh;
- Thực hiện cung cấp các dịch vụ tài chính – chứng khoán khác theo đúng quy định của pháp luật.

(Chi tiết tại Phương án chào bán cổ phiếu được đính kèm).

IV. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG ỦY QUYỀN CHO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Đại hội đồng cổ đông (“ĐHĐCĐ”) giao/ủy quyền cho Hội đồng quản trị (“HĐQT”) quyết định các vấn đề (bao gồm nhưng không giới hạn) liên quan đến đợt chào bán cổ phiếu như sau:

- Quyết định thời điểm triển khai thực hiện Phương án chào bán cổ phiếu riêng lẻ đã được ĐHĐCĐ thông qua; căn cứ vào tình hình thị trường chứng khoán, nhu cầu huy động vốn và tình hình hoạt động kinh doanh thực tế của Công ty;
- Quyết định chi tiết phương án và tổ chức sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán theo chủ trương đã được ĐHĐCĐ thông qua; điều chỉnh, thay đổi mục đích, phương án sử dụng vốn với giá trị thay đổi nhỏ hơn 50% số tiền thu được từ đợt chào bán trong trường hợp xét thấy cần thiết, đảm bảo cân đối, phân bổ nguồn vốn phù hợp với tình hình hoạt động thực tế của Công ty nhằm đảm bảo hiệu quả sử dụng vốn và tối ưu lợi ích cho cổ đông;
- Lập, phê duyệt hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu riêng lẻ của Công ty đáp ứng quy định pháp luật hiện hành;
- Thực hiện các thủ tục đăng ký chào bán cổ phiếu với UBCKNN theo phương án đã được ĐHĐCĐ thông qua; theo dõi, chỉnh sửa, bổ sung và hoàn thiện hồ sơ theo yêu cầu nhằm đảm bảo việc xin phép chào bán cổ phiếu được thực hiện theo đúng quy định;
- Thông qua phương án đảm bảo đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại Công ty;
- Thực hiện các thủ tục đăng ký thay đổi vốn điều lệ và điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp với Sở Tài chính Tp. Hồ Chí Minh và sửa đổi các điều khoản liên quan đến vốn điều lệ và cổ phần của Công ty trong Điều lệ căn cứ trên kết quả chào bán thực tế;
- Thực hiện các thủ tục đăng ký, lưu ký bổ sung cho toàn bộ số cổ phiếu chào bán thành công tại Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam theo đúng quy định;
- Thực hiện các thủ tục thay đổi đăng ký giao dịch bổ sung cho toàn bộ số cổ phiếu chào bán thành công tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội theo đúng quy định;
- Thực hiện các thủ tục cần thiết khác theo yêu cầu của Cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền để hoàn thành đợt chào bán cổ phiếu theo đúng quy định pháp luật và Điều lệ Công ty;
- Căn cứ theo quy định pháp luật hiện hành, HĐQT có thể ủy quyền cho Chủ tịch HĐQT và/hoặc Tổng Giám đốc thực hiện một phần hoặc toàn bộ các nội dung nêu trên;
- Ngoài các nội dung ủy quyền nêu trên, trong quá trình triển khai phương án chào bán, ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT được quyền bổ sung, điều chỉnh và hoàn thiện phương án chào bán theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước và/hoặc phù hợp với tình hình

thực tế, nhằm đảm bảo việc chào bán được thực hiện hợp pháp, đúng quy định và bảo vệ tối đa quyền lợi của cổ đông cũng như của Công ty.

Kính trình Đại hội xem xét và thông qua.

Đính kèm: Phương án chào bán cổ phiếu riêng lẻ.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



ALBERT KWANG-CHIN TING

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHÚ HƯNG



**PHƯƠNG ÁN CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RIÊNG LẺ
ĐỂ TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ NĂM 2026**

Thành phố Hồ Chí Minh, năm 2026

MỤC LỤC

PHẦN A: THÔNG TIN CHUNG VỀ DOANH NGHIỆP.....	3
I. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP TRƯỚC KHI CHÀO BÁN.....	3
II. TÓM TẮT QUÁ TRÌNH HOẠT ĐỘNG VÀ CHIẾN LƯỢC TRUNG – DÀI HẠN.....	4
III. CƠ CẤU TÀI SẢN VÀ VỐN.....	5
PHẦN B: PHƯƠNG ÁN CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RIÊNG LẺ.....	7
I. CĂN CỨ PHÁP LÝ.....	7
II. SỰ CẦN THIẾT CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RIÊNG LẺ ĐỂ TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ.....	7
III. PHƯƠNG ÁN CHÀO BÁN CỔ PHIẾU.....	8
IV. TIÊU CHÍ LỰA CHỌN ĐỐI TƯỢNG CHÀO BÁN.....	9
V. CÁC HẠN CHẾ ĐỐI VỚI NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI.....	12
VI. PHƯƠNG ÁN SỬ DỤNG VỐN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN.....	12
VII. ĐĂNG KÝ LƯU KÝ VÀ ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH BỔ SUNG CỔ PHIẾU.....	13
VIII. ỦY QUYỀN.....	13
PHẦN C: KẾT LUẬN.....	15
PHỤ LỤC I: BÁO CÁO ĐỊNH GIÁ CỔ PHIẾU PHS.....	16

PHẦN A: THÔNG TIN CHUNG VỀ DOANH NGHIỆP

I. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP TRƯỚC KHI CHÀO BÁN

- Tên công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHÚ HUNG.**
- Tên tiếng Anh: **PHU HUNG SECURITIES CORPORATION.**
- Mã chứng khoán: **PHS.**
- Trụ sở chính: Tầng 21, Phú Mỹ Hưng Tower, 08 Hoàng Văn Thái, Phường Tân Mỹ, Thành phố Hồ Chí Minh (Địa chỉ cũ: Tầng 21, Phú Mỹ Hưng Tower, 08 Hoàng Văn Thái, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh).
- Điện thoại: (84-28) 5413 5479; Fax: (84-28) 5413 5472; Website: www.phs.vn.
- Vốn điều lệ: 2.000.098.190.000 đồng (*Hai nghìn tỷ, không trăm chín mươi tám triệu, một trăm chín mươi nghìn đồng*).
- Số lượng cổ phiếu đã phát hành tính đến thời điểm hiện tại: 200.009.819 cổ phiếu (*Hai trăm triệu, không trăm lẻ chín nghìn, tám trăm mười chín cổ phiếu*).
 - + Số lượng cổ phiếu đang lưu hành tính đến thời điểm hiện tại: 200.009.329 cổ phiếu (*Hai trăm triệu, không trăm lẻ chín nghìn, ba trăm hai mươi chín cổ phiếu*)
 - + Số lượng cổ phiếu quỹ: 490 cổ phiếu (*Bốn trăm chín mươi triệu cổ phiếu*).
- Căn cứ pháp lý:
 - + Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0313642887 ngày 20/01/2016 do Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh cấp và thay đổi lần thứ 15 ngày 21/03/2025.
 - + Giấy phép thành lập và hoạt động số 122/GP-UBCK ngày 20/01/2016 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp, bổ sung mới nhất bởi Giấy phép điều chỉnh số 102/GPĐC-UBCK ngày 24/12/2024.
- Mã số thuế: 0313642887.
- Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty:
 1. Môi giới chứng khoán;
 2. TỰ doanh chứng khoán;
 3. Tư vấn đầu tư chứng khoán;
 4. Bảo lãnh phát hành chứng khoán;

Ngoài các nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán nêu trên, công ty được cung cấp dịch vụ lưu ký chứng khoán, tư vấn tài chính, nhận ủy thác quản lý tài khoản giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư và các dịch vụ tài chính khác (Kinh doanh chứng khoán phái sinh bao gồm tự doanh, môi giới và tư vấn chứng khoán, cung cấp dịch vụ bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán phái sinh) theo quy định của Bộ Tài chính.
- Người đại diện theo pháp luật:
 - + Ông Albert Kwang-Chin Ting, Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.
 - + Ông Chen Chia Ken, Chức vụ: Tổng giám đốc.

- Tổng giám đốc: Ông Chen Chia Ken
- Các chi nhánh và phòng giao dịch:

+ Chi nhánh Quận 1

Địa chỉ : Phòng 1003A, Tầng 10, số 81-83-83B-85 Hàm Nghi, phường Bến Thành, Thành phố Hồ Chí Minh

Số điện thoại : (84-28) 3 535 6060

Fax : (84-28) 3 535 2912

+ Chi nhánh Quận 3

Địa chỉ : Tầng 4, 458 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Bàn Cờ, Thành phố Hồ Chí Minh

Số điện thoại : (84-28) 3820 8068

Fax : (84-28) 3820 8206

+ Chi nhánh Tân Bình

Địa chỉ : Tòa nhà Park Legend, 251 Hoàng Văn Thụ, Phường Tân Sơn Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh

Số điện thoại : (84-28) 3813 2401

Fax : (84-28) 3813 2415

+ Chi nhánh Thanh Xuân

Địa chỉ : Tầng 5, Tòa nhà UDIC Complex, N04 Hoàng Đạo Thúy, Phường Yên Hòa, Thành phố Hà Nội

Số điện thoại : (84-24) 6250 9999

Fax : (84-24) 6250 6666

+ Chi nhánh Hải Phòng

Địa chỉ : Tầng 2, Tòa nhà Eliteco, 18 Trần Hưng Đạo, Phường Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Số điện thoại : (84-225) 384 1810

Fax : (84-225) 384 1801

II. TÓM TẮT QUÁ TRÌNH HOẠT ĐỘNG VÀ CHIẾN LƯỢC TRUNG – DÀI HẠN

Công ty cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (“Công ty”) được thành lập trên cơ sở hợp nhất giữa Công ty cổ phần Chứng khoán Phú Hưng cũ (tiền thân là Công ty cổ phần Chứng khoán Âu Lạc) và Công ty cổ phần Chứng khoán An Thành theo Quyết định chấp thuận hợp nhất số

1129/QĐ-UBCK ngày 16/12/2015 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (UBCKNN). Sau hợp nhất, Công ty kế thừa toàn bộ hoạt động, tài sản và vốn của hai công ty, hoạt động trên nền tảng cơ cấu tổ chức và hạ tầng của Công ty cũ với số vốn điều lệ là 202.585.070.000 đồng theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 122/GP-UBCK do UBCKNN cấp ngày 20/01/2016.

Ngày 31/07/2019, cổ phiếu của Công ty đã chính thức giao dịch trên UPCOM – Sở Giao Dịch Chứng Khoán Hà Nội.

Với kinh nghiệm gần 20 năm hoạt động trên thị trường chứng khoán Việt Nam, Công ty đã xây dựng được lượng cơ sở khách hàng ổn định và nguồn lực kinh doanh vững chắc. Theo thống kê từ HNX, Công ty giữ vị trí TOP 10 trong các công ty chứng khoán có thị phần môi giới lớn nhất trên thị trường chứng khoán phái sinh năm 2025, chiếm 2,02%¹ (Tham khảo nguồn bên dưới trang). Ngoài ra, từ năm 2023, PHS cũng đã ra mắt sản phẩm Chứng quyền có bảo đảm nhằm đáp ứng các nhu cầu đầu tư đa dạng của khách hàng.

Trải qua quá trình hoạt động, Công ty không ngừng hoàn thiện hệ thống công nghệ, củng cố quản trị rủi ro và nâng cao chất lượng nhân sự. Trong giai đoạn phát triển trung và dài hạn, Công ty định hướng chiến lược theo hướng tăng trưởng bền vững, lấy khách hàng làm trung tâm và đẩy mạnh chuyển đổi số nhằm tối ưu vận hành, cá nhân hóa trải nghiệm đầu tư. Bên cạnh đó, PHS cũng chú trọng nâng cao tiêu chuẩn quản trị, tuân thủ ESG và phát triển thương hiệu uy tín, hướng tới mục tiêu trở thành một trong những định chế tài chính hàng đầu tại Việt Nam.

III. CƠ CẤU TÀI SẢN VÀ VỐN

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	TÀI SẢN	Tại thời điểm 31/12/2024	Tại thời điểm 31/12/2025
A	TỔNG TÀI SẢN	3.931.365	5.584.215
I	TÀI SẢN NGẮN HẠN	3.848.310	5.270.897
1	Tài sản tài chính	3.840.829	5.258.083
<i>1.1</i>	<i>Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	181.972	317.981
<i>1.2</i>	<i>Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)</i>	73.857	195.122
<i>1.3</i>	<i>Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)</i>	696.000	552.500
<i>1.4</i>	<i>Các khoản cho vay</i>	2.874.796	4.119.776
<i>1.5</i>	<i>Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp</i>	(47.535)	(47.535)
<i>1.6</i>	<i>Các khoản phải thu</i>	51.291	86.440

¹ <https://hnx.vn/vi-vn/m-tin-tuc-hnx/Thi%20phan%20moi%20gioi%20thi%20truong%20chung%20khoan%20phai%20sinh%20tren%20HNX%20nam%202025-60022150-0.html>

STT	TÀI SẢN	Tại thời điểm 31/12/2024	Tại thời điểm 31/12/2025
1.7	Trả trước cho người bán	1.175	1.060
1.8	Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	3.774	28.033
1.9	Các khoản phải thu khác	13.809	12.985
1.10	Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu	(8.311)	(8.279)
2	Tài sản ngắn hạn khác	7.482	12.814
II	TÀI SẢN DÀI HẠN	83.055	313.318
1	Tài sản tài chính dài hạn	-	250.000
2	Tài sản cố định	28.747	18.389
3	Tài sản dài hạn khác	54.307	44.930
B	TỔNG CỘNG NỢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU	3.931.365	5.584.215
I	NỢ PHẢI TRẢ	1.864.268	3.443.798
1	Nợ phải trả ngắn hạn	1.862.167	3.441.493
1.1	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	1.433.388	2.871.519
1.2	Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	399.766	514.055
1.3	Phải trả người bán ngắn hạn	714	61
1.4	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	50	50
1.5	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	8.157	17.707
1.6	Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên	373	374
1.7	Chi phí phải trả ngắn hạn	17.565	33.756
1.8	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	43	21
1.9	Các khoản phải trả, phải nộp khác ngắn hạn	2.111	3.950
2	Nợ phải trả dài hạn	2.101	2.305
2.1	Dự phòng phải trả dài hạn	2.101	2.305
II	Vốn chủ sở hữu	2.067.098	2.140.417
1	Vốn góp của chủ sở hữu	2.000.098	2.000.098
2	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	12.065	12.065
3	Lợi nhuận chưa phân phối	54.936	128.255

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2024 và năm 2025

PHẦN B: PHƯƠNG ÁN CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RIÊNG LẺ

I. CĂN CỨ PHÁP LÝ

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17/06/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành, văn bản sửa đổi, bổ sung;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành, văn bản sửa đổi, bổ sung ("*Luật Chứng khoán*");
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính Phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và văn bản sửa đổi, bổ sung ("*Nghị định 155*");
- Nghị định số 245/2025/ NĐ-CP ngày 11/09/2025 sửa đổi bổ sung Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020;
- Thông tư số 118/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài Chính Hướng dẫn một số nội dung về chào bán, phát hành chứng khoán, chào mua công khai, mua lại cổ phiếu, đăng ký công ty đại chúng và hủy tư cách công ty đại chúng và các sửa đổi, bổ sung;
- Thông tư số 121/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài Chính Quy định về hoạt động của công ty chứng khoán và các sửa đổi, bổ sung;
- Thông tư số 51/2021/TT-BTC ngày 30/06/2021 của Bộ Tài Chính Hướng dẫn nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân trong hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam và các sửa đổi, bổ sung.
- Điều lệ Công ty Cổ phần chứng khoán Phú Hưng.

II. SỰ CẦN THIẾT CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RIÊNG LẺ ĐỂ TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ

Thực hiện theo lộ trình phát triển thị trường vốn bài bản do Chính phủ định hướng, thị trường chứng khoán Việt Nam trong những năm gần đây đã ghi nhận những bước tiến vượt bậc cả về quy mô, chất lượng và tính hội nhập quốc tế.

Năm 2025 đánh dấu một giai đoạn khởi sắc mạnh mẽ của thị trường chứng khoán Việt Nam. Tính đến cuối năm, chỉ số VN-Index duy trì đà tăng tích cực, đóng cửa tại mức 1.784 điểm, vượt mốc 1.500 điểm, tăng khoảng 40,87% so với cuối năm 2024. Quy mô vốn hóa thị trường đạt trên 8,3 triệu tỷ đồng, đưa Việt Nam trở thành một trong những thị trường có thanh khoản cao nhất khu vực ASEAN.

Việt Nam đã được FTSE Russell thông báo nâng hạng từ thị trường cận biên lên thị trường mới nổi thứ cấp và quyết định sẽ chính thức có hiệu lực được vào tháng 9/2026 theo cơ chế đánh giá định kỳ của tổ chức này. Đây là một bước tiến quan trọng, góp phần nâng cao vị thế của thị trường Việt Nam trong mắt nhà đầu tư quốc tế và mở ra cơ hội thu hút thêm dòng vốn nước ngoài ổn định và dài hạn, hỗ trợ tích cực cho sự phát triển của thị trường vốn và nền kinh tế trong thời gian tới.

Cùng với sự nâng hạng, hoạt động của các công ty chứng khoán được hưởng lợi rõ rệt trên nhiều phương diện. Thanh khoản và quy mô giao dịch có tiềm năng tăng trưởng mạnh kéo theo doanh thu môi giới, cho vay ký quỹ và ứng trước tiền bán chứng khoán tăng trưởng đáng kể.

Đồng thời, dòng vốn ngoại dồi dào giúp mở rộng cơ hội triển khai các sản phẩm tài chính mới như giao dịch phái sinh, hợp tác đầu tư và dịch vụ tư vấn chuyên sâu.

Bước sang năm 2026, trước bối cảnh thị trường mở rộng nhanh chóng và nhu cầu vốn cho hoạt động kinh doanh gia tăng, việc PHS chào bán cổ phiếu riêng lẻ để tăng Vốn điều lệ trở nên cấp thiết và chiến lược. Việc bổ sung Vốn điều lệ không chỉ giúp tăng cường nguồn vốn lưu động, nâng cao hạn mức cho vay ứng trước tiền bán và cho vay ký quỹ, mà còn mở rộng tiềm lực tài chính để PHS chủ động nắm bắt các cơ hội đầu tư và thực hiện cung cấp các dịch vụ tài chính mới trong giai đoạn thị trường đang hội nhập sâu và phát triển bền vững.

Đây là bước đi quan trọng và đúng thời điểm, giúp PHS củng cố vị thế, nâng cao năng lực cạnh tranh, đồng thời đảm bảo nền tảng tài chính vững chắc cho tăng trưởng ổn định, lâu dài trong bối cảnh thị trường chứng khoán Việt Nam đang chuyển mình mạnh mẽ và hướng tới chuẩn mực quốc tế.

III. PHƯƠNG ÁN CHÀO BÁN CỔ PHIẾU

1. Tên tổ chức phát hành : Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng.
2. Tên cổ phiếu chào bán : Cổ phiếu Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng.
3. Loại cổ phiếu chào bán : Cổ phiếu phổ thông.
4. Mệnh giá cổ phiếu : 10.000 đồng/cổ phiếu.
5. Số lượng cổ phiếu dự kiến chào bán : 50.000.000 cổ phiếu.
6. Giá chào bán : 10.000 đồng/cổ phiếu.
(Nguyên tắc xác định giá chào bán tham khảo tại Báo cáo định giá cổ phiếu PHS được kèm theo).
7. Số lượng và đối tượng nhà đầu tư chào bán : Tối đa 100 nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp và/hoặc nhà đầu tư chiến lược đáp ứng quy định pháp luật chứng khoán.
8. Tổng giá trị cổ phiếu dự kiến chào bán : 500.000.000.000 đồng.
9. Phương thức chào bán : Chào bán riêng lẻ cho các nhà đầu tư được chọn.
10. Tiêu chí lựa chọn nhà đầu tư chào bán : Được quy định chi tiết tại Phần B. Mục IV Phương án chào bán này.
11. Hạn chế chuyển nhượng : Toàn bộ số cổ phiếu chào bán riêng lẻ bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 01 năm đối với nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp và 03 năm đối với nhà đầu tư chiến lược kể từ ngày PHS nộp báo cáo hoàn tất đợt chào bán

cho SSC, theo điểm 1 Điều 31 Luật Chứng khoán 2019 và các văn bản sửa đổi, bổ sung hướng dẫn thi thành.

12. Mục đích chào bán : Bổ sung vốn cho hoạt động cho vay ứng trước tiền bán, cho vay ký quỹ; Bổ sung vốn cho hoạt động đầu tư tự doanh; và Thực hiện cung cấp các dịch vụ tài chính – chứng khoán khác theo đúng quy định pháp luật.
13. Đảm bảo việc phát hành cổ phiếu đáp ứng tỷ lệ sở hữu nước ngoài : Đại hội đồng cổ đông (“ĐHĐCĐ”) giao và ủy quyền Hội đồng quản trị (“HĐQT”) thông qua phương án đảm bảo việc phát hành cổ phiếu đáp ứng tỷ lệ sở hữu nước ngoài.
14. Phương án xử lý số cổ phiếu từ chối mua : Số lượng cổ phiếu nhà đầu tư từ chối mua một phần hoặc toàn bộ được ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT chào bán cho các nhà đầu tư khác đáp ứng tiêu chí lựa chọn nhà đầu tư theo các điều kiện chào bán đã được ĐHĐCĐ thông qua tại Phương án này và phù hợp với quy định của pháp luật.
15. Phương án xử lý trong trường hợp không chào bán hết số cổ phiếu đăng ký chào bán : Trong trường hợp kết thúc đợt chào bán theo quy định, số lượng cổ phiếu dự kiến chào bán không được phân phối hết sẽ bị hủy bỏ. ĐHĐCĐ giao HĐQT thực hiện ghi nhận tổng số lượng cổ phiếu chào bán theo đúng số lượng cổ phiếu thực tế đã phân phối.
16. Thời gian thực hiện : Dự kiến trong trong nửa cuối năm 2026, sau khi nhận được văn bản chấp thuận của UBCKNN.

IV. TIÊU CHÍ LỰA CHỌN ĐỐI TƯỢNG CHÀO BÁN

Đối tượng được chào bán cổ phiếu riêng lẻ là cá nhân, tổ chức đáp ứng điều kiện là nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp và/hoặc nhà đầu tư chiến lược theo quy định của pháp luật chứng khoán, đáp ứng các tiêu chí cụ thể như sau:

(1) **Tiêu chí lựa chọn Nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp (Theo quy định tại Điều 11 Luật Chứng khoán):**

- Ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, công ty tài chính, tổ chức kinh doanh bảo hiểm, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán, quỹ đầu tư chứng khoán, tổ chức tài chính quốc tế, quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách, tổ chức tài chính nhà nước được mua chứng khoán theo quy định của pháp luật có liên quan;
- Công ty có Vốn điều lệ đã góp đạt trên 100 tỷ đồng hoặc tổ chức niêm yết, tổ chức đăng ký giao dịch;
- Người có chứng chỉ hành nghề chứng khoán;

- Cá nhân nắm giữ danh mục chứng khoán niêm yết, đăng ký giao dịch có giá trị tối thiểu là 02 tỷ đồng theo xác nhận của công ty chứng khoán tại thời điểm cá nhân đó được xác định tư cách là nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp;
- Cá nhân có thu nhập chịu thuế năm gần nhất tối thiểu là 01 tỷ đồng tính đến thời điểm cá nhân đó được xác định tư cách là nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp theo hồ sơ khai thuế đã nộp cho cơ quan thuế hoặc chứng từ khấu trừ thuế của tổ chức, cá nhân chi trả;
- Nhà đầu tư nước ngoài là cá nhân có quốc tịch nước ngoài, tổ chức thành lập theo pháp luật nước ngoài thực hiện hoạt động đầu tư kinh doanh tại Việt Nam;
- Cổ phiếu chào bán mới cho Nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp sẽ bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 01 (một) năm kể từ ngày kết thúc đợt chào bán.

(2) Tiêu chí lựa chọn Nhà đầu tư chiến lược (Theo quy định tại Khoản 17 Điều 4 Luật Chứng khoán):

Nhà đầu tư chiến lược là các cổ đông hiện hữu của Công ty đáp ứng các điều kiện:

- Có năng lực tài chính mạnh, hỗ trợ được cho Công ty về vốn;
- Được ĐHCĐ lựa chọn theo các tiêu chí về năng lực tài chính, trình độ công nghệ và có cam kết hợp tác với Công ty trong thời gian ít nhất 03 năm;
- Cổ phiếu chào bán mới cho Nhà đầu tư chiến lược sẽ bị hạn chế chuyển nhượng trong 03 (ba) năm kể từ ngày kết thúc đợt chào bán.

(3) Đồng thời, Nhà đầu tư tham gia trở thành cổ đông của PHS phải đáp ứng các điều kiện sau:

- Các Nhà đầu tư và PHS không phải là các công ty con của cùng một công ty mẹ và PHS không phải là công ty mẹ của các Nhà đầu tư (Điều 43.6 Nghị định 155);
- Các Nhà đầu tư sở hữu từ 10% trở lên Vốn điều lệ của PHS và người có liên quan của Nhà đầu tư (nếu có) không được sở hữu trên 5% Vốn điều lệ tại một công ty chứng khoán khác (Điều 74.2 Luật Chứng khoán);
- Các Nhà đầu tư được chào bán có cam kết thực hiện mua hết số lượng cổ phiếu đã đăng ký.

(4) Cổ phiếu chào bán sẽ được phân phối trực tiếp cho các Nhà đầu tư theo danh sách được Đại hội cổ đông phê duyệt.

Căn cứ tiêu chí trên, Công ty đã lựa chọn và xác định danh sách Nhà đầu tư được chào bán như sau:

STT	Tên Nhà đầu tư	Thẻ căn cước công dân/ Hộ chiếu hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	Đối tượng		Số lượng cổ phiếu sở hữu trước đợt chào bán tại ngày 31/12/2025 (cổ phiếu)	Số lượng cổ phiếu dự kiến được phân phối (cổ phiếu)	Tỷ lệ sở hữu dự kiến sau đợt phát hành (%)
			Nhà đầu tư chiến lược/ Nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp	Nhà đầu tư nước ngoài/ Tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ trên 50% vốn điều lệ/Nhà đầu tư trong nước			
1	Công ty cổ phần CX Technology (VN)	0300737556	Nhà đầu tư chiến lược	Nhà đầu tư nước ngoài	0	25.000.000	10,00%
2	New Beam International Inc	1909904	Nhà đầu tư chiến lược	Nhà đầu tư nước ngoài	41.676.745	10.419.000	20,84%
3	Freshfields Capital Corporation	80690793	Nhà đầu tư chiến lược	Nhà đầu tư nước ngoài	1.290.486	13.796.000	6,03%
4.	Công ty TNHH Một Thành viên Thương Mại Dịch vụ Cuộc sống mới	0307382140	Nhà đầu tư chiến lược	Nhà đầu tư trong nước	3.136.847	785.000	1,57%
Tổng cộng					46.104.078	50.000.000	

V. CÁC HẠN CHẾ ĐỐI VỚI NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI

Căn cứ công văn số 2681/UBCK-QLKD ngày 15/05/2017 của UBCKNN về hồ sơ thông báo tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa, Công ty đã được UBCKNN chấp thuận cho phép tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài lên đến 100%. Tuy nhiên, tỷ lệ sở hữu của từng nhà đầu tư nước ngoài sẽ bị ràng buộc theo quy định tại Điều 77.1 Luật Chứng khoán, cụ thể như sau:

- Nhà đầu tư nước ngoài là tổ chức đáp ứng điều kiện quy định tại Điều 77.2 Luật Chứng khoán thì được mua để sở hữu đến 100% Vốn điều lệ của tổ chức kinh doanh chứng khoán; được thành lập tổ chức kinh doanh chứng khoán 100% vốn nước ngoài;
- Trường hợp nhà đầu tư nước ngoài là tổ chức không đáp ứng quy định tại Điều 77.2 Luật Chứng khoán hoặc là cá nhân thì chỉ được sở hữu dưới 49% Vốn điều lệ của tổ chức kinh doanh chứng khoán.

VI. PHƯƠNG ÁN SỬ DỤNG VỐN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN

Trước bối cảnh thị trường chứng khoán đang trên đà phát triển mạnh mẽ và cạnh tranh ngày càng gay gắt giữa các công ty chứng khoán, nâng cao năng lực tài chính là yếu tố then chốt để PHS duy trì tốc độ tăng trưởng, mở rộng quy mô hoạt động và nâng cao vị thế trên thị trường. Để đáp ứng nhu cầu về quy mô vốn, giá trị giao dịch và thanh khoản, toàn bộ số tiền thu được từ đợt chào bán sẽ được Công ty sử dụng vào mục đích như sau:

- Bổ sung vốn cho hoạt động cho vay ứng trước tiền bán và cho vay giao dịch ký quỹ;
- Bổ sung vốn cho hoạt động đầu tư tự doanh;
- Thực hiện cung cấp các dịch vụ tài chính – chứng khoán khác theo đúng quy định của pháp luật.

Số tiền thu được dự kiến từ đợt chào bán là 500.000.000.000 đồng, được phân bổ sử dụng với mục đích như sau:

STT	Mục đích sử dụng vốn	Số tiền (đồng)	Tỷ lệ phân bổ vốn (%)	Thời gian sử dụng dự kiến
1	Bổ sung vốn cho hoạt động cho vay ứng trước tiền bán và cho vay ký quỹ	250.000.000.000	50	Sau khi kết thúc đợt chào bán, dự kiến trong trong nửa cuối năm 2026
2	Bổ sung vốn cho hoạt động đầu tư tự doanh	100.000.000.000	20	Sau khi kết thúc đợt chào bán, dự kiến trong trong nửa cuối năm 2026
3	Thực hiện cung cấp các dịch vụ tài chính – chứng khoán khác	150.000.000.000	30	Sau khi kết thúc đợt chào bán, dự kiến trong nửa cuối năm 2026

	theo đúng quy định pháp luật			
TỔNG CỘNG		500.000.000.000	100	

ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT lập, điều chỉnh/quyết định số tiền sử dụng cho từng mục đích nêu trên theo số tiền thực tế thu được từ đợt chào bán, linh hoạt điều chỉnh việc phân bổ, đảm bảo việc sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán phù hợp với tình hình hoạt động kinh doanh thực tế và tuân thủ quy định pháp luật hiện hành.

VII. ĐĂNG KÝ LƯU KÝ VÀ ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH BỔ SUNG CỔ PHIẾU

Toàn bộ số cổ phiếu chào bán thành công theo phương án này sẽ được đăng ký, lưu ký chứng khoán bổ sung tại Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam (“VSDC”) và đăng ký giao dịch bổ sung trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (“HNX”) sau khi hoàn tất được chào bán.

VIII. ỦY QUYỀN

HĐQT kính trình ĐHĐCĐ xem xét và thông qua phương án chào bán cổ phiếu để tăng Vốn điều lệ Công ty nêu trên, đồng thời ủy quyền/giao HĐQT quyết định các vấn đề (bao gồm nhưng không giới hạn) liên quan đến đợt chào bán cổ phiếu như sau:

- Quyết định thời điểm triển khai thực hiện Phương án chào bán cổ phiếu riêng lẻ đã được ĐHĐCĐ thông qua, căn cứ vào tình hình thị trường chứng khoán, nhu cầu huy động vốn và tình hình hoạt động kinh doanh thực tế của Công ty;
- Quyết định chi tiết phương án và tổ chức sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán theo chủ trương đã được ĐHĐCĐ thông qua; điều chỉnh, thay đổi mục đích, phương án sử dụng vốn với giá trị thay đổi nhỏ hơn 50% số tiền thu được từ đợt chào bán trong trường hợp xét thấy cần thiết, đảm bảo cân đối, phân bổ nguồn vốn phù hợp với tình hình hoạt động thực tế của Công ty nhằm đảm bảo hiệu quả sử dụng vốn và tối ưu lợi ích cho cổ đông;
- Lập, phê duyệt hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu riêng lẻ của Công ty đáp ứng quy định pháp luật hiện hành;
- Thực hiện các thủ tục đăng ký chào bán cổ phiếu với UBCKNN theo phương án đã được ĐHĐCĐ thông qua; theo dõi, chỉnh sửa, bổ sung và hoàn thiện hồ sơ theo yêu cầu nhằm đảm bảo việc xin phép chào bán cổ phiếu được thực hiện theo đúng quy định;
- Thông qua phương án đảm bảo đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại Công ty;
- Thực hiện các thủ tục đăng ký thay đổi Vốn điều lệ và điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp với Sở Tài chính TP.Hồ Chí Minh và sửa đổi các điều khoản liên quan đến Vốn điều lệ và cổ phần của Công ty trong Điều lệ căn cứ trên kết quả chào bán thực tế;
- Thực hiện các thủ tục đăng ký, lưu ký bổ sung cho toàn bộ số cổ phiếu chào bán thành công tại VSDC theo đúng quy định;

- Thực hiện các thủ tục thay đổi đăng ký giao dịch bổ sung cho toàn bộ số cổ phiếu chào bán thành công tại HNX theo đúng quy định;
- Thực hiện các thủ tục cần thiết khác theo yêu cầu của Cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền để hoàn thành đợt chào bán cổ phiếu theo đúng quy định pháp luật và Điều lệ Công ty;
- Căn cứ theo quy định pháp luật hiện hành, HĐQT có thể ủy quyền cho Chủ tịch HĐQT và/hoặc Tổng Giám đốc thực hiện một phần hoặc toàn bộ các nội dung nêu trên;
- Ngoài các nội dung ủy quyền nêu trên, trong quá trình triển khai phương án chào bán, ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT được quyền bổ sung, điều chỉnh và hoàn thiện phương án chào bán theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước và/hoặc phù hợp với tình hình thực tế, nhằm đảm bảo việc chào bán được thực hiện hợp pháp, đúng quy định và bảo vệ tối đa quyền lợi của cổ đông cũng như của Công ty.

PHẦN C: KẾT LUẬN

Việc phát hành cổ phiếu nhằm tăng Vốn điều lệ là bước đi cần thiết để Công ty củng cố năng lực tài chính, bổ sung nguồn vốn cho hoạt động kinh doanh cốt lõi và nâng cao khả năng quản trị rủi ro. Nguồn vốn tăng thêm sẽ tạo điều kiện cho Công ty mở rộng quy mô hoạt động, cải thiện chất lượng dịch vụ, đầu tư hạ tầng công nghệ hiện đại và tối ưu hóa hiệu quả sử dụng vốn, qua đó đáp ứng tốt hơn nhu cầu ngày càng đa dạng của nhà đầu tư.

Trong bối cảnh thị trường chứng khoán tiếp tục phát triển và chuyển dịch mạnh mẽ, việc gia tăng quy mô vốn không chỉ giúp Công ty tận dụng hiệu quả các cơ hội thị trường mà còn củng cố lợi thế cạnh tranh, hướng tới tăng trưởng bền vững và bảo vệ lợi ích của cổ đông. Với định hướng phát triển rõ ràng, Hội đồng quản trị tin tưởng rằng lộ trình tăng vốn này sẽ là nền tảng quan trọng để Công ty bứt phá và tạo ra giá trị gia tăng dài hạn cho tất cả các bên hữu quan.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 4 năm 2026

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHÚ HƯNG

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT



ALBERT KWANG-CHIN TING
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

PHỤ LỤC I: BÁO CÁO ĐỊNH GIÁ CỔ PHIẾU PHS

(Đính kèm Phương án phát hành cổ phiếu riêng lẻ của Công ty Cổ phần chứng khoán Phú Hưng)

1. Thông tin chung

- Tên doanh nghiệp: Công ty cổ phần Chứng khoán Phú Hưng.
- Mã cổ phiếu: PHS.
- Trụ sở chính: Tầng 21, Phú Mỹ Hưng Tower, 08 Hoàng Văn Thái, Phường Tân Mỹ, Thành phố Hồ Chí Minh (Địa chỉ cũ: Tầng 21, Phú Mỹ Hưng Tower, 08 Hoàng Văn Thái, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh).
- Điện thoại: (84-28) 5413 5479 Fax: (84-28) 5413 5472
Website: www.phs.vn.
- Ngành nghề kinh doanh chính:
 - + Môi giới đầu tư chứng khoán;
 - + Tự doanh chứng khoán;
 - + Tư vấn đầu tư tài chính;
 - + Lưu ký chứng khoán;
 - + Bảo lãnh phát hành chứng khoán;
 - + Kinh doanh chứng khoán phái sinh.
- Vốn điều lệ: 2.000.098.190.000 đồng *(Hai nghìn tỷ, không trăm chín mươi tám triệu, một trăm chín mươi nghìn đồng).*

2. Mục tiêu định giá

Việc xác định giá trị cổ phiếu trong báo cáo này được thực hiện nhằm làm cơ sở tham chiếu để xác định giá bán cổ phiếu trong đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ của PHS.

3. Phương pháp định giá

- Trong đầu tư, có nhiều phương pháp được sử dụng để xác định giá doanh nghiệp và giá trị vốn, bao gồm: Phương pháp giá trị tài sản ròng (NAV); Phương pháp giá trị sổ sách; Phương pháp chiết khấu dòng tiền (DCF); Phương pháp định giá so sánh như giá/lợi nhuận (P/E), giá/giá trị sổ sách (P/B). Ngoài ra, một số phương pháp định giá khác dựa trên khái niệm giá trị gia tăng kinh tế như Economic Value Added (EVA).
- Căn cứ vào tình hình thực tế và báo cáo tài chính của PHS tại ngày 31/12/2025, giá phát hành trong đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ được xác định trên cơ sở tham khảo kết quả định giá cổ phiếu của Công ty theo các chỉ số P/E, P/B cùng với mức giá giao dịch của cổ phiếu PHS trong giai đoạn gần nhất.

4. Kết quả định giá

4.1. Giải thích các tiêu chí định giá

Trong báo cáo này, hai phương pháp định giá tương đối được áp dụng là phương pháp P/E và phương pháp P/B.

Các chỉ số này được tính toán dựa trên mức trung vị của nhóm các công ty chứng khoán có quy mô Vốn điều lệ và doanh thu môi giới tương đồng với PHS, nhằm đảm bảo tính so sánh hợp lý.

- Nguyên tắc lựa chọn mẫu so sánh: Các công ty chứng khoán được chọn có doanh thu môi giới nằm trong khoảng $\pm 100\%$ doanh thu môi giới của PHS. Tại ngày 31/12/2025, Vốn điều lệ của PHS là 2.000.098.190.000 đồng và doanh thu hoạt động môi giới đạt 183.904.618.031 đồng.
- Những công ty chứng khoán có cùng quy mô với PHS bao gồm:
 - + CTCP Chứng khoán Nhất Việt
 - + CTCP Chứng khoán An Bình
 - + CTCP Chứng khoán DSC
 - + CTCP Chứng khoán FPT
 - + CTCP Chứng khoán Rồng Việt
- Giải thích các biến số sử dụng:
 - + Price (P): Giá cổ phiếu trung bình 12 tháng tính đến ngày 31/12/2025 (“Giá trung bình”).
 - + Lợi nhuận trên mỗi cổ phiếu (EPS): Thu nhập trên mỗi cổ phiếu tại ngày 31/12/2025.
 - + Giá trị sổ sách trên mỗi cổ phiếu (BVPS): Giá trị sổ sách trên mỗi cổ phiếu tại ngày 31/12/2025.
 - + P/E: Giá trung bình chia cho thu nhập trên mỗi cổ phiếu (= P/EPS).
 - + P/B: Giá trung bình chia cho giá trị sổ sách trên mỗi cổ phiếu (= P/BVPS).

4.2. Phương pháp P/E

Theo phương pháp P/E, giá cổ phiếu hợp lý của PHS được xác định theo công thức:

$$\text{Giá cổ phiếu PHS} = \text{P/E trung vị ngành} \times \text{EPS của PHS}$$

Dữ liệu định giá:

TT	Mã CK	Tên công ty	Sàn	Doanh thu môi giới (đồng)	EPS (đồng)	P/E (lần)
1	VFS	CTCP Chứng khoán Nhất Việt	HNX	71.882.954.685	1.154	13,25
2	ABW	CTCP Chứng khoán An Bình	UPCoM	93.586.804.780	1.712	6,95
3	DSC	CTCP Chứng khoán DSC	UPCoM	113.782.816.122	1.304	11,12

TT	Mã CK	Tên công ty	Sàn	Doanh thu môi giới (đồng)	EPS (đồng)	P/E (lần)
4	FTS	CTCP Chứng khoán FPT	HOSE	215.508.563.439	1.215	27,12
5	VDS	CTCP Chứng khoán Rồng Việt	HOSE	215.015.458.964	1.102	15,34
TRUNG VỊ NGÀNH						13,25

Giá cổ phiếu của PHS theo phương pháp P/E được tính như sau:

Chỉ tiêu	Giá trị
Lợi nhuận ròng năm 2025 (đồng)	93.320.352.400
Số lượng cổ phiếu bình quân (cổ phiếu)	200.009.819
EPS (đồng)	467
P/E trung vị ngành (lần)	13,25
Giá cổ phiếu theo phương pháp P/E (đồng)	6.182

4.3. Phương pháp P/B

Theo phương pháp P/B, giá cổ phiếu hợp lý của PHS được xác định theo công thức

$$\text{Giá cổ phiếu PHS} = \text{P/E trung vị ngành} \times \text{BVPS của PHS}$$

TT	Mã CK	Tên công ty	Sàn	Doanh thu môi giới (đồng)	BVPS (đồng)	P/B (lần)
1	VFS	CTCP Chứng khoán Nhất Việt	HNX	71.882.954.685	12.380	1,24
2	ABW	CTCP Chứng khoán An Bình	UPCoM	93.586.804.780	15.781	0,75
3	DSC	CTCP Chứng khoán DSC	UPCoM	113.782.816.122	11.007	1,32
4	FTS	CTCP Chứng khoán FPT	HOSE	215.508.563.439	12.756	2,58
5	VDS	CTCP Chứng khoán Rồng Việt	HOSE	215.015.458.964	11.394	1,48
TRUNG VỊ NGÀNH						1,32

Giá cổ phiếu của PHS theo phương pháp P/B được tính như sau:

Chỉ tiêu	Giá trị
Tổng vốn chủ sở hữu (đồng)	2.140.417.230.247
Số lượng cổ phiếu (cổ phiếu)	200.009.819
BVPS (đồng)	10.702
P/B trung vị ngành (lần)	1,32
Giá cổ phiếu theo phương pháp P/B (đồng)	14.126

4.4. Giá giao dịch của PHS:

Căn cứ lịch sử giao dịch của PHS trong vòng 60 phiên gần nhất đến ngày 27/02/2026, giá bình quân của cổ phiếu PHS là 10.833 đồng.

5. Kết quả định giá

Giá trị hợp lý của cổ phiếu PHS được xác định trên cơ sở trung bình có trọng số của ba phương pháp nêu trên, cụ thể như sau:

Phương pháp định giá	Giá mục tiêu	Trọng số
Chỉ số P/E	6.182	25%
Chỉ số P/B	14.126	45%
Giá giao dịch bình quân	10.833	30%
Giá mỗi cổ phiếu (đồng)	10.920	

Căn cứ theo kết quả định giá như trên, giá cổ phiếu bình quân của PHS được định giá ở mức **10.920 đồng/ cổ phiếu.**

6. Kết luận

Trên cơ sở mức giá nêu trên và nhu cầu vốn cấp thiết cho hoạt động kinh doanh của Công ty trong giai đoạn sắp tới, để hấp dẫn nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp và nhà đầu tư chiến lược tham gia đầu tư vào công ty nhằm tăng khả năng thành công của đợt phát hành cũng như tạo động lực giúp PHS đẩy mạnh các hoạt động kinh doanh, cải thiện, nâng cao hệ thống quản trị, phát triển các dịch vụ tài chính, HDQT thông qua mức giá phát hành trong đợt phát hành lần này là **10.000 đồng/cổ phiếu.**



Số.: ..08./2026/TTr-HĐQT

TP. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 4 năm 2026

TỜ TRÌNH
Sửa đổi Điều lệ

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN
CTCP CHỨNG KHOÁN PHÚ HƯNG

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- Căn cứ Luật số 76/2025/QH15 ngày 17 tháng 6 năm 2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật doanh nghiệp;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019 và các quy định điều chỉnh Luật chứng khoán;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và các quy định điều chỉnh Nghị định này.
- Căn cứ Điều lệ hiện hành của Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng.

Để tuân thủ những quy định của pháp luật liên quan đến công ty đại chúng, Điều lệ của Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng ("**PHS**") đã được sửa đổi, bổ sung phù hợp.

Hội Đồng Quản Trị ("**HĐQT**") Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng kính trình Đại Hội Đồng Cổ Đông Thường Niên ("**Đại hội**") thông qua:

1. Sửa đổi và Bổ sung Điều lệ của PHS

Chi tiết toàn bộ nội dung sửa đổi và Điều lệ 2026 được đính kèm tờ trình này.

- 2. Sửa đổi và Bổ sung Điều lệ sau khi tăng vốn điều lệ:** Sau sự kiện tăng vốn điều lệ (nếu được thông qua tại Đại hội), Chủ tịch HĐQT sẽ được ủy quyền ký tên trên bản Điều lệ được sửa đổi và bổ sung phản ánh sự thay đổi này. Ngày ký là ngày Điều lệ sửa đổi chính thức có hiệu lực.

Kính trình Đại hội xem xét và thông qua.



ALBERT KWANG-CHIN TING

BẢNG SO SÁNH
GIỮA ĐIỀU LỆ HIỆN TẠI CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHÚ HƯNG (NGÀY 10/01/2025)
VÀ
ĐIỀU LỆ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHÚ HƯNG (NGÀY 16/04/2026)

ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	ĐIỀU LỆ SỬA ĐỔI BỔ SUNG	CƠ SỞ PHÁP LÝ
<p>CHƯƠNG I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ</p> <p>Điều 1: Định nghĩa</p> <p>Không quy định về vấn đề chủ sở hữu hưởng lợi</p>	<p>CHƯƠNG I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ</p> <p>Điều 1: Định nghĩa</p> <p>Bổ sung định nghĩa: “Chủ sở hữu hưởng lợi của doanh nghiệp có tư cách pháp nhân (sau đây gọi là chủ sở hữu hưởng lợi của doanh nghiệp)” là cá nhân có quyền sở hữu trên thực tế vốn điều lệ hoặc có quyền chi phối đối với doanh nghiệp đó, trừ trường hợp người đại diện chủ sở hữu trực tiếp tại doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và người đại diện phân vốn nhà nước tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên theo quy định của pháp luật về quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp”</p>	<p>Điểm d Khoản 1 Điều 1 Luật số 76/2025/QH15 ngày 17/6/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật doanh nghiệp</p>
<p>CHƯƠNG V. KINH DOANH CHỨNG KHOÁN</p> <p>Điều 12: Quyền và nghĩa vụ của Công ty</p> <p>2. Nghĩa vụ của Công ty</p> <p>Không quy định về vấn đề chủ sở hữu hưởng lợi</p>	<p>CHƯƠNG V. KINH DOANH CHỨNG KHOÁN</p> <p>Điều 12: Quyền và nghĩa vụ của Công ty</p> <p>2. Nghĩa vụ của Công ty</p> <p>Bổ sung quy định: “Thu thập, cập nhật, lưu giữ thông tin về chủ sở hữu hưởng lợi của doanh nghiệp; cung cấp thông tin cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền để xác định chủ sở hữu hưởng lợi của doanh nghiệp khi được yêu cầu;”</p>	<p>Khoản 2 Điều 1 Luật số 76/2025/QH15 ngày 17/6/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật doanh nghiệp</p>

Ghi chú:

Bôi đậm và gạch dưới: Các nội dung được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế trong Điều lệ sửa đổi, bổ sung

Gạch dưới: Các nội dung bị hủy bỏ hoặc thay thế trong Điều lệ hiện hành

<p>CHƯƠNG VII. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG</p> <p>Điều 20: Quyền của cổ đông</p> <p>Phần ii Điểm a Khoản 4</p> <p>Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập bằng văn bản và phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty, căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Kèm theo yêu cầu phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội đồng Quản trị, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền.</p>	<p>CHƯƠNG VII. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG</p> <p>Điều 20: Quyền của cổ đông</p> <p>Phần ii Điểm a Khoản 4</p> <p>Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập bằng văn bản và phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty, căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Kèm theo yêu cầu phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội đồng Quản trị, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền. <u>Cổ đông hoặc nhóm cổ đông chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của các tài liệu, chứng cứ cung cấp cho cơ quan có thẩm quyền khi yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông</u></p>	<p>Khoản 18 Điều 1 Luật số 76/2025/QH15 ngày 17/6/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật doanh nghiệp</p>
<p>Điều 21: Nghĩa vụ của cổ đông</p> <p>Không quy định về vấn đề chủ sở hữu hưởng lợi</p>	<p>Điều 21: Nghĩa vụ của cổ đông</p> <p>Bổ sung quy định:</p> <p>“Chủ sở hữu hưởng lợi của doanh nghiệp cung cấp các thông tin cá nhân theo yêu cầu từ Cơ quan nhà nước có thẩm quyền (nếu cần)”</p>	<p>Luật số 76/2025/QH15 ngày 17/6/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật doanh nghiệp</p>
<p>CHƯƠNG XII. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY</p> <p>Điều 55: Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ</p>	<p>CHƯƠNG XII. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY</p> <p>Điều 55: Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ</p>	<p>Khoản 3 Điều 1 Luật số 76/2025/QH15 ngày 17/6/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật doanh nghiệp</p>

Ghi chú:

Bôi đậm và gạch dưới: Các nội dung được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế trong Điều lệ sửa đổi, bổ sung

Gạch dưới: Các nội dung bị hủy bỏ hoặc thay thế trong Điều lệ hiện hành

<p>4. Công ty phải lưu giữ Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng Quản trị, các báo cáo của Ban Kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này</p>	<p>4. Công ty phải lưu giữ Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng Quản trị, các báo cáo của Ban Kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán, <u>Danh sách chủ sở hữu hưởng lợi của doanh nghiệp (nếu có)</u> và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này</p>	
<p>“Chứng minh nhân dân”</p>	<p>Thay thế toàn bộ cụm từ “Chứng minh nhân dân” thành “thẻ Căn cước”</p>	<p>Luật số 76/2025/QH15 ngày 17/6/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật doanh nghiệp</p>

Ghi chú thực hiện xác định chủ sở hữu hưởng lợi cá nhân: Trường hợp Công ty không có/không xác định được chủ sở hữu hưởng lợi cá nhân theo định nghĩa tại Điều lệ và quy định pháp luật. Công ty thực hiện kê khai đầy đủ thông tin tổ chức chi phối (tên, mã số doanh nghiệp, tỷ lệ sở hữu $\geq 25\%$ hoặc quyền chi phối – theo Điều 18 Nghị định 168/2025/NĐ-CP) để lưu trữ đồng thời ghi chú rõ ràng.

Ghi chú:

Bôi đậm và gạch dưới: Các nội dung được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế trong Điều lệ sửa đổi, bổ sung
Gạch dưới: Các nội dung bị hủy bỏ hoặc thay thế trong Điều lệ hiện hành

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHÚ HÙNG
○○★★○○



ĐIỀU LỆ

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHÚ HÙNG

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 04 năm 2026

MỤC LỤC

CĂN CỨ PHÁP LÝ	5
CHƯƠNG I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ.....	5
Điều 1: Định nghĩa.....	5
CHƯƠNG II. TÊN, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY	6
Điều 2: Tên, trụ sở, chi nhánh, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty	6
CHƯƠNG III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH	8
VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY.....	8
Điều 3: Mục tiêu hoạt động của Công ty	8
Điều 4: Phạm vi kinh doanh và hoạt động	9
Điều 5: Phát hành chứng quyền có bảo đảm.....	9
CHƯƠNG IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP.....	9
Điều 6: Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập.....	9
Điều 7: Chứng chỉ cổ phiếu	10
Điều 8: Chứng chỉ chứng khoán khác.....	11
Điều 9: Chuyển nhượng cổ phần.....	11
Điều 10: Thu hồi cổ phần (đối với trường hợp đăng ký thành lập Công ty).....	11
CHƯƠNG V. KINH DOANH CHỨNG KHOÁN.....	12
Điều 11: Nguyên tắc kinh doanh chứng khoán.....	12
Điều 12: Quyền và nghĩa vụ của Công ty	13
Điều 13: Các quy định cấm và hạn chế.....	14
Điều 14: Các quy định về kiểm soát nội bộ	16
Điều 15: Các quy định về bảo mật thông tin.....	16
Điều 16: Quy tắc đạo đức nghề nghiệp.....	16
Điều 17: Cách thức tăng, giảm vốn điều lệ.....	16
Điều 18: Chào bán cổ phần	17
CHƯƠNG VI. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT.....	17
Điều 19: Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát	17
CHƯƠNG VII. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG.....	17
Điều 20: Quyền của cổ đông.....	17
Điều 21: Nghĩa vụ của cổ đông.....	20
Điều 22: Đại hội đồng cổ đông	20
Điều 23: Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông	22
Điều 24: Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông	24

Điều 25:	Thay đổi các quyền	24
Điều 26:	Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp, và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông	25
Điều 27:	Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông	26
Điều 28:	Thế thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.....	27
Điều 29:	Thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	29
Điều 30:	Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông để thông qua nghị quyết	30
Điều 31:	Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.....	32
Điều 32:	Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông	33
CHƯƠNG VIII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ		33
Điều 33:	Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng Quản trị.....	33
Điều 34:	Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng Quản trị.....	35
Điều 35:	Chủ tịch Hội đồng Quản trị.....	38
Điều 36:	Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng Quản trị	40
Điều 37:	Thành viên Hội đồng Quản trị thay thế.....	41
Điều 38:	Miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng Quản trị	41
Điều 39:	Thành viên độc lập Hội đồng Quản trị.....	42
Điều 40:	Các cuộc họp của Hội đồng Quản trị và biên bản cuộc họp	42
Điều 41:	Bộ phận Kiểm toán nội bộ và Quản trị rủi ro của Hội đồng Quản trị	45
CHƯƠNG IX. BAN TỔNG GIÁM ĐỐC, TỔNG GIÁM ĐỐC,.....		46
CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC VÀ THƯ KÝ CÔNG TY		46
Điều 42:	Tổ chức bộ máy quản lý.....	46
Điều 43:	Thành phần, nghĩa vụ và quyền hạn của Ban Tổng Giám đốc.....	47
Điều 44:	Cán bộ quản lý (người quản lý khác của Công ty).....	48
Điều 45:	Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc	48
Điều 46:	Thư ký Công ty và người phụ trách quản trị Công ty	50
Điều 47:	Bộ phận Kiểm soát nội bộ và Quản trị rủi ro trực thuộc Ban Tổng Giám đốc	51
CHƯƠNG X. NHIỆM VỤ CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ,		52
KIỂM SOÁT VIÊN,.....		52
TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ		52
Điều 48:	Trách nhiệm cần trọng của Thành viên Hội đồng Quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý.....	52
Điều 49:	Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi.....	52
Điều 50:	Chấp thuận hợp đồng, giao dịch giữa công ty với người có liên quan	54
Điều 51:	Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường	54

CHƯƠNG XI. BAN KIỂM SOÁT.....	55
Điều 52: Kiểm soát viên.....	55
Điều 53: Ban Kiểm soát.....	55
Điều 54: Tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên.....	57
CHƯƠNG XII. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY.....	58
Điều 55: Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ.....	58
CHƯƠNG XIII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN.....	58
Điều 56: Công nhân viên và công đoàn.....	59
CHƯƠNG XIV. PHÂN CHIA LỢI NHUẬN.....	59
Điều 57: Cổ tức.....	59
CHƯƠNG XV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN.....	60
Điều 58: Tài khoản ngân hàng.....	60
Điều 59: Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ.....	60
Điều 60: Năm tài chính.....	60
Điều 61: Hệ thống kế toán.....	60
CHƯƠNG XVI. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG.....	60
Điều 62: Báo cáo hàng năm, sáu tháng và hàng quý.....	60
Điều 63: Công bố thông tin và thông báo ra công chúng.....	61
CHƯƠNG XVII. KIỂM TOÁN CÔNG TY.....	61
Điều 64: Kiểm toán.....	61
CHƯƠNG XVIII. CON DẤU.....	62
Điều 65: Con dấu.....	62
CHƯƠNG XIX. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG.....	62
Điều 66: Chấm dứt hoạt động.....	62
Điều 67: Gia hạn hoạt động.....	62
Điều 68: Thanh lý.....	63
Điều 69: Phá sản.....	63
CHƯƠNG XX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ.....	63
Điều 70: Giải quyết tranh chấp nội bộ.....	63
CHƯƠNG XXI. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ.....	64
Điều 71: Bổ sung và sửa đổi Điều lệ.....	64
CHƯƠNG XXII. NGÀY HIỆU LỰC.....	64
Điều 72: Ngày hiệu lực.....	64

CĂN CỨ PHÁP LÝ

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020 (“**Luật Doanh nghiệp**”);
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019 (“**Luật Chứng khoán**”);
- Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Thông tư 121/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về hoạt động công ty chứng khoán.

CHƯƠNG I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1: Định nghĩa

- Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây sẽ được hiểu như sau:
 - “Công ty” là Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng.
 - “Vốn điều lệ” là tổng giá trị mệnh giá số cổ phần đã phát hành mà các cổ đông đã thanh toán đủ và được ghi tại Điều 6 của Điều lệ này.
 - “Vốn có quyền biểu quyết” là vốn cổ phần, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - “Điều khoản” là một điều khoản của Điều lệ này.
 - “Pháp luật” là tất cả văn bản quy phạm pháp luật quy định tại Điều 4 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 22 tháng 06 năm 2015 và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có).
 - "Ngày thành lập" là ngày Công ty được cấp Giấy phép thành lập và hoạt động lần đầu.
 - "Người điều hành Công ty" là Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác trong Công ty được Hội đồng Quản trị phê chuẩn.
 - “Người quản lý Công ty” là người quản lý Công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng Quản trị, thành viên Hội đồng Quản trị, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và cá nhân giữ chức danh quản lý khác được Hội đồng Quản trị phê chuẩn.
 - "Người có liên quan" là Cá nhân hoặc tổ chức được quy định của tại khoản 23 Điều 4 Luật Doanh nghiệp và khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán.
 - “Cổ đông lớn” là cổ đông sở hữu từ 05% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty.

- k. “Thời hạn hoạt động” là thời hạn hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 của Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua bằng nghị quyết.
- l. “Giấy tờ pháp lý của cá nhân” là một trong các loại giấy tờ sau đây: thẻ Căn cước, thẻ Căn cước công dân, Hộ chiếu, giấy tờ chứng thực cá nhân hợp pháp khác.
- m. “Giấy tờ pháp lý của tổ chức” là một trong các loại giấy tờ sau đây: Quyết định thành lập, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, tài liệu tương đương khác.
- n. “Việt Nam” là nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.
- o. “UBCK” là Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.
- p. “Sở Giao dịch chứng khoán” là Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con.
- q. “VSDC” là Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam.
- r. “Biểu quyết tại cuộc họp” là việc Cổ đông:
- Biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
 - Ủy quyền cho cá nhân/tổ chức khác biểu quyết tại cuộc họp;
 - Biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác.
- s. “Biểu quyết thông qua bỏ phiếu điện tử” là việc Cổ đông, người đại diện Cổ đông thực hiện biểu quyết theo hình thức điện tử thông qua hệ thống bỏ phiếu điện tử của VSDC.
- t. “Chủ sở hữu hưởng lợi của doanh nghiệp có tư cách pháp nhân (sau đây gọi là chủ sở hữu hưởng lợi của doanh nghiệp)” là cá nhân có quyền sở hữu trên thực tế vốn điều lệ hoặc có quyền chi phối đối với doanh nghiệp đó, trừ trường hợp người đại diện chủ sở hữu trực tiếp tại doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và người đại diện phần vốn nhà nước tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên theo quy định của pháp luật về quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp

2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác sẽ bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế chúng.
3. Các tiêu đề (chương, điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này;
4. Các từ hoặc thuật ngữ đã được định nghĩa trong Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán (nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh) sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ này.

CHƯƠNG II. TÊN, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

Điều 2: Tên, trụ sở, chi nhánh, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty

1. Tên Công ty

- a. Tên tiếng Việt : Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng
 - b. Tên tiếng Anh : Phu Hung Securities Corporation
 - c. Tên giao dịch : Chứng khoán Phú Hưng
 - d. Tên viết tắt : PHS
2. Hình thức pháp lý: Công ty là Công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.
3. Trụ sở đăng ký của Công ty:
- a. Địa chỉ trụ sở chính : Tầng 21, Phú Mỹ Hưng Tower, 08 Hoàng Văn Thái, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh
 - b. Điện thoại : (+84 28) 5413 5479
 - c. Fax : (+84 28) 5413 5472
 - d. Website : www.phs.vn
4. Người đại diện theo pháp luật của Công ty là hai (02) cá nhân có tên bên dưới đại diện cho Công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của Công ty, đại diện cho Công ty với tư cách nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án và các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Đại diện theo pháp luật của Công ty gồm có:

- a. Người đại diện theo pháp luật thứ nhất: Ông Albert Kwang-Chin Ting.

Chức danh: Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Người đại diện theo pháp luật thứ nhất có các quyền theo quy định tại Điều lệ của Công ty và theo quy định của pháp luật hiện hành. Người đại diện theo pháp luật thứ nhất có quyền đại diện Công ty trong tất cả giao dịch và được quyền ký kết trên tất cả các văn bản đại diện Công ty và các văn bản khác thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

Người đại diện theo pháp luật thứ nhất có nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của Công ty, đại diện cho Công ty với tư cách nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án và nghĩa vụ khác thuộc trách nhiệm của Chủ tịch Hội đồng Quản trị theo quy định của Điều lệ và pháp luật.

- b. Người đại diện theo pháp luật thứ hai: Tổng Giám đốc

Người đại diện theo pháp luật thứ hai có các quyền theo quy định tại Điều lệ của Công ty và theo quy định của pháp luật hiện hành. Người đại diện theo pháp luật thứ hai có quyền đại diện Công ty trong tất cả giao dịch và được quyền ký kết trên tất cả các văn bản đại diện Công ty và các văn bản khác thuộc thẩm quyền của Tổng Giám đốc, không bao gồm các quyền sau đây:

- i. Ký trên Điều lệ của Công ty.

- ii. Ký trên sổ chứng nhận cổ đông hoặc chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.
- iii. Ký trên các chứng từ thay mặt chủ sở hữu tài khoản ngân hàng của Công ty (trừ trường hợp được chủ sở hữu tài khoản ngân hàng đồng ý bằng văn bản cụ thể).

Người đại diện theo pháp luật thứ hai có các nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của Công ty, đại diện cho Công ty với tư cách nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án và nghĩa vụ khác thuộc trách nhiệm của Tổng Giám đốc theo quy định của Điều lệ và pháp luật.

- c. Người đại diện theo pháp luật đăng ký chịu trách nhiệm cung cấp tài liệu và làm việc với Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước là Tổng Giám đốc. Chủ tịch Hội đồng Quản trị bảo lưu quyền cung cấp tài liệu và làm việc với UBCK khi Tổng Giám đốc vắng mặt tại Việt Nam.
- d. Mọi quan hệ ràng buộc giữa các đại diện theo pháp luật:

Các đại diện theo pháp luật của Công ty có trách nhiệm giữ mối quan hệ chặt chẽ và phối hợp cùng nhau điều hành và quản lý tất cả các công việc, giao dịch và dự án của Công ty. Người đại diện theo pháp luật thứ hai có trách nhiệm thông tin đến người đại diện theo pháp luật thứ nhất về nội dung của các tài liệu, giao dịch, tranh chấp ... ảnh hưởng đáng kể đến quyền và nghĩa vụ của Công ty.

- e. Cơ chế chuyển giao quyền và nghĩa vụ giữa những người đại diện theo pháp luật trong trường hợp người đại diện theo pháp luật vắng mặt tại Việt Nam, từ chức, bị miễn nhiệm, trốn khỏi nơi cư trú, bị tạm giam, phạt tù, bị mất hoặc hạn chế năng lực hành vi hoặc bị tước quyền hành nghề:
 - i. Trường hợp người đại diện theo pháp luật thứ nhất là Chủ tịch Hội đồng Quản trị rơi vào trường hợp nêu trên thì Tổng Giám đốc sẽ thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng Quản trị.
 - ii. Trường hợp người đại diện theo pháp luật thứ hai là Tổng Giám đốc rơi vào trường hợp nêu trên thì Chủ tịch Hội đồng Quản trị sẽ thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc.

5. Công ty có thể thành lập, thay đổi, đóng cửa chi nhánh, phòng giao dịch và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với nghị quyết của Hội đồng Quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.
6. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo Điều 66 của Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty sẽ bắt đầu từ ngày thành lập và là vô thời hạn.

CHƯƠNG III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 3: Mục tiêu hoạt động của Công ty

Mục tiêu hoạt động của Công ty là: không ngừng tìm kiếm các cơ hội phát triển kinh doanh chứng khoán nhằm tối đa hóa lợi nhuận cho Cổ đông của Công ty, cải thiện điều kiện làm việc và nâng cao thu nhập cho người lao động, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với ngân sách nhà nước và phát triển Công ty ngày càng lớn mạnh, bền vững.

Điều 4: Phạm vi kinh doanh và hoạt động

1. Ngành, nghề kinh doanh của Công ty là:
 - a. Môi giới chứng khoán;
 - b. Tự doanh chứng khoán;
 - c. Tư vấn đầu tư chứng khoán, tư vấn tài chính và các dịch vụ tài chính khác;
 - d. Bảo lãnh phát hành chứng khoán;
 - e. Kinh doanh chứng khoán phái sinh bao gồm tự doanh, môi giới và tư vấn chứng khoán phái sinh;
 - f. Cung cấp dịch vụ bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán phái sinh.
2. Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo quy định của Giấy phép thành lập và hoạt động và Điều lệ này phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.
3. Ngoài các nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán quy định tại khoản 1 Điều này, Công ty được cung cấp dịch vụ lưu ký chứng khoán, tư vấn tài chính, nhận ủy thác quản lý tài khoản giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư và các dịch vụ tài chính khác theo quy định của Bộ Tài chính. Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các lĩnh vực khác được pháp luật cho phép và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Điều 5: Phát hành chứng quyền có bảo đảm

1. Căn cứ quy định của pháp luật và chấp thuận của UBCK, Công ty sẽ phát hành chứng quyền có bảo đảm và thực hiện tất cả các nghiệp vụ liên quan đến chứng quyền có bảo đảm.
2. Chứng quyền có bảo đảm là chứng khoán có tài sản bảo đảm do Công ty phát hành, cho phép người sở hữu được quyền mua (chứng quyền mua) hoặc được quyền bán (chứng quyền bán) chứng khoán cơ sở cho Công ty theo một mức giá đã được xác định trước, tại hoặc trước một thời điểm đã được ấn định, hoặc cho phép người sở hữu được nhận khoản tiền chênh lệch giữa giá thực hiện và giá chứng khoán cơ sở tại thời điểm thực hiện.
3. Người sở hữu chứng quyền là chủ nợ có bảo đảm một phần của Công ty (không bao gồm lượng chứng quyền chưa lưu hành). Bên cạnh đó, người sở hữu chứng quyền có các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật, bản cáo bạch khi chào bán chứng quyền, bao gồm nhưng không giới hạn trong các quyền nhận thanh toán bằng tiền hoặc chuyển giao chứng khoán cơ sở, chuyển nhượng, tặng cho, để lại thừa kế, cầm cố, thế chấp, v.v.

CHƯƠNG IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Điều 6: Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập

1. Vốn điều lệ của Công ty là 2.000.098.190.000 VND (Hai nghìn tỷ không trăm chín mươi tám triệu một trăm chín mươi nghìn đồng).

Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 200.009.819 (bằng chữ: hai trăm triệu không trăm linh chín nghìn tám trăm mười chín) cổ phần với mệnh giá là 10.000 (bằng chữ: mười nghìn) đồng Việt Nam.

2. Công ty có thể tăng vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.
3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này là cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông phổ thông được quy định tại Điều 20 và Điều 21 của Điều lệ này.
4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.
5. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quy định khác. Công ty phải thông báo việc chào bán cổ phần, trong thông báo phải nêu rõ số cổ phần được chào bán và thời hạn đăng ký mua phù hợp (tối thiểu hai mươi ngày làm việc) để cổ đông có thể đăng ký mua. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng Quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng Quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng Quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông chấp thuận khác hoặc trong trường hợp cổ phần được bán qua Sở Giao dịch Chứng khoán.
6. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành (kể cả cổ phần ưu đãi hoàn lại) theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành. Cổ phần phổ thông do Công ty mua lại là cổ phiếu quỹ và Hội đồng Quản trị có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với quy định của Điều lệ này và các quy định pháp luật khác có liên quan.
7. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua bằng văn bản và phù hợp với quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 7: Chứng chỉ cổ phiếu

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng chỉ hoặc chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu, trừ trường hợp quy định tại khoản 7 của Điều này. Chứng chỉ cổ phiếu được phát hành theo hình thức bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử.
2. Chứng chỉ cổ phiếu phải có dấu của Công ty và chữ ký của đại diện theo pháp luật của Công ty theo các quy định tại Luật Doanh nghiệp. Chứng chỉ cổ phiếu phải ghi rõ số lượng và loại cổ phần mà cổ đông nắm giữ, họ và tên người nắm giữ (nếu là cổ phiếu ghi danh) và các thông tin khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp. Mỗi chứng chỉ cổ phiếu ghi danh chỉ đại diện cho một loại cổ phần.
3. Trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn hai tháng (hoặc có thể lâu hơn theo điều khoản phát hành quy định) kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu số cổ phần sẽ được cấp chứng chỉ cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng chỉ cổ phiếu hoặc bất kỳ một khoản phí gì.
4. Trường hợp chỉ chuyển nhượng một số cổ phần ghi danh trong một chứng chỉ cổ phiếu ghi danh, chứng chỉ cũ sẽ bị huỷ bỏ và chứng chỉ mới ghi nhận số cổ phần còn lại sẽ được cấp miễn phí.
 - a. Trường hợp chứng chỉ cổ phiếu ghi danh bị hỏng hoặc bị tẩy xoá hoặc bị đánh mất, mất cắp hoặc bị tiêu huỷ, người sở hữu cổ phiếu ghi danh đó có thể yêu cầu được cấp chứng chỉ cổ phiếu mới với điều kiện phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu cổ phần và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty.

5. Người sở hữu chứng chỉ cổ phiếu vô danh phải tự chịu trách nhiệm về việc bảo quản chứng chỉ và Công ty sẽ không chịu trách nhiệm trong các trường hợp chứng chỉ này bị mất cắp hoặc bị sử dụng với mục đích lừa đảo.
6. Công ty có thể phát hành cổ phần ghi danh không theo hình thức chứng chỉ. Hội đồng Quản trị có thể ban hành văn bản quy định cho phép các cổ phần ghi danh (theo hình thức chứng chỉ hoặc không chứng chỉ) được chuyển nhượng mà không bắt buộc phải có văn bản chuyển nhượng. Hội đồng Quản trị có thể ban hành các quy định về chứng chỉ và chuyển nhượng cổ phần theo các quy định của Luật doanh nghiệp, pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán và Điều lệ này.

Điều 8: Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc các chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty (trừ các thư chào bán, các chứng chỉ tạm thời và các tài liệu tương tự), sẽ được phát hành có dấu và chữ ký mẫu của đại diện theo pháp luật của Công ty, trừ trường hợp mà các điều khoản và điều kiện phát hành quy định khác.

Điều 9: Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần đều có thể được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán sẽ được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán.
3. Tổ chức nước ngoài đáp ứng điều kiện quy định tại khoản 2 Điều 77 Luật Chứng khoán và người có liên quan được sở hữu đến 100% vốn điều lệ của Công ty. Trường hợp không đáp ứng quy định đã nêu, tổ chức nước ngoài và người có liên quan chỉ được sở hữu đến 49% vốn điều lệ của Công ty.
4. Nhà đầu tư nước ngoài là cá nhân và người có liên quan chỉ được sở hữu đến 49% vốn điều lệ của Công ty.
5. Giao dịch làm thay đổi quyền sở hữu cổ phần hoặc phần vốn góp chiếm từ 10% trở lên vốn Điều lệ đã góp, giao dịch dẫn tới tỷ lệ sở hữu của cổ đông vượt qua hoặc xuống dưới các mức sở hữu 10%, 25%, 50%, 75% vốn Điều lệ đã góp của Công ty phải được UBCK chấp thuận, trừ trường hợp cổ phiếu của Công ty được niêm yết, đăng ký giao dịch tại Sở Giao dịch chứng khoán và chuyển nhượng theo quyết định của Tòa án.

Điều 10: Thu hồi cổ phần (đối với trường hợp đăng ký thành lập Công ty)

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả mua cổ phiếu, Hội đồng Quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại cùng với lãi suất trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho Công ty theo quy định.
2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là bảy ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.
3. Trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện, trước khi thanh toán đầy đủ tất cả các khoản phải nộp, các khoản lãi và các chi phí liên quan, Hội đồng Quản trị có quyền thu hồi số cổ phần đó. Hội đồng Quản trị có thể chấp nhận việc giao nộp các cổ phần bị thu hồi theo quy định tại các Khoản 4, 5 và 6 và trong các trường hợp khác được quy định tại Điều lệ này.

4. Cổ phần bị thu hồi sẽ trở thành tài sản của Công ty. Hội đồng Quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối hoặc giải quyết cho người đã sở hữu cổ phần bị thu hồi hoặc các đối tượng khác theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng Quản trị thấy phù hợp.
5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi sẽ phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải thanh toán tất cả các khoản tiền có liên quan cộng với tiền lãi theo tỷ lệ (không quá 18% một năm) vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng Quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng Quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi hoặc có thể miễn giảm thanh toán một phần hoặc toàn bộ số tiền đó.
6. Thông báo thu hồi sẽ được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

CHƯƠNG V. KINH DOANH CHỨNG KHOÁN

Điều 11: Nguyên tắc kinh doanh chứng khoán

1. Tuân thủ pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán và các pháp luật khác;
2. Tuân thủ đạo đức nghề nghiệp;
3. Liêm trực và thực hiện hoạt động kinh doanh một cách công bằng;
4. Hoàn thành nghĩa vụ của mình với khách hàng một cách tốt nhất;
5. Đảm bảo nguồn lực về con người, vốn và cơ sở vật chất cần thiết khác để thực hiện hoạt động kinh doanh chứng khoán và ban hành bằng văn bản các quy trình thực hiện nghiệp vụ kinh doanh phù hợp;
6. Chỉ được đưa ra lời tư vấn phù hợp với khách hàng trên cơ sở nỗ lực thu thập thông tin về khách hàng;
7. Phải cung cấp cho khách hàng thông tin cần thiết cho việc ra quyết định đầu tư của khách hàng;
8. Phải thận trọng không được tạo ra xung đột lợi ích với khách hàng. Trong trường hợp không thể tránh được, Công ty phải thông báo trước cho khách hàng và/hoặc áp dụng các biện pháp cần thiết để đảm bảo đối xử công bằng với khách hàng;
9. Tách biệt về văn phòng làm việc, nhân sự, hệ thống dữ liệu, báo cáo giữa các bộ phận nghiệp vụ để đảm bảo tránh xung đột lợi ích giữa Công ty với khách hàng, giữa khách hàng với nhau. Công ty phải công bố cho khách hàng biết trước về những xung đột lợi ích có thể phát sinh giữa Công ty, người hành nghề và khách hàng.
10. Bố trí người hành nghề chứng khoán phù hợp với nghiệp vụ hoạt động kinh doanh. Người hành nghề chứng khoán thực hiện nghiệp vụ tự doanh chứng khoán không được đồng thời thực hiện nghiệp vụ môi giới chứng khoán.
11. Dự báo giá hoặc khuyến nghị giao dịch liên quan đến một loại chứng khoán cụ thể trên các phương tiện truyền thông phải ghi rõ cơ sở phân tích và nguồn trích dẫn thông tin.
12. Ban hành và áp dụng các quy trình nghiệp vụ trong Công ty phù hợp với quy định của Luật Chứng khoán và các văn bản pháp luật liên quan.

Điều 12: Quyền và nghĩa vụ của Công ty

1. Quyền của Công ty
 - a. Ký hợp đồng bằng văn bản với khách hàng về giao dịch chứng khoán, đăng ký và lưu ký chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán và tư vấn tài chính;
 - b. Thực hiện thu phí theo các mức phí, lệ phí do Bộ Tài chính quy định;
 - c. Ưu tiên sử dụng lao động trong nước, bảo đảm quyền và lợi ích của người lao động theo quy định của Luật lao động, tôn trọng quyền tổ chức công đoàn theo quy định của pháp luật;
 - d. Các quyền khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật.
2. Nghĩa vụ của Công ty
 - a. Thiết lập hệ thống kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro và giám sát, ngăn ngừa những xung đột lợi ích trong nội bộ Công ty và trong giao dịch với người có liên quan;
 - b. Quản lý tách biệt chứng khoán của từng nhà đầu tư, tách biệt tiền và chứng khoán của nhà đầu tư với tiền và chứng khoán của Công ty chứng khoán;
 - c. Ký hợp đồng bằng văn bản với khách hàng khi cung cấp dịch vụ cho khách hàng; cung cấp đầy đủ, trung thực thông tin cho khách hàng;
 - d. Ưu tiên thực hiện lệnh của khách hàng trước lệnh của Công ty;
 - e. Thu thập, tìm hiểu thông tin về tình hình tài chính, mục tiêu đầu tư, khả năng chấp nhận rủi ro của khách hàng; bảo đảm các khuyến nghị, tư vấn đầu tư của Công ty cho khách hàng phải phù hợp với khách hàng đó;
 - f. Tuân thủ các quy định bảo đảm vốn khả dụng theo quy định của Bộ Tài chính;
 - g. Mua bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp cho nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán tại Công ty hoặc trích lập quỹ bảo vệ nhà đầu tư để bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư do sự cố kỹ thuật và sơ suất của nhân viên trong Công ty;
 - h. Lưu giữ đầy đủ các chứng từ và tài khoản phản ánh chi tiết, chính xác các giao dịch của khách hàng và của Công ty;
 - i. Thực hiện việc bán hoặc cho khách hàng bán chứng khoán khi không sở hữu chứng khoán và cho khách hàng vay chứng khoán để bán theo quy định của Bộ Tài chính;
 - j. Tuân thủ các quy định của Bộ Tài chính về nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán;
 - k. Thực hiện chế độ kế toán, kiểm toán, thống kê, nghĩa vụ tài chính theo quy định của pháp luật;
 - l. Thực hiện công bố thông tin và chế độ báo cáo theo quy định của Bộ Tài chính;
 - m. Tuân thủ các nguyên tắc về quản trị Công ty theo Điều 41 Luật Chứng khoán;
 - n. Đóng góp quỹ hỗ trợ thanh toán theo quy định tại Quy chế về đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán chứng khoán;

- o. Thực hiện việc cho khách hàng vay tiền để mua chứng khoán theo quy định của Bộ Tài chính;
- p. Phân định rõ trách nhiệm giữa Đại hội đồng cổ đông với Hội đồng Quản trị, Chủ tịch Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát để quản lý phù hợp với quy định của pháp luật;
- q. Thiết lập hệ thống thông tin liên lạc với các cổ đông để đảm bảo cung cấp thông tin đầy đủ và đối xử công bằng giữa các cổ đông, đảm bảo các quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông;
- r. Thu thập, cập nhật, lưu giữ thông tin về chủ sở hữu hưởng lợi của doanh nghiệp; cung cấp thông tin cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền để xác định chủ sở hữu hưởng lợi của doanh nghiệp khi được yêu cầu;
- s. Không được thực hiện các hành vi sau:
 - i. Cam kết về thu nhập, lợi nhuận cho các cổ đông (trừ trường hợp đối với cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi cổ tức cố định);
 - ii. Nắm giữ bất hợp pháp các lợi ích, thu nhập từ cổ phần của các cổ đông;
 - iii. Cung cấp tài chính hoặc bảo lãnh cho các cổ đông một cách trực tiếp hoặc gián tiếp; cho vay dưới mọi hình thức đối với các cổ đông lớn, Kiểm soát viên, thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Tổng Giám đốc, kế toán trưởng, các chức danh quản lý khác do Hội đồng Quản trị bổ nhiệm và người có liên quan của những đối tượng này;
 - iv. Tạo thu nhập cho cổ đông bằng cách mua lại cổ phiếu của các cổ đông dưới các hình thức không phù hợp với quy định của pháp luật;
 - v. Xâm phạm đến các quyền của cổ đông như: quyền sở hữu, quyền chọn, quyền giao dịch công bằng, quyền được cung cấp thông tin, các quyền và lợi ích hợp pháp khác.
- t. Sổ đăng ký cổ đông
 - i. Công ty phải lập và lưu giữ sổ đăng ký cổ đông ngay khi được cấp Giấy phép thành lập và hoạt động.
 - ii. Sổ đăng ký cổ đông phải có các nội dung chủ yếu theo quy định của Luật Doanh nghiệp.
 - iii. Hình thức của sổ đăng ký cổ đông: lưu giữ ở dạng văn bản và tệp dữ liệu điện tử.
 - iv. Sổ đăng ký cổ đông được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
 - v. Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải chịu trách nhiệm trong việc xác nhận đăng ký cổ phần cho cổ đông một cách đầy đủ, kịp thời. Đồng thời, chịu trách nhiệm lưu giữ sổ đăng ký và đảm bảo tính chính xác của sổ đăng ký, tránh mọi tổn hại gây ra cho cổ đông hoặc bên thứ ba do nghĩa vụ nói trên không được thực hiện.

Điều 13: Các quy định cấm và hạn chế

- 1. Quy định đối với Công ty
 - a. Không được đưa ra nhận định hoặc bảo đảm với khách hàng về mức thu nhập hoặc lợi nhuận đạt được trên khoản đầu tư của mình hoặc bảo đảm khách hàng không bị thua lỗ, ngoại trừ đầu tư vào chứng khoán có thu nhập cố định;

- b. Không được tiết lộ thông tin về khách hàng trừ khi được khách hàng đồng ý hoặc theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền;
 - c. Không được thực hiện những hành vi làm cho khách hàng và nhà đầu tư hiểu nhầm về giá chứng khoán;
 - d. Không được thỏa thuận hoặc đưa ra lãi suất cụ thể hoặc chia sẻ lợi nhuận/thua lỗ với khách hàng để lôi kéo khách hàng tham gia giao dịch;
 - e. Không được trực tiếp hoặc gián tiếp thiết lập các địa điểm giao dịch khác ngoài các địa điểm giao dịch đã được UBCK chấp thuận để ký hợp đồng, nhận lệnh, thực hiện lệnh giao dịch chứng khoán hoặc thanh toán giao dịch chứng khoán với khách hàng;
 - f. Không nhận lệnh, thanh toán giao dịch với người khác không phải là người đứng tên tài khoản giao dịch mà không có ủy quyền của khách hàng bằng văn bản;
 - g. Không sử dụng tên hoặc tài khoản của khách hàng để đăng ký, giao dịch chứng khoán;
 - h. Không chiếm dụng chứng khoán, tiền hoặc tạm giữ chứng khoán của khách hàng theo hình thức lưu ký dưới tên Công ty;
 - i. Hợp đồng mở tài khoản giao dịch chứng khoán không được chứa đựng những thoả thuận nhằm trốn tránh nghĩa vụ pháp lý của Công ty; hạn chế phạm vi bồi thường của Công ty hoặc chuyển rủi ro từ Công ty sang khách hàng; buộc khách hàng thực hiện nghĩa vụ bồi thường một cách không công bằng và các thoả thuận gây bất lợi một cách không công bằng cho khách hàng.
2. Quy định đối với người hành nghề chứng khoán của Công ty:
- a. Không được đồng thời làm việc cho tổ chức khác có quan hệ sở hữu với Công ty chứng khoán nơi mình đang làm việc;
 - b. Không được đồng thời làm việc cho Công ty chứng khoán, Công ty quản lý quỹ khác;
 - c. Không được đồng thời làm Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc của một tổ chức chào bán chứng khoán ra công chúng hoặc tổ chức niêm yết;
 - d. Chỉ được mở tài khoản giao dịch chứng khoán cho mình tại chính Công ty;
 - e. Khi thực hiện các hoạt động giao dịch trên tài khoản khách hàng, người hành nghề chứng khoán là đại diện cho Công ty và thực hiện với tư cách Công ty. Không được sử dụng tiền, chứng khoán trên tài khoản của khách hàng khi không được Công ty ủy quyền theo sự ủy thác của khách hàng cho Công ty bằng văn bản.
3. Quy định đối với Hội đồng Quản trị, Trưởng Ban Kiểm soát, thành viên Ban Tổng Giám đốc của Công ty:
- a. Thành viên Hội đồng Quản trị của Công ty không được đồng thời là thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc của Công ty chứng khoán khác;
 - b. Trưởng Ban Kiểm soát không được đồng thời là Kiểm soát viên, người quản lý của Công ty chứng khoán khác;
 - c. Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc không được đồng thời làm việc cho Công ty chứng khoán, Công ty quản lý quỹ. Tổng Giám đốc không được là thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên

Hội đồng thành viên của Công ty chứng khoán khác.

Điều 14: Các quy định về kiểm soát nội bộ

1. Quy trình kiểm soát nội bộ được lập chính thức bằng văn bản và được công bố trong nội bộ Công ty.
2. Mọi nhân viên của Công ty đều phải tuân thủ quy định về kiểm soát nội bộ.
3. Định kỳ Công ty tiến hành kiểm tra và hoàn thiện các biện pháp kiểm soát nội bộ.
4. Bộ phận kiểm soát nội bộ chịu trách nhiệm đảm bảo hệ thống kiểm soát nội bộ được tuân thủ, định kỳ báo cáo kết quả lên Hội đồng Quản trị hoặc Tổng Giám đốc Công ty để hoàn thiện các biện pháp kiểm soát nội bộ.

Điều 15: Các quy định về bảo mật thông tin

1. Công ty phải có trách nhiệm bảo mật các thông tin liên quan đến sở hữu chứng khoán và tiền của khách hàng, từ chối việc điều tra, phong tỏa, cầm giữ, trích chuyển tài sản của khách hàng mà không có sự đồng ý của khách hàng.
2. Quy định tại khoản 1 Điều này không áp dụng trong các trường hợp sau đây:
 - a. Kiểm toán viên thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty;
 - b. Khách hàng của Công ty muốn biết thông tin liên quan đến sở hữu chứng khoán và tiền của chính mình;
 - c. Cung cấp thông tin theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Điều 16: Quy tắc đạo đức nghề nghiệp

1. Bộ quy tắc đạo đức nghề nghiệp do Hiệp hội kinh doanh chứng khoán ban hành dưới hình thức văn bản phải được công bố rộng rãi trong Công ty. Công ty phải xây dựng nội quy của Công ty, chi tiết hoá nội dung của bộ quy tắc đạo đức nghề nghiệp này.
2. Mọi nhân viên của Công ty đều phải tuân thủ nghiêm ngặt bộ quy tắc này.
3. Bộ phận kiểm soát nội bộ có trách nhiệm giám sát việc tuân thủ quy tắc đạo đức nghề nghiệp của lãnh đạo và nhân viên Công ty.

Điều 17: Cách thức tăng, giảm vốn điều lệ

1. Việc tăng, giảm vốn điều lệ của Công ty phải được thực hiện phù hợp với quy định pháp luật.
2. Công ty có thể tăng vốn Điều lệ thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước khi:
 - a. Công ty có nhu cầu mở rộng quy mô hoạt động sản xuất kinh doanh; hoặc
 - b. Công ty bị giảm vốn hoạt động kinh doanh chứng khoán hiện thời và phương án huy động vốn từ các nguồn bên ngoài không thực hiện được.
3. Vốn điều lệ của Công ty được điều chỉnh tăng trong các trường hợp sau:

- a. Phát hành cổ phiếu mới để huy động thêm vốn theo quy định của pháp luật;
 - b. Chuyển đổi trái phiếu đã phát hành thành cổ phần;
 - c. Thực hiện trả cổ tức bằng cổ phiếu;
 - d. Kết chuyển nguồn thặng dư vốn để bổ sung tăng vốn điều lệ;
 - e. Chuyển nợ thành vốn góp theo thỏa thuận giữa Công ty và chủ nợ.
4. Việc giảm vốn điều lệ Công ty do Đại hội đồng cổ đông quyết định nhưng vẫn phải đảm bảo điều kiện vốn pháp định theo quy định hiện hành.

Điều 18: Chào bán cổ phần

1. Công ty được chào bán cổ phiếu ra công chúng khi đáp ứng các điều kiện chào bán cổ phiếu theo quy định tại Luật Chứng khoán;
2. Công ty phải đăng ký với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước khi thực hiện chào bán cổ phiếu ra công chúng;
3. Phương thức, thủ tục chào bán cổ phiếu ra công chúng được thực hiện theo quy định về chào bán chứng khoán ra công chúng của Luật Chứng khoán.

CHƯƠNG VI. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 19: Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông;
2. Hội đồng Quản trị;
3. Ban Tổng Giám đốc;
4. Ban Kiểm soát;
5. Kiểm toán nội bộ trực thuộc Hội đồng quản trị.

CHƯƠNG VII. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 20: Quyền của cổ đông

1. Cổ đông là người chủ sở hữu Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.
2. Người nắm giữ cổ phần phổ thông có các quyền sau:
 - a. Tham dự, phát biểu trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền hoặc hình thức khác được quy định tại Điều 24.

Cổ đông có thể ủy quyền cho thành viên Hội đồng Quản trị làm đại diện cho mình tại Đại hội đồng cổ đông;

- b. Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - c. Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành, trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều 120, khoản 1 Điều 127 Luật Doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan;
 - d. Được ưu tiên mua cổ phiếu mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu;
 - e. Xem xét, tra cứu, trích lục các thông tin liên quan đến cổ đông trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác của mình;
 - f. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
 - g. Trường hợp Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty sau khi Công ty đã thanh toán các khoản nợ (bao gồm cả nghĩa vụ nợ đối với nhà nước, thuế, phí) và thanh toán cho các cổ đông nắm giữ các loại cổ phần khác của Công ty theo quy định của pháp luật;
 - h. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại Điều 132 của Luật Doanh nghiệp;
 - i. Các quyền khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật.
3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm trên 10% tổng số cổ phần phổ thông có các quyền đề cử các thành viên Hội đồng Quản trị và/hoặc Ban Kiểm soát theo quy định tương ứng tại các Điều 33.2 và Điều 52.2 Điều lệ.
- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng cử viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng cử viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng cử viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng cử viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng cử viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng cử viên; từ 70% đến dưới 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng cử viên và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng cử viên.
4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ trên 05% tổng số cổ phần phổ thông có các quyền sau:

a. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp sau đây:

- i. Hội đồng Quản trị vi phạm nghiêm trọng quyền của cổ đông, nghĩa vụ của người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao;
- ii. Nhiệm kỳ của Hội đồng Quản trị đã vượt quá sáu (06) tháng mà Hội đồng Quản trị mới chưa được bầu thay thế.

Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập bằng văn bản và phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty, căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Kèm theo yêu cầu phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội đồng Quản

trị, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của các tài liệu, chứng cứ cung cấp cho cơ quan có thẩm quyền khi yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông

- b. Xem xét, tra cứu trích lục sổ biên bản họp và các nghị quyết của Hội đồng Quản trị, báo cáo tài chính giữa niên độ và hàng năm, các báo cáo của Ban Kiểm soát và yêu cầu Ban Kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết (trừ các tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty).
 - c. Yêu cầu Ban Kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số thẻ Căn cước, số Thẻ căn cước công dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký doanh nghiệp, giấy phép thành lập và hoạt động, đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;
 - d. Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;
 - e. Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật;
 - f. Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
 - g. Các quyền khác được quy định tại Điều lệ này.
5. Quyền khởi kiện đối với thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc của cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần phổ thông:
- a. Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần phổ thông có quyền tự mình hoặc nhân danh Công ty khởi kiện trách nhiệm cá nhân, trách nhiệm liên đới đối với các thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc để yêu cầu hoàn trả lợi ích hoặc bồi thường thiệt hại cho công ty hoặc người khác trong trường hợp sau đây:
 - i. Vi phạm trách nhiệm của người quản lý Công ty theo quy định tại Điều 165 của Luật Doanh nghiệp;
 - ii. Không thực hiện, thực hiện không đầy đủ, thực hiện không kịp thời hoặc thực hiện trái với quy định của pháp luật hoặc Điều lệ công ty, nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị đối với quyền và nghĩa vụ được giao;
 - iii. Lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
 - iv. Trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

- b. Trình tự, thủ tục khởi kiện thực hiện theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Chi phí khởi kiện trong trường hợp cổ đông, nhóm cổ đông khởi kiện nhân danh Công ty được tính vào chi phí của Công ty, trừ trường hợp bị bác yêu cầu khởi kiện.
- c. Cổ đông, nhóm cổ đông theo quy định tại Điều này có quyền xem xét, tra cứu, trích lục thông tin cần thiết theo quyết định của Tòa án, Trọng tài trước hoặc trong quá trình khởi kiện.

Điều 21: Nghĩa vụ của cổ đông

- 1. Tuân thủ Điều lệ Công ty và các quy chế quản lý nội bộ của Công ty; chấp hành nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị;
- 2. Thanh toán đầy đủ, đúng hạn số cổ phần cam kết mua; chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty. Không được rút vốn đã góp ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần theo quy định của pháp luật. Trường hợp cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại Khoản này thì cổ đông đó và người có liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra;
- 3. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần;
- 4. Chủ sở hữu hưởng lợi của doanh nghiệp cung cấp các thông tin cá nhân theo yêu cầu từ Cơ quan nhà nước có thẩm quyền (nếu cần);
- 5. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành;
- 6. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:
 - a. Vi phạm pháp luật;
 - b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
 - c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính xảy ra hoặc có thể xảy ra đối với Công ty.
- 7. Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ Công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác

Điều 22: Đại hội đồng cổ đông

- 1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên mỗi năm một lần trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Trường hợp không tổ chức họp được theo thời hạn nêu trên, Công ty phải báo cáo Ủy ban chứng khoán và tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong thời hạn hai (02) tháng tiếp theo. Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường theo quy định tại Điều lệ này và Luật Doanh nghiệp. Địa điểm họp là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.
- 2. Hội đồng Quản trị tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều

lệ công ty, đặc biệt thông qua các báo cáo tài chính năm được kiểm toán và ngân sách tài chính cho năm tài chính tiếp theo.

Thành viên Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên phải tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên để trả lời các câu hỏi của cổ đông tại cuộc họp (nếu có); trường hợp bất khả kháng không tham dự được, thành viên Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên phải báo cáo bằng văn bản với Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.

Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp nhận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội cổ đông thường niên của Công ty để giải thích các nội dung liên quan.

3. Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:
 - a. Hội đồng Quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
 - b. Số thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên độc lập Hội đồng Quản trị, Kiểm soát viên ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật hoặc số thành viên Hội đồng Quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định tại Điều lệ này;
 - c. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Điều 20.4 của Điều lệ này yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông bằng một văn bản kiến nghị. Văn bản kiến nghị triệu tập phải nêu rõ họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty, lý do và mục đích yêu cầu triệu tập cuộc họp và chứng cứ chứng minh cho mục đích, lý do đó. Văn bản kiến nghị phải có chữ ký của các cổ đông liên quan (văn bản kiến nghị có thể lập thành nhiều bản để có đủ chữ ký của tất cả các cổ đông có liên quan);
 - d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường
 - a. Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng Quản trị, số thành viên độc lập Hội đồng Quản trị còn lại nhỏ hơn số lượng như quy định tại Điều 33.1, số lượng Kiểm soát viên rơi vào trường hợp như quy định tại Điều 52.4 hoặc kể từ ngày nhận được yêu cầu quy định tại điểm c Điều 22.3.
 - b. Trường hợp Hội đồng Quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a Điều 22.4 thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban Kiểm soát phải thay thế Hội đồng Quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh Nghiệp.
 - c. Trường hợp Ban Kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b Điều 22.4 thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, cổ đông, nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại điểm c Điều 22.3 có quyền thay thế Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định khoản 4 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát việc triệu tập và tiến hành họp nếu xét thấy cần thiết.

- d. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông sẽ được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

Điều 23: Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

- 1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:
 - a. Thông qua định hướng phát triển của Công ty;
 - b. Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hàng năm của từng loại cổ phần;
 - c. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị, Kiểm soát viên;
 - d. Quyết định đầu tư/mua hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
 - e. Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;
 - f. Thông qua báo cáo tài chính hàng năm;
 - g. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
 - h. Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng Quản trị, Kiểm soát viên gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;
 - i. Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;
 - j. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát;
 - k. Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát;
 - l. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;
 - m. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.
- 2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:
 - a. Báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán;
 - b. Báo cáo của Ban Kiểm soát về hoạt động kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc;
 - c. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát;
 - d. Báo cáo của Hội đồng Quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng Quản trị và từng thành viên Hội đồng Quản trị;
 - e. Kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;
 - f. Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;

- g. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết;
 - h. Bầu, bãi miễn và thay thế thành viên Hội đồng Quản trị và Kiểm soát viên;
 - i. Tổng số tiền thù lao, thưởng và lợi ích khác của các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Báo cáo tiền thù lao của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát;
 - j. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Công ty;
 - k. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới sẽ được phát hành cho mỗi loại cổ phần, và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng ba năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;
 - l. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;
 - m. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;
 - n. Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng Quản trị hoặc Ban Kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và các cổ đông của Công ty;
 - o. Quyết định đầu tư/mua hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
 - p. Công ty mua lại hơn 10% một loại cổ phần phát hành của mỗi loại;
 - q. Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;
 - r. Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
 - s. Phê duyệt Quy chế quản trị Công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng Quản trị, Quy chế hoạt động Ban Kiểm soát;
 - t. Số lượng thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát;
 - u. Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
3. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:
- a. Các hợp đồng quy định tại Điểm o Khoản 2 Điều 23 của Điều lệ này khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của Hợp đồng;
 - b. Hủy bỏ, giảm bớt các nghĩa vụ của cổ đông đó đối với Công ty; khởi xướng hoặc hủy bỏ một vụ kiện đối với cổ đông đó.
 - c. Việc mua lại cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện tương ứng với tỷ lệ sở hữu của tất cả các cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua giao dịch khớp lệnh trên Sở giao dịch chứng khoán hoặc chào mua công khai theo quy định của pháp luật.
4. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 24: Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Các cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông theo một trong các hình thức sau:
 - a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - b. Ủy quyền cho cá nhân/tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
 - c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác.
2. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của mỗi người đại diện;
3. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của Công ty hoặc theo quy định của pháp luật về dân sự, theo đó phải thể hiện rõ (i) tên cổ đông ủy quyền (ii) tên cá nhân/tổ chức được ủy quyền (iii) số lượng cổ phần được ủy quyền (iv) nội dung ủy quyền (v) phạm vi ủy quyền (vi) thời hạn ủy quyền (vii) chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.

Quy định về chữ ký trên văn bản ủy quyền:

- a. Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì phải có chữ ký của cổ đông đó và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp;
 - b. Trường hợp cổ đông tổ chức là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông tổ chức và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp;
 - c. Trong trường hợp khác thì phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp.
4. Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền trước khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông/người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).
 5. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi có một trong các trường hợp sau đây:
 - a. Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
 - b. Người ủy quyền đã huỷ bỏ việc chỉ định ủy quyền;
 - c. Người ủy quyền đã huỷ bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này sẽ không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 25: Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% cổ phần phổ thông tham dự họp thông qua.

Trong trường hợp lấy ý kiến bằng văn bản, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp nắm giữ ít nhất 75% quyền biểu quyết của loại cổ phần ưu đãi nêu trên biểu quyết thông qua.
2. Việc tổ chức một cuộc họp như trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai cổ đông (hoặc đại diện được ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba (1/3) giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì sẽ tổ chức họp lại trong vòng ba mươi (30) ngày sau đó và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp riêng biệt nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện đều có thể yêu cầu bỏ phiếu kín và mỗi người khi bỏ phiếu kín đều có một lá phiếu cho mỗi cổ phần sở hữu thuộc loại đó.
3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 27 và Điều 28 của Điều lệ này.
4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến chia sẻ lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty sẽ không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 26: Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp, và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng Quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông thường niên, hoặc Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại Điều 22.3 hoặc Điều 22.4.
2. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:
 - a. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không sớm hơn mười (10) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu hai mươi (20) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;
 - b. Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;
 - c. Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;
 - d. Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;
 - e. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;
 - f. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp.
 - g. Các công việc khác phục vụ đại hội.
3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông đồng thời công bố trên phương tiện thông tin của Sở giao dịch chứng khoán, trên trang thông tin điện tử (website) của Công ty. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi chậm nhất hai mươi một (21) ngày trước ngày họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các

vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ địa chỉ trang thông tin điện tử để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

- a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
 - b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng Quản trị, Kiểm soát viên;
 - c. Phiếu biểu quyết;
 - d. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.
4. Kiến nghị của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đối với chương trình họp Đại hội đồng cổ đông:
- a. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông được đề cập tại Điều 20.3 của Điều lệ này có quyền đề xuất các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho Công ty ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bao gồm họ và tên cổ đông, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số thẻ căn cước công dân, số thẻ Căn cước, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng và loại cổ phần cổ đông đó nắm giữ, và nội dung kiến nghị đưa vào chương trình họp.
 - b. Trường hợp người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông từ chối kiến nghị quy định điểm a Điều này thì chậm nhất là hai (02) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối đề xuất này nếu:
 - i. Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung; hoặc
 - ii. Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 05% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại Điều 20.3 Điều lệ này;
 - iii. Vấn đề kiến nghị không thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông; hoặc
 - iv. Trường hợp khác do Công ty quy định trong Điều lệ này phù hợp với pháp luật hiện hành.
 - c. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại điểm a Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại điểm b Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.
5. Trường hợp tất cả cổ đông đại diện 100% số cổ phần có quyền biểu quyết trực tiếp tham dự hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền tại Đại hội đồng cổ đông, những quyết định được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua đều được coi là hợp lệ kể cả trong trường hợp việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông không theo đúng thủ tục hoặc nội dung biểu quyết không có trong chương trình.

Điều 27: Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% cổ phần có quyền biểu quyết.

2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, đại hội phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Đại hội đồng cổ đông triệu tập lại chỉ được tiến hành khi có thành viên tham dự là các cổ đông và những đại diện được ủy quyền dự họp đại diện cho ít nhất 33% cổ phần có quyền biểu quyết.
3. Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai, và trong trường hợp này đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào số lượng cổ đông hay đại diện ủy quyền tham dự và được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề mà Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất có thể phê chuẩn.

Điều 28: Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông

1. Vào ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông, Công ty phải thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau:
 - a. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty sẽ cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó có ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Việc biểu quyết được tiến hành bằng cách thu thẻ biểu quyết tán thành nghị quyết, sau đó thu thẻ biểu quyết không tán thành, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành, không tán thành, không có ý kiến để quyết định. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp;
 - b. Cổ đông hoặc người được ủy quyền đến dự Đại hội đồng cổ đông muộn có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại đại hội. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành trước khi cổ đông đến muộn tham dự sẽ không bị ảnh hưởng.
2. Việc bầu chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:
 - a. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch làm chủ tọa nhưng vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trường Ban Kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;
 - b. Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;
 - c. Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;
 - d. Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.
3. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

4. Quyết định của Chủ tọa về trình tự, thủ tục hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội đồng cổ đông sẽ mang tính phán quyết cao nhất.
5. Chủ tọa Đại hội đồng cổ đông có thể hoãn họp đại hội ngay cả trong trường hợp đã có đủ số đại biểu cần thiết đến một thời điểm khác và tại một địa điểm do chủ tọa quyết định mà không cần lấy ý kiến của đại hội nếu nhận thấy rằng (a) các thành viên tham dự không thể có chỗ ngồi thuận tiện ở địa điểm tổ chức đại hội, (b) hành vi của những người có mặt làm mất trật tự hoặc có khả năng làm mất trật tự của cuộc họp hoặc (c) sự trì hoãn là cần thiết để các công việc của đại hội được tiến hành một cách hợp lệ. Ngoài ra, Chủ tọa đại hội có thể hoãn đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết. Thời gian hoãn tối đa không quá ba (03) ngày kể từ ngày dự định khai mạc đại hội. Đại hội họp lại sẽ chỉ xem xét các công việc lẽ ra đã được giải quyết hợp pháp tại đại hội bị trì hoãn trước đó.
6. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 5 của Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những thành viên tham dự để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc và hiệu lực các biểu quyết tại cuộc họp đó không bị ảnh hưởng.
7. Chủ tọa của đại hội có thể tiến hành các hoạt động cần thiết để điều khiển cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ, có trật tự, theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số đại biểu tham dự.
8. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác. Trường hợp có cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền không chịu tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nói trên, Hội đồng Quản trị sau khi xem xét một cách cẩn trọng có thể từ chối hoặc trục xuất cổ đông hoặc đại diện nói trên tham gia Đại hội.
9. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp được cho là thích hợp để:
 - a. Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
 - b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại địa điểm đó;
 - c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội;Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp nếu thấy cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.
10. Trong trường hợp tại Đại hội đồng cổ đông có áp dụng các biện pháp nói trên, Hội đồng Quản trị khi xác định địa điểm đại hội có thể:
 - a. Thông báo rằng đại hội sẽ được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và chủ tọa đại hội sẽ có mặt tại đó (“Địa điểm chính của đại hội”);
 - b. Bố trí, tổ chức để những cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền không dự họp được theo Điều khoản này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với Địa điểm chính của đại hội có thể đồng thời tham dự đại hội;Thông báo về việc tổ chức đại hội không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo Điều khoản này.

11. Trong Điều lệ này (trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác), mọi cổ đông sẽ được coi là tham gia đại hội ở Địa điểm chính của đại hội.
12. Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 29: Thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

1. Các vấn đề sau đây phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:
 - a. Định hướng phát triển;
 - b. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
 - c. Tổ chức lại, giải thể Công ty.
2. Trừ trường hợp quy định tại khoản 4, khoản 5 và khoản 6 Điều này, các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sẽ được thông qua khi có trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành.
3. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây sẽ được thông qua khi có từ 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành:
 - a. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
 - b. Sửa đổi và bổ sung Điều lệ;
 - c. Loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán;
 - d. Việc sáp nhập, tái tổ chức và giải thể Công ty;
 - e. Dự án đầu tư/mua hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% trở lên ghi trong báo cáo tài chính gần nhất.
4. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng Quản trị hoặc Ban Kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng Quản trị hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ hai (02) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng Quản trị hoặc Ban Kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ Công ty.
5. Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành.
6. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75%

tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

7. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông có hiệu lực thi hành kể từ ngày thông qua nghị quyết hoặc từ ngày có hiệu lực được ghi rõ trong nghị quyết. Trường hợp quyết định đã được thông qua của Đại hội đồng cổ đông bị thành viên Hội đồng Quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, cổ đông, nhóm cổ đông quy định Điều 20.3 yêu cầu hủy bỏ theo Điều 151 Luật Doanh nghiệp thì quyết định này vẫn tiếp tục được thi hành cho đến khi Tòa án hoặc Trọng tài có quyết định khác, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.
8. Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua bởi 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng quy định.
9. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phải được đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn mười lăm (15) ngày dương lịch, kể từ ngày nghị quyết được thông qua.
10. Mọi nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông có thể được thông qua bằng hình thức sau:
 - a. Biểu quyết tại cuộc họp.
 - b. Lấy ý kiến bằng văn bản (trừ nội dung quy định tại Điều 29.1).

Điều 30: Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông để thông qua nghị quyết

A. Biểu quyết tại cuộc họp.

Thực hiện theo trình tự, thủ tục quy định tại Điều 26, 27, 28 Điều lệ này.

B. Lấy ý kiến bằng văn bản.

1. Hội đồng Quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.
2. Việc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản được thực hiện như sau:
 - a. Hội đồng Quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo quyết định. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ đăng ký của từng cổ đông. Hội đồng Quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười (10) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại Điều 26.3 Điều lệ này.
 - b. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - i. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - ii. Mục đích lấy ý kiến;
 - iii. Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý (cổ đông cá nhân, cá nhân là đại diện cổ đông là tổ chức); tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý, địa chỉ trụ sở chính (cổ đông tổ chức); số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

- iv. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
 - v. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;
 - vi. Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
 - vii. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng Quản trị và người đại diện theo pháp luật của Công ty.
- c. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức hoặc cá nhân, người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức.
- d. Phiếu lấy ý kiến có thể được gửi về Công ty theo hình thức gửi thư; Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu.

Các phiếu lấy ý kiến Công ty nhận được sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư hoặc được công bố trước thời điểm kiểm phiếu trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

- e. Hội đồng Quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban Kiểm soát hoặc của cổ đông không phải là người điều hành doanh nghiệp. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
- i. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - ii. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
 - iii. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số phiếu biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
 - iv. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
 - v. Các quyết định đã được thông qua;
 - vi. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng Quản trị, người đại diện theo pháp luật của Công ty, người kiểm phiếu và của người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng Quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

- f. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong vòng hai mươi bốn (24) giờ hoặc gửi đến cổ đông trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu;

- g. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty;
- h. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện trên 50% tổng số cổ phiếu có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 31: Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
 - c. Chương trình và nội dung cuộc họp;
 - d. Họ, tên chủ tọa và thư ký;
 - e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;
 - f. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
 - g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
 - h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
 - i. Họ, tên, chữ ký của chủ tọa và thư ký.

Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải chịu trách nhiệm liên đới về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.
3. Biên bản Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi biên bản.
4. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh đều có hiệu lực pháp lý như nhau, Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

5. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp và tài liệu có liên quan phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 32: Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kiểm phiếu được công bố trên website của Công ty, thành viên Hội đồng Quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Điều 20.3 Điều lệ này có quyền yêu cầu Toà án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ này, trừ trường hợp quy định tại Điều 29.6 Điều lệ;
2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.

Trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ theo quy định của Toà án hoặc Trọng tài, người triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại Đại hội đồng cổ đông trong vòng ba mươi (30) ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

CHƯƠNG VIII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 33: Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng Quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng Quản trị là năm (05) người. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng Quản trị không quá ba (03) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

Thành viên Hội đồng Quản trị không điều hành phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng Quản trị. Số lượng tối thiểu thành viên Hội đồng Quản trị không điều hành được xác định theo phương thức làm tròn xuống.

Số lượng thành viên của Hội đồng quản trị độc lập là 01 người và không quá hai (02) nhiệm kỳ liên tục.

Số lượng thành viên Hội đồng Quản trị thường trú ở Việt Nam phải có tối thiểu 01 người.

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên vào Hội đồng Quản trị theo quy định tại Điều 20.3. Số lượng cụ thể của ứng cử viên được nêu trong Điều 20.3. Việc đề cử thực hiện như sau:
 - a. Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm cho mục đích đề cử phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;
 - b. Trường hợp số ứng cử viên được đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.
3. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng Quản trị được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Hội đồng Quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Hội đồng Quản trị. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng Quản trị được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:

- a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
 - b. Trình độ học vấn;
 - c. Trình độ chuyên môn;
 - d. Quá trình công tác;
 - e. Các Công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng Quản trị và các chức danh quản lý khác;
 - f. Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Công ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên Hội đồng Quản trị của Công ty;
 - g. Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có);
 - h. Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);
 - i. Các thông tin khác (nếu có).
4. Không đề cử vào Hội đồng Quản trị nhân viên của một đơn vị kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán cho Công ty trong vòng ba (03) năm liền trước.
 5. Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng Quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng Quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo một cơ chế do Công ty quy định. Cơ chế đề cử hay cách thức Hội đồng Quản trị đương nhiệm đề cử ứng cử viên Hội đồng Quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.
 6. Nhiệm kỳ của thành viên được bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên bị mất tư cách thành viên, bị miễn nhiệm, bãi nhiệm có thời hạn đến hết nhiệm kỳ của các thành viên Hội đồng Quản trị còn lại.
 7. Thành viên Hội đồng Quản trị sẽ không còn tư cách thành viên Hội đồng Quản trị trong các trường hợp sau:
 - a. Thành viên đó không đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 36 của Điều lệ này;
 - b. Thành viên đó gửi đơn bằng văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của Công ty;
 - c. Không tham dự các cuộc họp của Hội đồng Quản trị trong vòng sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - d. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - e. Bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng Quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;
 - f. Cung cấp thông tin cá nhân sai khi gửi cho Công ty với tư cách là ứng viên Hội đồng Quản trị;
 - g. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
 8. Hội đồng Quản trị có thể bổ nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị mới để thay thế chỗ trống phát sinh và thành viên mới này phải được chấp thuận tại Đại hội đồng cổ đông ngay tiếp sau đó. Sau khi được

Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, việc bổ nhiệm thành viên mới đó sẽ được coi là có hiệu lực vào ngày được Hội đồng Quản trị bổ nhiệm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng Quản trị mới được tính từ ngày việc bổ nhiệm có hiệu lực đến ngày kết thúc nhiệm kỳ của Hội đồng Quản trị. Trong trường hợp thành viên mới không được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, mọi quyết định của Hội đồng Quản trị cho đến trước thời điểm diễn ra Đại hội đồng cổ đông có sự tham gia biểu quyết của thành viên Hội đồng Quản trị thay thế vẫn được coi là có hiệu lực.

9. Việc bổ nhiệm các thành viên Hội đồng Quản trị phải được thông báo theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
10. Thành viên Hội đồng Quản trị không nhất thiết phải là người nắm giữ cổ phần của Công ty.
11. Trường hợp Hội đồng Quản trị đã hết nhiệm kỳ mà Đại hội đồng cổ đông chưa bầu được Hội đồng Quản trị mới, Hội đồng Quản trị của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi Hội đồng Quản trị mới được bầu và tiếp quản công việc.

Điều 34: Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng Quản trị

1. Hội đồng Quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định thực hiện các quyền và nghĩa vụ của công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Để tránh hiểu lầm, mọi vấn đề không được quy định rõ ràng thuộc thẩm quyền quyết định duy nhất của Đại hội đồng cổ đông theo Điều lệ này thì sẽ thuộc quyền quyết định duy nhất của Hội đồng Quản trị. Hội đồng Quản trị chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của Công ty, đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ và các quy định nội bộ của công ty, đối xử bình đẳng đối với tất cả cổ đông và tôn trọng lợi ích của người có quyền lợi liên quan đến công ty.
2. Hội đồng Quản trị có thể ủy quyền cho Chủ tịch Hội đồng Quản trị thực hiện một phần quyền hạn và chức năng của Hội đồng Quản trị trong thời gian Hội đồng Quản trị không tổ chức cuộc họp. Nội dung ủy quyền phải được xác định rõ ràng, cụ thể. Đối với những vấn đề trọng yếu, liên quan đến lợi ích sống còn của Công ty thì không được ủy quyền cho Chủ tịch Hội đồng Quản trị quyết định.
3. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng Quản trị do luật pháp, Điều lệ Công ty, các quy chế nội bộ của Công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng Quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:
 - a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn, kế hoạch kinh doanh và ngân sách hàng năm;
 - b. Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
 - c. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng Quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng và chấm dứt hợp đồng lao động đối với các cán bộ quản lý Công ty theo đề nghị của Tổng Giám đốc và quyết định mức lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của họ;
 - d. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Tổng Giám đốc hay cán bộ quản lý hoặc người đại diện của Công ty khi Hội đồng Quản trị cho rằng đó là vì lợi ích tối cao của Công ty. Việc bãi nhiệm nói trên không được trái với các quyền theo hợp đồng của những người bị bãi nhiệm (nếu có);
 - e. Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty, việc thành lập/dóng cửa Công ty con, lập chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
 - f. Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với cán bộ quản lý cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý chống lại cán bộ quản lý đó;

- g. Giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc và người quản lý khác trong việc điều hành hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty ;
 - h. Đề xuất các loại cổ phiếu có thể phát hành và tổng số cổ phiếu phát hành theo từng loại;
 - i. Quyết định tất cả các vấn đề liên quan đến phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu và các chứng quyền cho phép người sở hữu mua cổ phiếu theo mức giá định trước;
 - j. Quyết định giá chào bán cổ phiếu, trái phiếu trong trường hợp được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền;
 - k. Đề xuất mức cổ tức hàng năm và xác định mức cổ tức tạm thời; tổ chức việc chi trả cổ tức;
 - l. Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty, yêu cầu phá sản Công ty;
 - m. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;
 - n. Xây dựng và trình Quy chế quản trị Công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng Quản trị cho Đại hội đồng cổ đông thông qua và đảm bảo các quy chế này được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty;
 - o. Xây dựng và ban hành Quy chế công bố thông tin, Quy chế bỏ phiếu điện tử, Quy chế tổ chức hội nghị trực tuyến;
 - p. Trình báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán, báo cáo hoạt động của Hội đồng Quản trị, báo cáo quản trị của Công ty lên Đại hội đồng cổ đông. Báo cáo hoạt động của Hội đồng Quản trị phải đảm bảo các nội dung quy định tại Điều Nghị định 155/2020/NĐ-CP;
 - q. Báo cáo Đại hội đồng cổ đông việc Hội đồng Quản trị bổ nhiệm Tổng Giám đốc;
 - r. Bổ nhiệm người phụ trách quản trị Công ty;
 - s. Chỉ đạo công tác tổ chức đào tạo, tập huấn về quản trị Công ty và các kỹ năng cần thiết cho thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác của Công ty.
4. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng Quản trị phê chuẩn:
- a. Thành lập chi nhánh hoặc các văn phòng đại diện của Công ty;
 - b. Thành lập các Công ty con của Công ty;
 - c. Trong phạm vi quy định tại Điều 153.2 của Luật Doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại Điều 167.3 Luật Doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng Quản trị tùy từng thời điểm quyết định việc thực hiện, sửa đổi và hủy bỏ các hợp đồng lớn của Công ty (bao gồm các hợp đồng mua, bán, sáp nhập, thuê, mua sắm Công ty và liên doanh);
 - d. Chỉ định và bãi nhiệm những người được Công ty uỷ nhiệm là đại diện thương mại và Luật sư của Công ty;
 - e. Việc vay nợ và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Công ty;

- f. Các khoản đầu tư vượt quá 10% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
 - g. Quyết định mua lại không quá 10% tổng số cổ phần đã bán; quyết định phương án bán, chia thưởng cổ phiếu quỹ theo những cách thức phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành;
 - h. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;
 - i. Việc mua hoặc bán cổ phần của những Công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài;
 - j. Việc định giá các tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền liên quan đến việc phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;
 - k. Việc Công ty mua hoặc thu hồi không quá 10% mỗi loại cổ phần đã được chào bán trong mười hai (12) tháng;
 - l. Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng Quản trị quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình;
 - m. Quyết định mức giá mua hoặc thu hồi cổ phần của Công ty;
 - n. Phê duyệt chủ trương việc bổ nhiệm, miễn nhiệm các chức danh trong Công ty phù hợp với các quy định của pháp luật và Điều lệ.
5. Hội đồng Quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là về việc giám sát của Hội đồng Quản trị đối với Tổng Giám đốc và những cán bộ quản lý khác trong năm tài chính. Trường hợp Hội đồng Quản trị không trình báo cáo cho Đại hội đồng cổ đông, báo cáo tài chính hàng năm của Công ty sẽ bị coi là không có giá trị và chưa được Hội đồng Quản trị thông qua.
 6. Trường hợp các nghị quyết đã được Hội đồng Quản trị thông qua nhưng trái với quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty thì cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty liên tục trong thời hạn ít nhất một (01) năm có quyền yêu cầu Hội đồng Quản trị đình chỉ thực hiện nghị quyết nói trên.
 7. Khi thực hiện chức năng, quyền và nghĩa vụ của mình, Hội đồng Quản trị phải tuân thủ đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
 8. Trừ khi luật pháp và Điều lệ quy định khác, Hội đồng Quản trị có thể uỷ quyền cho nhân viên cấp dưới và các cán bộ quản lý đại diện xử lý công việc thay mặt cho Công ty. Nội dung ủy quyền phải được xác định rõ ràng, cụ thể.
 9. Thành viên Hội đồng Quản trị (không tính các đại diện được uỷ quyền thay thế) được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng Quản trị. Tổng mức thù lao cho Hội đồng Quản trị sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Khoản thù lao này sẽ được chia cho các thành viên Hội đồng Quản trị theo thoả thuận trong Hội đồng Quản trị hoặc chia đều trong trường hợp không thoả thuận được.
 10. Thành viên Hội đồng Quản trị nắm giữ chức vụ điều hành (bao gồm cả chức vụ Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch), hoặc thành viên Hội đồng Quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng Quản trị, hoặc thực hiện những công việc khác mà theo quan điểm của Hội đồng Quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm

vụ thông thường của một thành viên Hội đồng Quản trị, có thể được trả thêm tiền thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận, hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng Quản trị.

11. Thành viên Hội đồng Quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp của Hội đồng Quản trị, hoặc các tiêu ban của Hội đồng Quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.
12. Nghĩa vụ của thành viên Hội đồng Quản trị:
 - a. Thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao theo đúng quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, pháp luật có liên quan, Điều lệ Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - b. Thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao một cách trung thực, cẩn trọng nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty và cổ đông;
 - c. Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty, lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
 - d. Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng Quản trị và có ý kiến rõ ràng về các vấn đề được đưa ra thảo luận tại cuộc họp;
 - e. Báo cáo Hội đồng quản trị tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian ba (03) năm gần nhất trước thời điểm giao dịch. Thông báo này được niêm yết tại trụ sở chính và chi nhánh của Công ty;
 - f. Báo cáo kịp thời, đầy đủ với Hội đồng quản trị các khoản thù lao nhận được từ các Công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác;
 - g. Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của công ty theo quy định của pháp luật.
 - h. Các thành viên Hội đồng Quản trị không được tăng lương, trả thưởng khi Công ty không thanh toán đủ các khoản nợ đến hạn;
 - i. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập phải lập báo cáo đánh giá về hoạt động của Hội đồng quản trị;
 - j. Thực hiện trách nhiệm của người quản lý Công ty theo quy định tại Điều 165 Luật Doanh nghiệp;
 - k. Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 35: Chủ tịch Hội đồng Quản trị

1. Hội đồng Quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng Quản trị để bầu ra một Chủ tịch.
Hội đồng Quản trị có thể lựa chọn trong số các thành viên còn lại một Phó Chủ tịch để trợ giúp cho Chủ tịch.

2. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng Quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng Quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng Quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng Quản trị.
3. Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải có trách nhiệm đảm bảo việc Hội đồng Quản trị gửi báo cáo tài chính hàng năm, báo cáo hoạt động của Công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng Quản trị cho các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông;
4. Trường hợp cả Chủ tịch Hội đồng Quản trị từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng Quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày.
5. Chủ tịch Hội đồng Quản trị có các quyền hạn và nhiệm vụ sau đây:
 - a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng Quản trị;
 - b. Chuẩn bị chương trình, nội dung, các tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng Quản trị;
 - c. Tổ chức việc thông qua quyết định của Hội đồng Quản trị;
 - d. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các quyết định của Hội đồng Quản trị;
 - e. Chủ tọa các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, ký thay mặt Đại hội đồng cổ đông trong các nghị quyết đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
 - f. Lãnh đạo và đảm bảo sự hoạt động có hiệu quả của Hội đồng Quản trị;
 - g. Xây dựng, thực hiện và rà soát các thủ tục chi phối hoạt động của Hội đồng Quản trị;
 - h. Lên lịch họp Hội đồng Quản trị và các bộ phận trực thuộc Hội đồng Quản trị;
 - i. Chuẩn bị chương trình nghị sự cho các cuộc họp Hội đồng Quản trị;
 - j. Thường xuyên gặp gỡ Tổng Giám đốc và đóng vai trò là người liên lạc giữa Hội đồng Quản trị với Ban Tổng Giám đốc;
 - k. Đảm bảo việc trao đổi thông tin đầy đủ, kịp thời, chính xác và rõ ràng giữa các thành viên Hội đồng Quản trị với Chủ tịch Hội đồng Quản trị;
 - l. Đảm bảo việc truyền thông và liên lạc hiệu quả với các cổ đông;
 - m. Tổ chức đánh giá định kỳ công tác của Hội đồng Quản trị, các bộ phận trực thuộc Hội đồng Quản trị và từng thành viên Hội đồng Quản trị;
 - n. Tạo điều kiện thuận lợi để các thành viên Hội đồng Quản trị không điều hành, độc lập hoạt động một cách có hiệu quả và thiết lập mối quan hệ có tính chất xây dựng giữa các thành viên điều hành và những thành viên không điều hành trong Hội đồng Quản trị;

- o. Thực thi những nhiệm vụ và trách nhiệm khác theo yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng Quản trị theo nhu cầu và hoàn cảnh thực tế;
- p. Ký quyết định bổ nhiệm các chức danh thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Hội đồng Quản trị theo quy định của pháp luật và Điều lệ.
- q. Ký trên Điều lệ của Công ty;
- r. Ký trên sổ chứng nhận cổ đông hoặc chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu;
- s. Ký trên các chứng từ là chủ sở hữu tài khoản ngân hàng của Công ty;

Điều 36: Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng Quản trị

1. Có đủ năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của tại Khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp.
2. Là cổ đông cá nhân sở hữu ít nhất 05% tổng số cổ phần phổ thông hoặc người có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh hoặc kinh nghiệm trong lĩnh vực chứng khoán, tài chính, ngân hàng.
3. Không phải là Tổng Giám đốc, thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Hội đồng thành viên của Công ty chứng khoán khác; không được đồng thời làm thành viên Hội đồng Quản trị của trên năm (05) Công ty khác (đối với Công ty niêm yết).
4. Không được từng là thành viên Hội đồng Quản trị hoặc đại diện theo pháp luật của một Công ty bị phá sản hoặc bị cấm hoạt động do những vi phạm pháp luật nghiêm trọng.
5. Không đề cử vào Hội đồng Quản trị nhân viên của một đơn vị kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán cho Công ty trong vòng 03 năm qua.
6. Các thành viên Hội đồng Quản trị cần có những phẩm chất và năng lực sau đây:
 - a. Nhận được sự tin tưởng của các cổ đông (phản ánh qua việc các cổ đông biểu quyết ủng hộ), các thành viên khác trong Hội đồng Quản trị, cán bộ quản lý và nhân viên của Công ty;
 - b. Có khả năng cân bằng lợi ích của tất cả các bên có quyền lợi liên quan và đưa ra những quyết định hợp lý;
 - c. Có kinh nghiệm chuyên môn và trình độ học vấn cần thiết để điều hành hoạt động Công ty một cách hiệu quả;
 - d. Có kinh nghiệm kinh doanh quốc tế, am hiểu các vấn đề địa phương, hiểu biết về thị trường, sản phẩm và đối thủ cạnh tranh;
 - e. Có khả năng biến kiến thức và kinh nghiệm thành các giải pháp thực tiễn.

Khi bắt đầu nhiệm kỳ, tất cả thành viên Hội đồng Quản trị đều phải đáp ứng đầy đủ những điều kiện theo yêu cầu của pháp luật, quy chế quản trị, Điều lệ và các quy định nội bộ của Công ty. Trong nhiệm kỳ của mình, nếu có sự thay đổi thì các thành viên phải thông báo với Chủ tịch Hội đồng Quản trị. Tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại Điều này đồng thời áp dụng cho những thành viên Hội đồng Quản trị được bầu chọn bổ sung, thay thế.

Điều 37: Thành viên Hội đồng Quản trị thay thế

1. Thành viên Hội đồng Quản trị (không phải người được ủy nhiệm thay thế cho thành viên đó) có thể chỉ định một thành viên Hội đồng Quản trị khác, hoặc một người được Hội đồng Quản trị phê chuẩn và sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ này, làm người thay thế cho mình và có quyền bãi miễn người thay thế đó.
2. Thành viên Hội đồng Quản trị thay thế có quyền được nhận thông báo về các cuộc họp của Hội đồng Quản trị và của các tiểu ban thuộc Hội đồng Quản trị mà người chỉ định họ là thành viên, có quyền tham gia và biểu quyết tại các cuộc họp khi thành viên Hội đồng Quản trị chỉ định họ không có mặt, và được ủy quyền để thực hiện tất cả các chức năng của người chỉ định như là thành viên của Hội đồng Quản trị trong trường hợp người chỉ định vắng mặt. Thành viên thay thế này không có quyền nhận bất kỳ khoản thù lao nào từ phía Công ty cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng Quản trị thay thế. Tuy nhiên, Công ty không bắt buộc phải gửi thông báo về các cuộc họp nói trên cho thành viên Hội đồng Quản trị thay thế không có mặt tại Việt Nam.
3. Thành viên thay thế sẽ phải từ bỏ tư cách thành viên Hội đồng Quản trị trong trường hợp người chỉ định họ không còn tư cách thành viên Hội đồng Quản trị. Trường hợp một thành viên Hội đồng Quản trị hết nhiệm kỳ nhưng lại được tái bổ nhiệm hoặc được coi là đã được tái bổ nhiệm trong cùng Đại hội đồng cổ đông mà thành viên đó thôi giữ chức do hết nhiệm kỳ thì việc chỉ định thành viên thay thế do người này thực hiện ngay trước thời điểm hết nhiệm kỳ sẽ tiếp tục có hiệu lực sau khi thành viên đó được tái bổ nhiệm.
4. Việc chỉ định hoặc bãi nhiệm thành viên thay thế phải được thành viên Hội đồng Quản trị chỉ định hoặc bãi nhiệm người thay thế làm bằng văn bản thông báo và ký gửi cho Công ty hoặc theo hình thức khác do Hội đồng Quản trị phê chuẩn.
5. Ngoài những quy định khác đã được nêu trong Điều lệ này, thành viên thay thế sẽ được coi như là thành viên Hội đồng Quản trị trên mọi phương diện và phải chịu trách nhiệm cá nhân về hành vi và sai lầm của mình mà không được coi là người đại diện thừa hành sự ủy quyền của thành viên Hội đồng Quản trị đã chỉ định mình.

Điều 38: Miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng Quản trị

1. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị:
 - a. Thành viên Hội đồng Quản trị không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 36 của Điều lệ này;
 - b. Thành viên Hội đồng Quản trị không tham gia các hoạt động của Hội đồng Quản trị trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - c. Có đơn xin từ chức và được chấp nhận;
 - d. Có bằng chứng chứng tỏ thành viên Hội đồng Quản trị bị mất năng lực hành vi dân sự;
 - e. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
2. Trường hợp bổ sung thành viên Hội đồng Quản trị: trong trường hợp một thành viên bị mất tư cách thành viên theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, bị cách chức, miễn nhiệm hoặc vì một lý do nào đó không thể tiếp tục làm thành viên Hội đồng Quản trị, việc bầu mới thành viên Hội đồng Quản trị thay thế phải được thực hiện tại Đại hội đồng cổ đông gần nhất. Khi số lượng thành viên Hội đồng Quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số lượng quy định tại Điều lệ Công ty thì Hội đồng

Quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn không quá sáu mươi (60) ngày để bầu bổ sung thành viên Hội đồng Quản trị.

Điều 39: Thành viên độc lập Hội đồng Quản trị

1. Thành viên độc lập Hội đồng Quản trị là thành viên Hội đồng Quản trị đáp ứng các tiêu chuẩn và Điều kiện theo quy định tại các văn bản pháp luật quy định về quản trị Công ty áp dụng cho các Công ty niêm yết cổ phiếu trên Sở giao dịch chứng khoán.
2. Thành viên độc lập Hội đồng Quản trị phải thông báo với Hội đồng Quản trị khi không còn đáp ứng đủ Điều kiện theo quy định tại Khoản 1 Điều này và đương nhiên không còn là thành viên độc lập Hội đồng Quản trị kể từ ngày không đáp ứng đủ Điều kiện nêu trên. Hội đồng Quản trị phải thông báo trường hợp thành viên độc lập Hội đồng Quản trị không còn đáp ứng đủ Điều kiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên độc lập Hội đồng Quản trị đó trong thời hạn 6 tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc lập Hội đồng Quản trị.
3. Thành viên độc lập có các nhiệm vụ và quyền hạn giống các thành viên Hội đồng Quản trị khác, ngoài ra còn có các quyền hạn sau:
 - a. Đề xuất với Hội đồng Quản trị tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bất thường hoặc đề xuất với Ban Kiểm soát tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong trường hợp Hội đồng Quản trị phản đối đề nghị này;
 - b. Thuê tổ chức tư vấn hoặc kiểm toán để thực hiện nhiệm vụ của mình;
 - c. Đưa ra ý kiến độc lập về các vấn đề liên quan đến kế hoạch khen thưởng, trả thù lao cho thành viên Hội đồng Quản trị và người quản lý Công ty;
 - d. Đưa ra các ý kiến độc lập về các giao dịch lớn có liên quan và báo cáo cơ quan quản lý khi xét thấy cần thiết.

Điều 40: Các cuộc họp của Hội đồng Quản trị và biên bản cuộc họp

1. Trường hợp Hội đồng Quản trị bầu Chủ tịch thì Cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng Quản trị để bầu Chủ tịch và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền phải được tiến hành trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng Quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên đã bầu theo nguyên tắc đa số một người trong số họ triệu tập họp Hội đồng Quản trị.
2. Các cuộc họp thường kỳ: Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng Quản trị, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất ba (03) ngày trước ngày họp dự kiến. Chủ tịch có thể triệu tập họp bất kỳ khi nào thấy cần thiết, nhưng ít nhất là mỗi quý phải họp một lần.
3. Các cuộc họp bất thường: Chủ tịch phải triệu tập họp Hội đồng Quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn:
 - a. Tổng Giám đốc hoặc ít nhất năm cán bộ quản lý;
 - b. Ít nhất hai thành viên Hội đồng Quản trị;
 - c. Chủ tịch Hội đồng Quản trị;

d. Ban Kiểm soát hoặc thành viên Hội đồng Quản trị độc lập

Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

4. Các cuộc họp Hội đồng Quản trị nêu tại khoản 3 của Điều này phải được tiến hành trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc sau khi có đề xuất họp. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng Quản trị không chấp nhận triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; những người đề nghị tổ chức cuộc họp được đề cập đến ở khoản 3 của Điều này có thể tự mình triệu tập họp Hội đồng Quản trị.
5. Trường hợp có yêu cầu của kiểm toán viên độc lập, Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Hội đồng Quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.
6. Địa điểm họp: Các cuộc họp Hội đồng Quản trị sẽ được tiến hành ở địa chỉ đã đăng ký của Công ty hoặc những địa chỉ khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng Quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng Quản trị.
7. Thông báo và chương trình họp của Hội đồng Quản trị: Thông báo họp Hội đồng Quản trị phải được gửi trước cho các thành viên Hội đồng Quản trị và các Kiểm soát viên ít nhất ba (03) ngày dương lịch trước khi tổ chức họp, các thành viên Hội đồng có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản và việc từ chối này có thể được thay đổi hoặc hủy bỏ bằng văn bản của thành viên Hội đồng Quản trị đó. Thông báo họp Hội đồng Quản trị có thể được làm bằng văn bản tiếng Việt hoặc tiếng Anh và phải thông báo đầy đủ chương trình, thời gian, địa điểm họp, kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng và các phiếu bầu cho những thành viên Hội đồng không thể dự họp.

Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên Hội đồng Quản trị và các Kiểm soát viên được đăng ký tại Công ty.

Đối với các cuộc họp bất thường nêu tại Điều 40.3 nêu trên, thông báo mời họp có thể được gửi trong vòng 24 giờ trước giờ họp bằng fax, thư điện tử hoặc phương tiện điện tử khác nhưng phải đảm bảo đến được địa chỉ của từng thành viên Hội đồng Quản trị và các Kiểm soát viên được đăng ký tại Công ty.

8. Số thành viên tham dự tối thiểu:

Các cuộc họp của Hội đồng Quản trị chỉ được tiến hành và thông qua các quyết định khi có ít nhất ba phần tư (3/4) số thành viên Hội đồng Quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền) nếu được đa số thành viên Hội đồng Quản trị chấp thuận. Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lại trong thời hạn bảy (07) ngày dương lịch kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lại được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng Quản trị dự họp.

9. Biểu quyết

- a. Trừ quy định tại Điều này, mỗi thành viên Hội đồng Quản trị hoặc người được ủy quyền trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng Quản trị sẽ có một phiếu biểu quyết. Các thành viên không trực tiếp tham dự cuộc họp sẽ có quyền biểu quyết bằng cách gửi văn bản phiếu. Văn bản phiếu sẽ được niêm phong trong phong bì và trao cho Chủ tịch Hội đồng Quản trị ít nhất là một (1) giờ trước khi khai mạc cuộc họp. Văn bản phiếu sẽ chỉ được mở có sự chứng kiến của tất cả người tham dự cuộc họp;

- b. Thành viên Hội đồng Quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Một thành viên Hội đồng sẽ không được tính vào số lượng đại biểu tối thiểu cần thiết có mặt để có thể tổ chức một cuộc họp Hội đồng Quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;
 - c. Theo quy định tại điểm d của Điều này, khi có vấn đề phát sinh trong một cuộc họp của Hội đồng Quản trị liên quan đến mức độ lợi ích của thành viên Hội đồng Quản trị hoặc liên quan đến quyền biểu quyết một thành viên mà những vấn đề đó không được giải quyết bằng sự tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng Quản trị đó, những vấn đề phát sinh đó sẽ được chuyển tới chủ tọa cuộc họp và phán quyết của chủ tọa liên quan đến tất cả các thành viên Hội đồng Quản trị khác sẽ có giá trị là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng Quản trị liên quan chưa được công bố một cách thích đáng;
 - d. Thành viên Hội đồng Quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại Điều 49.4 của Điều lệ này sẽ được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó.
 - e. Kiểm soát viên có quyền dự cuộc họp Hội đồng Quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.
10. Công khai lợi ích: Thành viên Hội đồng Quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết là mình có lợi ích trong đó, sẽ phải công khai bản chất, nội dung của quyền lợi đó trong cuộc họp mà Hội đồng Quản trị lần đầu tiên xem xét vấn đề ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Hoặc thành viên này có thể công khai điều đó tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng Quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng liên quan.
11. Biểu quyết đa số: Hội đồng Quản trị thông qua các nghị quyết và ra quyết định bằng cách tuân theo ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng Quản trị có mặt (trên 50%). Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, lá phiếu của Chủ tịch sẽ là lá phiếu quyết định.
12. Họp trên điện thoại hoặc lấy ý kiến bằng văn bản hoặc các hình thức khác:

Cuộc họp của Hội đồng Quản trị có thể tổ chức theo hình thức nghị sự giữa các thành viên của Hội đồng Quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

- a. Nghe từng thành viên Hội đồng Quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;
- b. Nếu muốn, người đó có thể phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.

Việc trao đổi giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc là kết hợp tất cả những phương thức này.

Tùy từng thời điểm, cuộc họp Hội đồng Quản trị có thể được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

Theo Điều lệ này, thành viên Hội đồng Quản trị tham gia cuộc họp theo hình thức họp trên điện thoại hoặc gửi ý kiến bằng văn bản trong thời hạn do Hội đồng Quản trị ấn định được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà nhóm thành viên Hội

đồng Quản trị đồng nhất tập hợp lại, hoặc nếu không có một nhóm như vậy, là địa điểm mà Chủ tọa cuộc họp hiện diện.

Các quyết định được thông qua trong một cuộc họp qua điện thoại hoặc bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức sẽ có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp hoặc thu thập ý kiến của các thành viên Hội đồng Quản trị trong thời hạn đã ấn định nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng Quản trị tham dự cuộc họp này.

13. Nghị quyết dưới hình thức thu thập ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở chấp thuận của đa số thành viên Hội đồng Quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp. Nghị quyết có thể được ký bởi Chủ tịch Hội đồng Quản trị.
14. Biên bản họp Hội đồng Quản trị: Cuộc họp Hội đồng Quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác tại trụ sở Công ty. Chủ tịch Hội đồng Quản trị có trách nhiệm chuyển biên bản họp Hội đồng Quản trị cho các thành viên và những biên bản đó sẽ phải được xem như những bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười ngày kể từ khi chuyển đi. Biên bản họp Hội đồng Quản trị được lập bằng tiếng Việt và Tiếng Anh và phải có họ tên và chữ ký của tất cả các thành viên Hội đồng Quản trị tham dự cuộc họp; người ghi biên bản và chủ tọa. Chủ tọa và người ghi biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng Quản trị. Trường hợp nghị quyết Hội đồng Quản trị đã được thông qua theo đúng quy định pháp luật nhưng có thành viên từ chối ký biên bản thì chữ ký xác nhận việc tham dự họp được coi là chữ ký của họ tại biên bản họp.
15. Các tiểu ban của Hội đồng Quản trị: Hội đồng Quản trị có thể thành lập và ủy quyền hành động cho các tiểu ban trực thuộc. Thành viên của tiểu ban có thể gồm một hoặc nhiều thành viên của Hội đồng Quản trị và một hoặc nhiều thành viên bên ngoài theo quyết định của Hội đồng Quản trị. Trong quá trình thực hiện quyền hạn được ủy thác, các tiểu ban phải tuân thủ các quy định mà Hội đồng Quản trị đề ra. Các quy định này có thể điều chỉnh hoặc cho phép kết nạp thêm những người không phải là thành viên Hội đồng Quản trị vào các tiểu ban nêu trên và cho phép người đó được quyền biểu quyết với tư cách thành viên của tiểu ban nhưng (a) phải đảm bảo số lượng thành viên bên ngoài ít hơn một nửa tổng số thành viên của tiểu ban và (b) nghị quyết của các tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết tại phiên họp của tiểu ban là thành viên Hội đồng Quản trị.
16. Giá trị pháp lý của hành động: Các hành động thực thi quyết định của Hội đồng Quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng Quản trị, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban Hội đồng Quản trị sẽ được coi là có giá trị pháp lý kể cả trong trường hợp việc bầu, chỉ định thành viên của tiểu ban hoặc Hội đồng Quản trị có thể có sai sót.
17. Việc thực thi quyết định của Hội đồng Quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng Quản trị, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban Hội đồng Quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ Công ty.

Điều 41: Bộ phận Kiểm toán nội bộ và Quản trị rủi ro của Hội đồng Quản trị

1. Bộ phận Kiểm toán nội bộ thực hiện chức năng của mình trên nguyên tắc độc lập, trung thực, khách quan và bảo mật. Các chức năng, nhiệm vụ cụ thể của bộ phận Kiểm toán nội bộ như sau:
 - a. Đánh giá một cách độc lập về sự phù hợp và tuân thủ các chính sách pháp luật, Điều lệ, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị;
 - b. Kiểm tra, xem xét và đánh giá sự đầy đủ, hiệu quả và hiệu lực của hệ thống kiểm soát nội bộ trực thuộc Ban Tổng Giám đốc nhằm hoàn thiện hệ thống này;

- c. Đánh giá việc tuân thủ của hoạt động kinh doanh đối với các chính sách và quy trình nội bộ;
 - d. Tham mưu thiết lập các chính sách và quy trình nội bộ;
 - e. Đánh giá việc tuân thủ các quy định pháp luật, kiểm soát các biện pháp đảm bảo an toàn tài sản;
 - f. Đánh giá kiểm soát nội bộ thông qua thông tin tài chính và thông qua quá trình kinh doanh;
 - g. Đánh giá quy trình xác định, đánh giá và quản lý rủi ro kinh doanh;
 - h. Đánh giá hiệu quả của các hoạt động;
 - i. Đánh giá việc tuân thủ các cam kết trong hợp đồng;
 - j. Thực hiện kiểm soát hệ thống công nghệ thông tin;
 - k. Điều tra các vi phạm trong nội bộ Công ty;
 - l. Thực hiện kiểm toán nội bộ Công ty.
2. Chức năng và nguyên tắc hoạt động của Bộ phận Quản trị rủi ro:
- a. Quy định chính sách, chiến lược quản lý rủi ro; các tiêu chuẩn đánh giá rủi ro; mức độ rủi ro tổng thể của Công ty và từng bộ phận trong Công ty;
 - b. Đánh giá một cách độc lập về sự phù hợp và tuân thủ các chính sách, quy trình rủi ro đã được thiết lập trong Công ty;
 - c. Kiểm tra, xem xét và đánh giá sự đầy đủ, hiệu quả và hiệu lực của hệ thống quản trị rủi ro trực thuộc Ban Tổng Giám đốc nhằm hoàn thiện hệ thống này.
3. Yêu cầu về nhân sự của Bộ phận Kiểm toán nội bộ:
- a. Không phải là người đã từng bị xử phạt từ mức phạt tiền trở lên đối với các hành vi vi phạm trong lĩnh vực chứng khoán, ngân hàng, bảo hiểm trong vòng năm (05) năm gần nhất tính tới năm được bổ nhiệm;
 - b. Trưởng Bộ phận Kiểm toán nội bộ phải là người có trình độ chuyên môn về luật, kế toán, kiểm toán; Có đủ kinh nghiệm, uy tín, thẩm quyền để thực thi có hiệu quả nhiệm vụ được giao;
 - c. Không phải là người có liên quan đến các trưởng bộ phận chuyên môn, người thực hiện nghiệp vụ, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc chi nhánh trong Công ty;
 - d. Có Chứng chỉ Những vấn đề cơ bản về chứng khoán và thị trường chứng khoán và Chứng chỉ Pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán hoặc Chứng chỉ hành nghề chứng khoán;
 - e. Không kiêm nhiệm các công việc khác trong Công ty.

CHƯƠNG IX. BAN TỔNG GIÁM ĐỐC, TỔNG GIÁM ĐỐC, CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC VÀ THƯ KÝ CÔNG TY

Điều 42: Tổ chức bộ máy quản lý

Công ty sẽ ban hành một hệ thống quản lý mà theo đó bộ máy quản lý sẽ chịu trách nhiệm và nằm dưới sự lãnh đạo của Hội đồng Quản trị. Công ty có một Tổng Giám đốc, một hoặc một số Phó Tổng Giám đốc, một Kế toán trưởng và các chức danh khác do Hội đồng Quản trị bổ nhiệm. Hội đồng Quản trị bổ nhiệm hoặc bãi miễn các chức danh nêu trên phải được thực hiện bằng một nghị quyết được thông qua một cách hợp thức.

Điều 43: Thành phần, nghĩa vụ và quyền hạn của Ban Tổng Giám đốc

1. Thành phần Ban Tổng Giám đốc của Công ty gồm có: Tổng Giám đốc và các Phó Tổng Giám đốc.
2. Thành viên Ban Tổng Giám đốc do Hội đồng Quản trị thuê hoặc bổ nhiệm. Nhiệm kỳ của các thành viên Ban Tổng Giám đốc khác là 03 năm. Số lượng thành viên Ban Tổng Giám đốc đồng thời là thành viên Hội đồng Quản trị phải ít hơn hai phần ba (2/3) tổng số ghế trong Hội đồng Quản trị.
3. Ban Tổng Giám đốc phải thiết lập và duy trì hệ thống thực thi quản trị rủi ro bao gồm các quy trình, bộ máy, nhân sự nhằm đảm bảo ngăn ngừa các rủi ro có thể ảnh hưởng tới lợi ích của Công ty và khách hàng; thiết lập và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ bao gồm cơ cấu tổ chức, nhân sự độc lập và chuyên trách, các quy trình, quy định nội bộ áp dụng đối với tất cả các vị trí, đơn vị, bộ phận và hoạt động của Công ty nhằm bảo đảm mục tiêu theo quy định của pháp luật.
4. Ban Tổng Giám đốc phải xây dựng các quy định làm việc để Hội đồng Quản trị thông qua, quy định làm việc tối thiểu phải có các nội dung cơ bản sau đây:
 - a. Trách nhiệm, nhiệm vụ cụ thể của thành viên Ban Tổng Giám đốc;
 - b. Quy định trình tự, thủ tục tổ chức và tham gia các cuộc họp;
 - c. Trách nhiệm báo cáo của Ban Tổng Giám đốc đối với Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát.
5. Trong quá trình thực thi nhiệm vụ của mình, các thành viên Ban Tổng Giám đốc có nghĩa vụ và quyền lợi sau đây:
 - a. Nghĩa vụ của thành viên Ban Tổng Giám đốc:
 - i. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao theo đúng quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, pháp luật có liên quan, Điều lệ Công ty, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị;
 - ii. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng nhằm đảm bảo lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty và cổ đông;
 - iii. Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông của Công ty; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty, lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
 - iv. Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Công ty về các doanh nghiệp mà thành viên Ban Tổng Giám đốc và người có liên quan của mình làm chủ hoặc có phần vốn góp, cổ phần chi phối; thông báo này được niêm yết tại trụ sở chính và chi nhánh của Công ty;
 - v. Công khai hóa các lợi ích và người có liên quan theo quy định của pháp luật hiện hành;
 - vi. Thành viên Ban Tổng Giám đốc không được tăng lương, trả thưởng khi Công ty không thanh toán đủ các khoản nợ đến hạn;
 - vii. Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

b. Quyền lợi của thành viên Ban Tổng Giám đốc:

Thành viên Ban Tổng Giám đốc được quyền nhận thù lao, tiền lương, thưởng theo kết quả và hiệu quả kinh doanh. Tiền lương của thành viên Ban Tổng Giám đốc do Hội đồng Quản trị quyết định;

Điều 44: Cán bộ quản lý (người quản lý khác của Công ty)

1. Theo đề nghị của Tổng Giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng Quản trị, Công ty được sử dụng số lượng và loại cán bộ quản lý cần thiết hoặc phù hợp với cơ cấu và thông lệ quản lý Công ty do Hội đồng Quản trị đề xuất tùy từng thời điểm. Cán bộ quản lý phải có sự mẫn cán cần thiết để các hoạt động và tổ chức của Công ty đạt được các mục tiêu đề ra.
2. Mức lương, tiền thù lao, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng Giám đốc sẽ do Hội đồng Quản trị quyết định và hợp đồng với những cán bộ quản lý khác sẽ do Hội đồng Quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Tổng Giám đốc.
3. Ngoài các công việc cụ thể theo hợp đồng lao động và/hoặc quyết định của Hội đồng Quản trị quyết định, cán bộ quản lý thực hiện trách nhiệm quy định tại Điều 165 Luật Doanh nghiệp.

Điều 45: Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc

1. Bổ nhiệm: Hội đồng Quản trị sẽ bổ nhiệm một thành viên trong Hội đồng hoặc thuê một người khác làm Tổng Giám đốc và sẽ ký hợp đồng quy định mức lương, thù lao, lợi ích và các điều khoản khác liên quan đến việc tuyển dụng.

2. Nhiệm kỳ:

Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc là ba (03) năm trừ khi Hội đồng Quản trị có quy định khác và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Tổng Giám đốc không được phép là những người bị pháp luật cấm giữ chức vụ này, tức là những người vị thành niên, người không đủ năng lực hành vi, người đã bị kết án tù, người đang thi hành hình phạt tù, nhân viên lực lượng vũ trang, các cán bộ công chức nhà nước và người đã bị phán quyết là đã làm cho Công ty mà họ từng lãnh đạo trước đây bị phá sản.

3. Quyền hạn và nhiệm vụ của Tổng Giám đốc:

- a. Thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng Quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;
- b. Quyết định tất cả các vấn đề không cần phải có nghị quyết của Hội đồng Quản trị, bao gồm việc thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh thường nhật của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;
- c. Kiến nghị với Hội đồng Quản trị về phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;
- d. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản trị;
- e. Tuyển dụng lao động;

- f. Kiến nghị số lượng và các loại cán bộ quản lý mà Công ty cần thuê để Hội đồng Quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm khi cần thiết nhằm áp dụng các hoạt động cũng như các cơ cấu quản lý tốt do Hội đồng Quản trị đề xuất, và tư vấn để Hội đồng Quản trị quyết định mức lương, thù lao, các lợi ích và các điều khoản khác của hợp đồng lao động của cán bộ quản lý;
- g. Tham khảo ý kiến của Hội đồng Quản trị để quyết định số lượng người lao động, mức lương, trợ cấp, lợi ích, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ;
- h. Trước ngày 31 tháng 12 hàng năm, Tổng Giám đốc phải trình Hội đồng Quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách;
- i. Thực thi kế hoạch kinh doanh hàng năm được Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng Quản trị thông qua;
- j. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;
- k. Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng tháng của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng tháng của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bản cân đối kế toán, báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính sẽ phải được trình để Hội đồng Quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty;
- l. Thực hiện tất cả các hoạt động khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế của Công ty, các nghị quyết của Hội đồng Quản trị, hợp đồng lao động của Tổng Giám đốc và pháp luật;
- m. Ký quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm các chức danh theo phê duyệt chủ trương của Hội đồng Quản trị;
- n. Phê duyệt, ban hành các quy chế, quy định, quy trình, hướng dẫn không thuộc phạm vi phê duyệt, ban hành của Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị.
- o. Tổng Giám đốc có quyền ủy quyền cho cá nhân khác phê duyệt, ban hành các văn bản trên, việc ủy quyền phải được lập thành văn bản cụ thể;
- p. Báo cáo lên Hội đồng Quản trị và các cổ đông:

Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng Quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cơ quan này khi được yêu cầu;
- q. Thực hiện trách nhiệm của người quản lý Công ty theo quy định tại Điều 165 Luật Doanh nghiệp;
- r. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị.

4. Bãi nhiệm:

Hội đồng Quản trị có thể bãi nhiệm Tổng Giám đốc trong các trường hợp sau đây:

- a. Khi có từ hai phần ba thành viên Hội đồng Quản trị trở lên biểu quyết tán thành (trong trường hợp này không tính biểu quyết của Tổng Giám đốc) và bổ nhiệm một Tổng Giám đốc mới thay thế. Tổng

Giám đốc bị bãi nhiệm có quyền phản đối việc bãi nhiệm này tại Đại hội đồng cổ đông tiếp theo gần nhất.

- b. Không còn đủ tiêu chuẩn và Điều kiện làm Tổng Giám đốc theo quy định pháp luật hiện hành.
- c. Có đơn xin từ chức và được chấp nhận.

Điều 46: Thư ký Công ty và người phụ trách quản trị Công ty

1. Thư ký Công ty:

Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm thư ký công ty. Thư ký công ty có quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a. Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị; ghi chép các biên bản họp;
- b. Hỗ trợ thành viên Hội đồng Quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;
- c. Hỗ trợ Hội đồng Quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị Công ty;
- d. Hỗ trợ Công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông; việc tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;
- e. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ Công ty;
- f. Thư ký Công ty có trách nhiệm bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

2. Người phụ trách quản trị Công ty:

- a. Hội đồng Quản trị chỉ định ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị Công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị Công ty được tiến hành một cách có hiệu quả. Người phụ trách quản trị có thể kiêm nhiệm làm Thư ký theo quy định tại Điều 46.1.
- b. Người phụ trách quản trị Công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:
 - i. Có hiểu biết về pháp luật;
 - ii. Không được đồng thời làm việc cho Công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty;
 - iii. Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và quyết định của Hội đồng Quản trị.
- c. Hội đồng Quản trị có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng Quản trị có thể bổ nhiệm Trợ lý Người phụ trách quản trị Công ty tùy từng thời điểm.
- d. Người phụ trách quản trị Công ty có các quyền và nghĩa vụ sau:
 - i. Tư vấn Hội đồng Quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;

- ii. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng Quản trị hoặc Ban Kiểm soát;
- iii. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
- iv. Tham dự các cuộc họp;
- v. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng Quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;
- vi. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng Quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng Quản trị và Kiểm soát viên;
- vii. Giám sát và báo cáo Hội đồng Quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty.
- viii. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;
- ix. Là đầu mối liên lạc với các bên có liên quan;
- x. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ.

Điều 47: Bộ phận Kiểm soát nội bộ và Quản trị rủi ro trực thuộc Ban Tổng Giám đốc

1. Bộ phận Kiểm soát nội bộ có nhiệm vụ kiểm soát tuân thủ những nội dung sau:
 - a. Kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định pháp luật, điều lệ Công ty, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, quyết định của Hội đồng Quản trị, các quy chế, quy trình nghiệp vụ, quy trình quản trị rủi ro của Công ty, của các bộ phận có liên quan và của người hành nghề chứng khoán trong Công ty;
 - b. Giám sát thực thi các quy định nội bộ, các hoạt động tiềm ẩn xung đột lợi ích trong nội bộ Công ty, đặc biệt đối với các hoạt động kinh doanh của bản thân Công ty và các giao dịch cá nhân của nhân viên Công ty; giám sát việc thực thi trách nhiệm của cán bộ, nhân viên trong Công ty, thực thi trách nhiệm của đối tác đối với các hoạt động đã ủy quyền;
 - c. Kiểm tra nội dung và giám sát việc thực hiện các quy tắc về đạo đức nghề nghiệp;
 - d. Giám sát việc tính toán và tuân thủ các quy định đảm bảo an toàn tài chính;
 - e. Tách biệt tài sản của khách hàng;
 - f. Bảo quản, lưu giữ tài sản của khách hàng;
 - g. Kiểm soát việc tuân thủ quy định của pháp luật về phòng, chống rửa tiền;
 - h. Nội dung khác theo nhiệm vụ Tổng Giám đốc giao.
2. Yêu cầu về nhân sự của Bộ phận Kiểm soát nội bộ:
 - a. Trưởng bộ phận kiểm soát nội bộ phải là người có trình độ chuyên môn về luật, kế toán, kiểm toán; Có đủ kinh nghiệm, uy tín, thẩm quyền để thực thi có hiệu quả nhiệm vụ được giao;
 - b. Không phải là người có liên quan đến các trưởng bộ phận chuyên môn, người thực hiện nghiệp

vụ, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc chi nhánh trong Công ty chứng khoán;

- c. Có Chứng chỉ hành nghề chứng khoán hoặc Chứng chỉ Những vấn đề cơ bản về chứng khoán và thị trường chứng khoán và Chứng chỉ Pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán;
- d. Không kiêm nhiệm các công việc khác trong Công ty.

3. Nhiệm vụ của hệ thống thực thi quản trị rủi ro:

- a. Xác định chính sách thực thi và mức độ chấp nhận rủi ro của Công ty;
- b. Xác định rủi ro của Công ty;
- c. Đo lường rủi ro;
- d. Giám sát, ngăn ngừa, phát hiện và xử lý rủi ro.

CHƯƠNG X. NHIỆM VỤ CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ

Điều 48: Trách nhiệm cẩn trọng của Thành viên Hội đồng Quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý

Thành viên Hội đồng Quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý được uỷ thác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng Quản trị, một cách trung thực và theo phương thức mà họ tin là vì lợi ích cao nhất của Công ty và với một mức độ cẩn trọng mà một người thận trọng thường có khi đảm nhiệm vị trí tương đương và trong hoàn cảnh tương tự.

Điều 49: Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng Quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc điều hành, cán bộ quản lý khác phải công khai các lợi ích liên quan theo quy định tại Điều 164 Luật Doanh nghiệp, các văn bản pháp luật liên quan.
2. Thành viên Hội đồng Quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.
3. Thành viên Hội đồng Quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc điều hành và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát các giao dịch giữa Công ty, Công ty con, Công ty khác do Công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính thành viên đó hoặc với những người có liên quan tới thành viên đó theo quy định của pháp luật. Công ty phải thực hiện công bố thông tin về nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc nghị quyết Hội đồng Quản trị thông qua các giao dịch nêu trên trong thời hạn 24 giờ trên trang thông tin điện tử của Công ty và báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.
4. Thành viên Hội đồng Quản trị không được biểu quyết đối với các giao dịch mà thành viên đó hoặc người có liên quan đến thành viên đó tham gia, bao gồm các giao dịch mà lợi ích vật chất hay phi vật chất của thành viên Hội đồng Quản trị đó chưa được xác định. Các giao dịch nêu trên phải được công bố trong Báo cáo thường niên của Công ty.

5. Các thành viên Hội đồng Quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc điều hành, cán bộ quản lý khác và những người có liên quan tới các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.
6. Thành viên Hội đồng Quản trị, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng Quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng Quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Công ty.
7. Thành viên Hội đồng Quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng Quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác. Những đối tượng nêu trên chỉ được sử dụng những cơ hội đó khi các thành viên Hội đồng Quản trị không có lợi ích liên quan đã quyết định không truy cứu vấn đề này.
8. Trừ khi Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác, Công ty không được phép cấp các khoản vay, bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng Quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, cán bộ quản lý và những người có liên quan của các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính trừ trường hợp Công ty và tổ chức có liên quan tới thành viên này là các Công ty trong cùng tập đoàn hoặc các Công ty hoạt động theo nhóm Công ty, bao gồm Công ty mẹ - Công ty con, tập đoàn kinh tế và pháp luật chuyên ngành có quy định khác.
9. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng Quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, người điều hành khác và cá nhân, tổ chức có liên quan đến các đối tượng này không bị vô hiệu hoá trong các trường hợp sau đây:
 - a. Đối với hợp đồng có giá trị bằng hoặc dưới 20% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của cán bộ quản lý hoặc thành viên Hội đồng Quản trị đã được báo cáo cho Hội đồng Quản trị hoặc tiểu ban liên quan. Đồng thời, Hội đồng Quản trị hoặc tiểu ban đó đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng không có lợi ích liên quan; hoặc
 - b. Đối với những hợp đồng có giá trị lớn hơn 20% của tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của cán bộ quản lý hoặc thành viên Hội đồng Quản trị đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đó đã bỏ phiếu tán thành hợp đồng hoặc giao dịch này;
 - c. Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của Công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được Hội đồng Quản trị hoặc một tiểu ban trực thuộc Hội đồng Quản trị hay các cổ đông cho phép thực hiện, thông qua hoặc phê chuẩn.
10. Thành viên Hội đồng Quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, cán bộ quản lý hay người có liên quan của họ không được phép mua hay bán hoặc giao dịch theo bất cứ hình thức nào khác các cổ phiếu của Công ty hoặc Công ty con của Công ty vào thời điểm họ có được những thông tin chắc chắn sẽ gây ảnh hưởng đến giá của những cổ phiếu đó và các cổ đông khác lại không biết những thông tin này.
11. Công ty áp dụng các biện pháp cần thiết để ngăn ngừa cổ đông và những người có liên quan tiến hành các giao dịch làm thất thoát vốn, tài sản hoặc các nguồn lực khác của Công ty. Công ty không được cung cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các cổ đông và những người có liên quan.

Điều 50: Chấp thuận hợp đồng, giao dịch giữa công ty với người có liên quan

1. Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận hợp đồng, giao dịch giữa công ty với người có liên quan sau đây:
 - a. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của Công ty và người có liên quan của họ;
 - b. Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng giám đốc và người có liên quan của họ;
 - c. Doanh nghiệp mà thành viên Hội đồng Quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người quản lý khác của Công ty phải kê khai theo quy định tại khoản 2 Điều 164 của Luật Doanh nghiệp.
2. Hội đồng Quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch theo quy định khoản 1 Điều này và có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất. Trường hợp này, người đại diện công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội đồng Quản trị, Kiểm soát viên về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng Quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày nhận được thông báo, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định một thời hạn khác; thành viên Hội đồng Quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.
3. Đại hội đồng cổ đông chấp thuận hợp đồng, giao dịch sau đây:
 - a. Hợp đồng, giao dịch khác ngoài hợp đồng, giao dịch quy định tại khoản 2 Điều này;
 - b. Hợp đồng, giao dịch vay, cho vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất giữa công ty và cổ đông sở hữu trên 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó.
4. Trường hợp chấp thuận hợp đồng, giao dịch theo quy định tại khoản 3 Điều này, người đại diện công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho Hội đồng Quản trị và Kiểm soát viên về đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị trình dự thảo hợp đồng, giao dịch hoặc giải trình về nội dung chủ yếu của hợp đồng, giao dịch tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Trường hợp này, cổ đông có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết, hợp đồng, giao dịch được chấp thuận theo quy định tại Điều 29.3 của Điều lệ.
5. Hợp đồng, giao dịch bị vô hiệu theo quyết định của Tòa án và xử lý theo quy định của pháp luật khi được ký kết không đúng với quy định tại Điều này; người ký kết hợp đồng, giao dịch, cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị hoặc Giám đốc hoặc Tổng giám đốc có liên quan phải liên đới bồi thường thiệt hại phát sinh, hoàn trả cho công ty khoản lợi thu được từ việc thực hiện hợp đồng, giao dịch đó.
6. Công ty phải công khai hợp đồng, giao dịch có liên quan theo quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 51: Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Trách nhiệm về thiệt hại: Thành viên Hội đồng Quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý vi phạm nghĩa vụ hành động một cách trung thực, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự cẩn trọng, mẫn cán và năng lực chuyên môn sẽ phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Bồi thường: Công ty sẽ bồi thường cho những người đã, đang và có nguy cơ trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố đã, đang hoặc có thể sẽ được tiến hành cho dù đây là vụ việc dân sự, hành chính (mà không phải là việc kiện tụng do Công ty thực hiện hay thuộc quyền khởi xướng của Công ty) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng Quản trị, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc là đại diện được Công ty (hay Công ty con của Công ty) uỷ quyền, hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty (hay Công ty con của Công ty) với tư cách thành viên Hội đồng Quản trị, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc đại diện được uỷ quyền của một Công ty, đối tác, liên doanh, tín thác hoặc pháp nhân khác. Những chi phí được bồi thường bao gồm: các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là mức hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép, với điều kiện là người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, miễn cưỡng và với năng lực chuyên môn theo phương thức mà người đó tin tưởng rằng đó là vì lợi ích hoặc không chống lại lợi ích cao nhất của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có sự phát hiện hay xác nhận nào rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình. Công ty có quyền mua bảo hiểm cho những người đó để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

CHƯƠNG XI. BAN KIỂM SOÁT

Điều 52: Kiểm soát viên

1. Số lượng Kiểm soát viên là ba (03) thành viên. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá ba (03) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

Ít nhất một thành viên của Ban kiểm soát là người có chuyên môn về tài chính kế toán. Thành viên này không phải là nhân viên trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty và không phải là thành viên hay nhân viên của Công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện việc kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty hoặc đã thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong ba (03) năm liền trước đó.

Ban Kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Ban Kiểm soát theo quy định tại Điều 20.3. Số lượng cụ thể của ứng cử viên được quy định tại Điều 20.3. Việc đề cử thực hiện như sau:
- Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm cho mục đích đề cử phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;
 - Căn cứ số lượng Kiểm soát viên, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng Quản trị. Trường hợp số ứng cử viên được đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.
3. Trường hợp Kiểm soát viên đã kết thúc nhiệm kỳ và Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì Kiểm soát viên đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nhiệm vụ cho đến khi Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.
4. Trường hợp số Kiểm soát viên bị giảm quá 1/3 (một phần ba) theo quy định tại Điều lệ Công ty hoặc không đủ số thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật, trong thời hạn không quá sáu mươi (60) ngày, kể từ ngày không đủ số lượng theo quy định thì triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung.

Điều 53: Ban Kiểm soát

1. Công ty phải có Ban Kiểm soát và Ban Kiểm soát sẽ có quyền hạn và trách nhiệm theo quy định tại Điều 170 của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này và các quyền, nghĩa vụ sau đây:
 - a. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;
 - b. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình;
 - c. Giám sát tình hình tài chính của Công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc), người quản lý khác;
 - d. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc) và cổ đông;
 - e. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc) và người điều hành khác của doanh nghiệp, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;
 - f. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua;
 - g. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
 - h. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc;
 - i. Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc) và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty;
 - j. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.
2. Trưởng Ban Kiểm soát:
 - a. Các Kiểm soát viên bầu một (01) người trong số họ làm Trưởng Ban Kiểm soát theo nguyên tắc đa số. Trưởng Ban Kiểm soát phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại Công ty.
 - b. Trưởng Ban Kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:
 - i. Triệu tập cuộc họp Ban Kiểm soát và hoạt động với tư cách là Trưởng Ban Kiểm soát;
 - ii. Yêu cầu Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo các thành viên của Ban Kiểm soát;
 - iii. Lập và ký báo cáo của Ban Kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng Quản trị để trình lên Đại hội đồng cổ đông.
3. Cuộc họp của Ban Kiểm soát:

- a. Ban Kiểm soát phải họp ít nhất hai (02) lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là 2/3 số Kiểm soát viên. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các Kiểm soát viên tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban Kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng Kiểm soát viên.
- b. Ban Kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng giám đốc) và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.
- c. Thông báo và chương trình họp:
 - i. Cuộc họp Ban Kiểm soát được tiến hành sau ba (03) ngày dương lịch kể từ ngày gửi thông báo cho các Kiểm soát viên. Thông báo về cuộc họp Ban Kiểm soát được làm bằng văn bản tiếng Việt hoặc tiếng Anh, trong đó nêu rõ về: chương trình họp, thời gian họp, địa điểm và phải được kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp Ban Kiểm soát và cả các phiếu bầu cho những Kiểm soát viên không thể dự họp. Những Kiểm soát viên này sẽ gửi phiếu bầu cho Ban Kiểm soát trước khi họp.
 - ii. Thông báo mời họp có thể được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng Kiểm soát viên được đăng ký tại Công ty.
 - iii. Đối với các cuộc họp bất thường, thông báo mời họp có thể được gửi trong vòng 24 giờ trước giờ họp bằng fax, thư điện tử hoặc phương tiện điện tử khác nhưng phải đảm bảo đến được địa chỉ của từng Kiểm soát viên được đăng ký tại Công ty.

Điều 54: Tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên

1. Từ 21 tuổi trở lên, có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định tại Khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp.
2. Không được giữ chức vụ quản lý trong Công ty, không phải là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột của thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác.
3. Trưởng Ban Kiểm soát không được đồng thời là Kiểm soát viên, người quản lý của Công ty chứng khoán khác. Trưởng Ban Kiểm soát phải là kế toán viên hoặc kiểm toán viên chuyên nghiệp và làm việc chuyên trách, trừ trường hợp Điều lệ Công ty quy định tiêu chuẩn khác cao hơn.
4. Có trình độ chuyên môn về chứng khoán và thị trường chứng khoán; Có trình độ chuyên môn hoặc kinh nghiệm nghề nghiệp về kế toán, kiểm toán hoặc trình độ chuyên môn, kinh nghiệm thực tế trong ngành tài chính, ngân hàng;
5. Không thuộc các trường hợp sau:
 - a. Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
 - b. Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong ba (03) năm liền trước đó.
6. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

- a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại khoản 2 Điều này;
 - b. Có đơn từ chức và được chấp thuận.
7. Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:
- a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
 - b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - c. Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của Kiểm soát viên theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
 - d. Theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

CHƯƠNG XII. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 55: Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:
 - a. Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
 - b. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng Quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty.
2. Trường hợp đại diện được ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.
3. Thành viên Hội đồng Quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và người điều hành khác có quyền tra cứu sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông, sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.
4. Công ty phải lưu giữ Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng Quản trị, các báo cáo của Ban Kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán, Danh sách chủ sở hữu hưởng lợi của doanh nghiệp (nếu có) và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.
5. Điều lệ Công ty và Quy chế Quản trị phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

CHƯƠNG XIII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 56: Công nhân viên và công đoàn

Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng Quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, lao động, buộc thôi việc, lương bổng, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với cán bộ quản lý và người lao động cũng như những mối quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn được công nhận theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG XIV. PHÂN CHIA LỢI NHUẬN

Điều 57: Cổ tức

1. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và theo quy định của pháp luật, cổ tức sẽ được công bố và chi trả từ lợi nhuận giữ lại của Công ty nhưng không được vượt quá mức do Hội đồng Quản trị đề xuất sau khi đã tham khảo ý kiến cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông.
2. Theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Hội đồng Quản trị có thể quyết định thanh toán cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của Công ty.
3. Công ty không trả lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.
4. Hội đồng Quản trị có thể đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng những tài sản cụ thể (như cổ phiếu hoặc trái phiếu đã được thanh toán đầy đủ do Công ty khác phát hành) và Hội đồng Quản trị là cơ quan thực thi nghị quyết này.
5. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty sẽ phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam và có thể thanh toán bằng séc hoặc lệnh trả tiền gửi qua bưu điện tới địa chỉ đã đăng ký của cổ đông thụ hưởng và trường hợp có rủi ro phát sinh (từ địa chỉ đã đăng ký của cổ đông) thì cổ đông đó phải chịu. Ngoài ra, các khoản tiền trả cổ tức hoặc các khoản tiền khác được chi trả bằng tiền mặt liên quan tới một loại cổ phiếu có thể được chi trả bằng chuyển khoản ngân hàng khi Công ty đã có thông tin chi tiết về ngân hàng của cổ đông nhằm cho phép Công ty thực hiện được việc chuyển khoản trực tiếp vào tài khoản ngân hàng của cổ đông. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty chuyển cho cổ đông thụ hưởng. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán có thể được tiến hành thông qua Công ty chứng khoán hoặc Trung tâm Lưu ký.
6. Trường hợp có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị có thể quyết định và thông báo rằng những người sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức bằng các cổ phần phổ thông thay cho cổ tức bằng tiền mặt. Các cổ phần bổ sung để trả cổ tức này được ghi là những cổ phần đã thanh toán đầy đủ tiền mua trên cơ sở giá trị của các cổ phần trả cổ tức phải tương đương với số tiền mặt trả cổ tức.
7. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng Quản trị có thể thông qua nghị quyết xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân chia lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.
8. Công ty chỉ được chia lợi nhuận cho các cổ đông phổ thông khi Công ty kinh doanh có lãi và đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật, đồng thời vẫn bảo đảm thanh toán các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản đến hạn trả khác sau khi chia lợi nhuận.
9. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG XV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN

Điều 58: Tài khoản ngân hàng

1. Công ty sẽ mở tài khoản tại một ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.
2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.
3. Công ty sẽ tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 59: Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ

Hàng năm, Công ty không phải trích lập quỹ dự trữ để bổ sung vốn điều lệ từ khoản lợi nhuận sau thuế của mình, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác. Trong trường hợp trích lập quỹ dự trữ để bổ sung vốn điều lệ từ khoản lợi nhuận sau thuế của Công ty, Đại hội đồng cổ đông quyết định tỷ lệ trích cụ thể.

Điều 60: Năm tài chính

1. Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 hàng năm và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 dương lịch cùng năm.
2. Năm tài chính đầu tiên của Công ty bắt đầu từ ngày thành lập và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 của năm đó. Trường hợp năm tài chính đầu tiên của Công ty ít hơn bốn (04) tháng, Báo cáo tài chính của năm đó được kiểm toán gộp với Báo cáo của năm tài chính tiếp theo.

Điều 61: Hệ thống kế toán

1. Hệ thống kế toán Công ty sử dụng là Hệ thống Kế toán Việt Nam (VAS) hoặc hệ thống kế toán khác được Bộ Tài chính chấp thuận.
2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và tiếng Anh. Công ty sẽ lưu giữ hồ sơ kế toán theo loại hình của các hoạt động kinh doanh mà Công ty tham gia. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.
3. Công ty sử dụng đồng Việt Nam làm đơn vị tiền tệ dùng trong kế toán.

CHƯƠNG XVI. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG

Điều 62: Báo cáo hàng năm, sáu tháng và hàng quý

1. Công ty phải lập bản báo cáo tài chính hàng năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 64 của Điều lệ này, và trong thời hạn 90 ngày kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính, phải nộp báo cáo tài chính hàng năm cho cơ quan thuế có thẩm quyền, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán và cơ quan đăng ký kinh doanh.
2. Báo cáo tài chính năm, báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 31 tháng 12, báo cáo tài chính bán niên, báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 30 tháng 6 của Công ty phải được một tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán, soát xét theo đúng quy định.

3. Tổ chức kiểm toán độc lập và các nhân viên của Công ty kiểm toán độc lập thực hiện việc kiểm toán cho Công ty phải được UBCK chấp thuận. Đại hội đồng cổ đông thường niên chỉ định một Công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các Công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng Quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành các hoạt động kiểm toán Công ty cho năm tài chính của kỳ họp thường niên tương ứng. Trong cùng năm tài chính, Công ty chứng khoán không được thay đổi tổ chức kiểm toán được chấp thuận, trừ trường hợp Công ty mẹ thay đổi tổ chức kiểm toán được chấp thuận hoặc tổ chức kiểm toán được chấp thuận bị đình chỉ hoặc bị hủy bỏ tư cách được chấp thuận kiểm toán.
4. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi và lỗ của Công ty trong năm tài chính và bản cân đối kế toán phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình các hoạt động của Công ty cho đến thời điểm lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính. Trường hợp Công ty là một Công ty mẹ, ngoài báo cáo tài chính năm còn phải bao gồm bản cân đối kế toán tổng hợp về tình hình hoạt động của Công ty và các Công ty con vào cuối mỗi năm tài chính.
5. Tổng số tiền thù lao, tiền lương của thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, phải được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.
6. Công ty phải lập các báo cáo sáu tháng và hàng quý theo các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và nộp cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán.
7. Bản tóm tắt nội dung báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán phải được gửi tới tất cả các cổ đông và được công bố một (01) số báo có phạm vi phát hành trong toàn quốc. Trường hợp Công ty có website riêng, các báo cáo tài chính được kiểm toán, báo cáo quý và sáu tháng của Công ty phải được công bố trên website đó.
8. Các tổ chức, cá nhân quan tâm đều được quyền kiểm tra hoặc sao chụp bản báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán, báo cáo sáu tháng và hàng quý trong giờ làm việc của Công ty, tại trụ sở chính của Công ty và phải trả một mức phí hợp lý cho việc sao chụp.
9. Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 63: Công bố thông tin và thông báo ra công chúng

Các báo cáo tài chính hàng năm và các tài liệu bổ trợ khác phải được công bố ra công chúng theo những quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Bộ Tài Chính và nộp cho cơ quan thuế hữu quan và cơ quan đăng ký kinh doanh theo các quy định của Luật Doanh nghiệp.

CHƯƠNG XVII. KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 64: Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên chỉ định một Công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các Công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng Quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành các hoạt động kiểm toán Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thoả thuận với Hội đồng Quản trị.
2. Công ty sẽ phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính hàng năm cho Công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.

3. Một bản sao của báo cáo kiểm toán sẽ phải được gửi đính kèm với mỗi bản báo cáo kế toán hàng năm của Công ty.
4. Kiểm toán viên thực hiện việc kiểm toán Công ty sẽ được phép tham dự mọi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến Đại hội đồng cổ đông mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến kiểm toán.

CHƯƠNG XVIII. CON DẤU

Điều 65: Con dấu

1. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.
2. Hội đồng Quản trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty (nếu có).
3. Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc sử dụng và quản lý dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG XIX. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG

Điều 66: Chấm dứt hoạt động

1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:
 - a. Khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty, kể cả sau khi đã gia hạn;
 - b. Tòa án tuyên bố Công ty phá sản theo quy định của pháp luật hiện hành;
 - c. Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;
 - d. Giải thể trước thời hạn theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
 - e. Các trường hợp khác do pháp luật quy định.
2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng Quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải thông báo hay xin chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

Điều 67: Gia hạn hoạt động

1. Hội đồng Quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất bảy (07) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị.
2. Thời hạn hoạt động được gia hạn khi có số cổ đông đại diện từ 65% trở lên tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông tán thành.

Các bên liên quan sẽ cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng Quản trị hay Chủ tịch Hội đồng Quản trị, Chủ tịch Hội đồng Quản trị sẽ chủ trì việc giải quyết tranh chấp và sẽ yêu cầu từng bên trình bày các yếu tố thực tiễn liên quan đến tranh chấp trong vòng năm (05) ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng Quản trị hay Chủ tịch Hội đồng Quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu Chủ tịch Hội đồng Quản trị chỉ định một chuyên gia độc lập để hành động với tư cách là trọng tài cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng sáu (06) tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài kinh tế hoặc Toà án có thẩm quyền tại Việt Nam.
3. Các bên sẽ tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Các chi phí của Toà án sẽ do Toà phán quyết bên nào phải chịu.

CHƯƠNG XXI. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 71: Bổ sung và sửa đổi Điều lệ

1. Việc bổ sung, sửa đổi Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định.
2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

CHƯƠNG XXII. NGÀY HIỆU LỰC

Điều 72: Ngày hiệu lực

1. Bản điều lệ này gồm hai mươi hai (22) chương, bảy mươi hai (72) điều, được thông qua vào ngày 10 tháng 01 năm 2025.
2. Hiệu lực của Điều lệ:
 - a. Điều lệ có hiệu lực kể từ ngày ký;
 - b. Kể từ thời điểm Điều lệ có hiệu lực, nếu (i) Trụ sở đăng ký của Công ty (quy định tại Điều 2.3), (ii) Ngành, nghề kinh doanh của Công ty (quy định tại Điều 4.1), (iii) Vốn điều lệ của Công ty (quy định tại Điều 6.1) được điều chỉnh trong thực tế, thì các nội dung mới này sẽ được tự động cập nhật vào Điều lệ để thay thế các nội dung tương ứng trước đó. Điều lệ với các nội dung mới đã được cập nhật (nếu có) sẽ được ký bởi Chủ tịch Hội đồng Quản trị và có hiệu lực kể từ ngày ký.

Các nội dung cập nhật (nếu có) cần được đưa vào Điều lệ Công ty của năm tài chính tiếp theo

để trình Đại hội đồng cổ đông năm tiếp theo thông qua.

- c. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.
3. Điều lệ được lập thành năm (05) bản bằng tiếng Việt và hai (02) bản bằng tiếng Anh có giá trị như nhau.
4. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.
5. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng Quản trị hoặc tối thiểu một phần hai tổng số thành viên Hội đồng Quản trị hoặc Tổng Giám đốc mới có giá trị.

Ký ngày 16 tháng 04 năm 2026.

**CHỮ KÝ CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA CÔNG TY**



Ông ALBERT KWANG-CHIN TING

